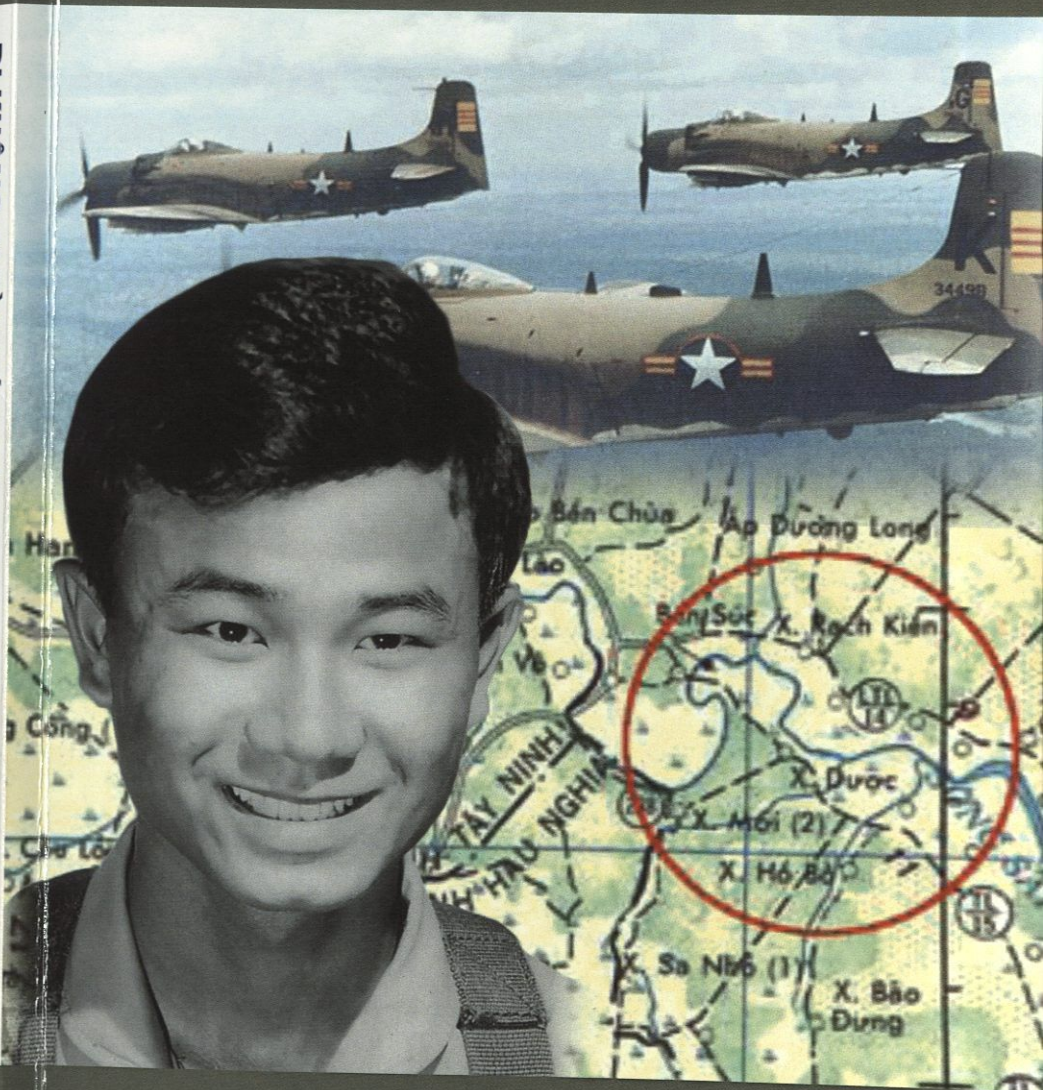


Giao Chỉ Văn Tuyển 2015 cuốn số 1

ĐI KHÔNG AI TÌM XÁC RỜI

ĐI KHÔNG AI TÌM XÁC RỜI * Giao Chỉ Văn Tuyển 2015 cuốn số 1



*Giao Chỉ Giới Thiệu, Bút Ký của Phạm Kha
và các văn tuyển thời sự 40 năm nhìn lại...*



LỜI NÓI ĐẦU.

Giao Chỉ, San Jose

Xin giới thiệu tác phẩm số 1 của tủ sách Giao Chỉ Văn Tuyển xuất bản năm 2015. Ghi dấu 40 năm nhìn lại con đường tác giả đã đi qua. Mở đầu bằng bút ký đặc biệt của cô Phạm Kha, một phụ nữ chưa từng viết văn, chỉ giản dị kể lại đoạn trường đã trải qua trong việc đi tìm lại xác người phi công trẻ tuổi đã hy sinh trong cuộc chiến. Thêm nhiều chuyện hết sức đặc biệt của những cánh hoa Việt Nam trong thời ly loạn. Tất cả đều là chuyện thật chúng tôi xin kể lại hầu quý vị để sau này con cháu chúng ta biết được cha mẹ các em đã hy sinh ra sao trong chiến tranh. Đã trải qua bao nhiêu đau thương để tồn tại mà xây dựng cuộc sống trên đất mới. Bốn mươi năm đã qua, nhưng chuyện cũ vẫn không quên. Thêm một lần 30 tháng tư. Hãy cùng những người phụ nữ Việt Nam tưởng niệm anh phi công khu trục chết ở Bình Dương, anh trực thăng chết ở Hạ Lào, anh thủy quân lục chiến chết ở Quảng Trị, anh nhảy dù chết ở Sài Gòn và anh không quân chết khi trốn trại ở Bình Tuy. Ngày ấy bác ở đâu. Xin hãy sống cho xứng đáng với những người đã chết vì 30 tháng 4-1975.

“ ĐI KHÔNG AI TÌM XÁC RƠI ...”

Giao Chỉ, San Jose.

**Văn tuyển chuyện đời thường 40 năm sau kể lại
(1975-2015) Việt Museum San Jose phát hành, Giao
Chỉ giới thiệu**

**"Đi không ai tìm xác rơi" là tựa đề tập bút ký của
Phạm Kha, cô em vợ đã bỏ hai năm đi tìm xác
người anh rể thay chị ...**

**Máy bay rớt năm 1966 tại Hồ Bò, trong lãnh thổ
tỉnh Hậu Nghĩa. Anh phi công khu trục của không
quân Việt Nam Cộng Hòa nằm chờ 40 năm trong
lòng đất quê hương. Một chuyện MIA rất Việt Nam.
Trải qua bao nhiêu gian nan. Tìm được xác người
phi công trẻ và mai táng lại ngay tại địa phương.
Cả làng cộng sản Hồ Bò đi đưa đám.**

Hàng năm cứ vào đầu tháng 7, thân nhân từ
Hoa Kỳ lại trở về làm giỗ cho anh Bùi Đại Giang. Cán
bộ, công an và dân làng cùng tham dự. Hình ảnh
chàng thanh niên Bắc Kỳ đi lính không quân "Ngụy
Sài Gòn" in trên mộ bia đã làm rung động mọi người.
Câu chuyện chia làm 20 phân đoạn. Chuyện thật mà
hấp dẫn hơn tiểu thuyết. Giao Chỉ giới thiệu nhân dịp
tưởng niệm 30 tháng 4 lần thứ 40. Cũng là 49 năm
sau ngày phi công Bùi Đại Giang gãy cánh, đi không
ai tìm xác rơi

DI SẢN CHIẾN TRANH .

Bài ca Không Quân Việt Nam hành khúc được nhạc sĩ Văn Cao sáng tác ngay từ thời không quân Việt Nam chưa thành lập đã có những lời hết sức oai hùng nhưng cũng rất ai oán. *"Đi không lo gì xác rơi.. !"* Vào cuối thập niên 50, không quân Việt Nam Cộng Hòa được thành lập tại miền Nam và mặc nhiên bài ca bất hủ của Văn Cao trở thành ca khúc chính thức cùng với hải quân hành khúc dành cho hải quân VNCH. Tuy nhiên, đã có một sự thay đổi. *"Đi không lo gì xác rơi.."* được hát thành *"Đi không ai tìm xác rơi.."*

Nói về những hy sinh to lớn của chiến sĩ phi công, thủ tướng Anh Quốc đã có một lần lên tiếng: *"Chưa bao giờ một số đảo đảo nhân dân Đảo quốc đã nhận sự hy sinh lớn lao của một số ít chiến sĩ như vậy."* Ý ông nói đến những phi công Anh trong đệ nhị thế chiến đã hiên ngang chống trả với một số áp đảo không quân Đức quốc xã trên bầu trời thủ đô Luân Đôn.

Trong chiến tranh tại Việt Nam từ 1954 đến 1975, lịch sử cũng đã ghi lại biết bao nhiêu gương hy sinh của phi công Việt Nam Cộng Hòa. Mỗi cái chết đều là một câu chuyện nhưng khi chung sự đã xong thì việc đi tìm xác rơi vẫn còn là đề tài mãi mãi về sau.

Cuộc chiến nào rồi cũng đến ngày chấm dứt, nhưng vấn đề hậu chiến là nguồn cơn của nhiều nhu

cầu phải giải tỏa. Sau khi ký hiệp định đình chiến Paris 1973, vấn đề số một của Hoa Kỳ là giải cứu tù binh và tìm người mất tích. Hồ sơ đi tìm xác rơi của bộ quốc phòng Mỹ mở ra trên khắp các quốc gia Đông Dương. Đã có cả trường hợp đặc biệt cùng với chiến binh Hoa Kỳ được đem về an táng chung tại nghĩa trang Arlington, tại thủ đô nước Mỹ. Tổng số có 10 chiến binh Việt Nam Cộng Hòa chôn tại đây thì có vào khoảng 6 người là phi công và chiến binh không quân.

Riêng về việc đi tìm xác rơi của không quân Việt Nam thì chưa có hoàn cảnh để thực hiện đầy đủ. Cuộc chiến vẫn tiếp tục diễn tiến khốc liệt ngay sau khi thoả hiệp hòa bình được công bố. Tiếp theo, sau 30 tháng 4-75 ngay cả nghĩa trang quân đội Biên Hòa cũng không còn toàn vẹn. Chúng ta không còn miền Nam để tổ chức chính thức việc đi tìm xác rơi.

NIỀM ĐAU THÁNG 7

Bây giờ là cuối năm 2014, chúng tôi xin giới thiệu với quý vị câu chuyện đời phi công của một thanh niên trẻ Hà Nội đã sống và chết trên bầu trời miền Nam như thế nào.

Tháng 7 năm 1954 thiếu niên tên là Bùi Đại Giang đã một mình di cư vào Nam: Anh là học sinh Hồ Ngọc Cẩn rồi qua Chu Văn An. Tám năm sau chàng thanh niên Hà Nội gia nhập không quân Việt

Nam Cộng Hòa. Năm 1962 du học Hoa Kỳ. Về nước 1964. Tháng 7 năm 1966, trung úy phi công Bùi Đại Giang thuộc phi đoàn khu trục 514 từ căn cứ Biên Hòa bay trên không phận Hậu Nghĩa Bình Dương. Đó là phi vụ thường trực ngày chủ nhật. Máy bay rớt ở vùng trời Hồ Bò. Hồ sơ không ghi rõ lý do. Thân tàu cắm sâu xuống vùng ruộng nước. Mũi tàu trong lòng đất quê hương. Chỉ còn thấy đuôi con tàu trên mặt đất. Lúc đó Hồ Bò là vùng đất tranh tối tranh sáng. Không quân không tìm được xác phi công. Cả bên cộng sản suốt bao năm cũng không biết người phi công trẻ tuổi Bắc Kỳ di cư đã sống chết ra sao và di hài ngày nay nằm ở chỗ nào?

Đó là câu chuyện **"Đi không ai tìm xác rơi."**

Anh phi công đã ra đi vào tháng 7-1966 một ngày Chủ Nhật, lúc 12 giờ trưa. Tại sao lại 12 giờ trưa. Chúng tôi sẽ có câu trả lời. Thiếu niên di cư rời Hà Nội vì hiệp định Genève ký tháng 7-54, anh chết tháng 7-1966. Tôi xin kể lại câu chuyện đi tìm xác Bùi Đại Giang hầu quý vị.

BÚT KÝ PHẠM KHA :

Câu chuyện bắt đầu như thế nào! Mùa xuân 1964 khi anh Giang thành hôn với cô gái Saigon, thì cô em vợ Phạm Kha chỉ là bé gái nấp bên song cửa nhìn quang cảnh chị đi lấy chồng.

Sau đó cả gia đình ở chung một nhà, anh phi công trẻ Bắc Kỳ, cô đơn coi như ở rế. Bùi Đại Giang trở thành người anh trai của các em.

Khi Giang mất tích, cô vợ trẻ mất tinh thần ôm đứa con dại. Hình ảnh của người phi công ra đi không trở lại ghi sâu vào ký ức của cô bé Phạm Kha. Hơn 20 năm sau, cho đến đầu thập niên 90, cô Phạm Kha và gia đình đã định cư yên ổn tại Orange County, nhưng vẫn còn nhớ đến phi vụ cuối cùng của người anh rế Bắc Kỳ. Cô nghĩ đến việc đi tìm xác anh, nhưng chỉ bắt đầu từ những tin tức mơ hồ vào năm 2003.

Hoàn toàn cô đơn, không còn chính phủ, không có không quân, không có hội đoàn, cô bắt đầu suy nghĩ một mình. Với hoàn cảnh gia đình lợi tức rất trung bình, người phụ nữ tỵ nạn tự xoay sở để làm công tác gần như không ai có thể nghĩ đến chứ không nói gì đến chuyện hy vọng kết quả thành công. Chúng tôi biết được đầu đuôi câu chuyện và đã khích lệ tác giả viết thành một thiên bút ký. Tựa của tài liệu này sẽ cũng là câu hát nổi danh.

"ĐI KHÔNG AI TÌM XÁC RƠI"

GIỚI THIỆU TÁC PHẨM

Cuốn sách gồm có 20 phân đoạn hết sức hấp dẫn và sống động. Câu chuyện kể từ đầu lúc chị em tìm hiểu về phi vụ cất cánh từ Biên Hòa vào năm 1966. Cho đến khi trải qua bao nhiêu gian nan trở ngại tìm được xác anh hùng để cải táng với sự tham

dự của dân làng và các cán bộ cựu thù. Xin hãy đọc qua các tựa đề của mỗi đoạn để thấy những diễn tiến ra sao:

1-Nghĩa tử nghĩa tận. 2-Định mệnh đưa đường. 3-Đường lên Bến Súc. 4- Một nhà nhiều ý. 5-Ngổn ngang tâm sự. 6-Lại lên đường. 7-Saigon, năm Dậu. 8-Giao thiệp với chính quyền. 9-Đụng độ công an. 10-Vẫn còn gian nan. 11-Tiến thoái lưỡng nan. 12-Vẫn chưa sáng sủa. 13-Nản chí anh hùng. 14-Cầu khẩn tứ phương. 15-Tin vui giữa giờ tuyết vọng. 16- Lắm thầy nhiều ma. 17-Chiếc đồng hồ của người phi công. 18-Lễ an táng sau 40 năm. 19-Nhiệm vụ hoàn tất. 20-Cha con hội ngộ.

Như vậy cô bé Phạm Kha nhận người anh rể vào gia đình năm 1964 cho đến khi tìm được xác anh năm 2005 là 41 năm. Anh phi công Bùi Đại Giang bay phi vụ 1966 ghi là mất tích, để lại vợ và một con trai. Sự thật anh không hề mất tích. Mũi phi cơ đâm xuống lòng đất Hồ Bò thật sâu. Phần đuôi máy bay còn lại đã bị dân làng và bộ đội săn nhặt tiêu tan. Phần đầu máy bay đâm xuống quá sâu nên chẳng còn dấu vết. Việc đào bới được cũng chỉ là may mắn. Ai mà biết rằng sau khi đào sâu dưới lòng đất, toàn bộ mũi tàu bay và cả buồng lái trong đó có anh phi công vẫn còn ngồi chờ hơn 40 năm. Một phần quân phục, giầy ba chạc, dù thoát hiểm, phao cấp cứu, dao bay vẫn còn ôm ấp di hài Bùi Đại Giang bây giờ chỉ còn bộ xương. Phi cơ đâm thẳng xuống lòng đất. Phi công chết ngay

tức khắc. Đồng hồ bay còn gần nguyên vẹn những cây kim chỉ đúng 12 giờ trưa.

Toàn bộ di vật được cô Phạm Kha trao tặng cho viện bảo tàng Việt Nam tại San Jose. Tháng 7 năm 2010 chúng tôi thu xếp di vật dành riêng cho cho câu chuyện này trong một tủ kính ở khu không quân Việt Nam Cộng Hòa. Trong đoạn cuối của câu chuyện, tác giả Phạm Kha có ghi lại vào năm 2006 đã đưa con trai của người phi công về làm giỗ cho cha tại nơi anh được cải táng. Quý vị có biết rằng, di hài vị tư lệnh sư đoàn 5 bộ binh tự vẫn tại Lai Khê, đã được gia đình đưa về an táng ở Sơn Tây. Nơi làng cũ của ông, hiện nay có thờ bài vị của Lê Nguyên Vỹ, được gọi tượng công Tư lệnh Sư đoàn Lai Khê của quân đội Saigon.

Cũng như vậy, việc truy tìm và cải táng di hài phi công Bùi Đại Giang đã được dân làng tại Hồ Bò rất tôn kính và vì nề. Từ chính quyền xã ấp đến dân thường đều quan tâm câu chuyện cô gái Việt kiều về tìm xác anh rể. Mỗi năm, vào tháng 7, gia đình từ Cali về Hồ Bò làm giỗ, mọi người đều đến thắp nhang. Hình anh phi công trẻ đẹp như thiên thần in trên mộ bia và đặt trên bàn thờ làm mọi người xững sờ xúc động.

Năm nay, tháng 7 trở về, trên ngôi mộ của anh phi công phi đoàn 514 tại Hồ Bò có người dân làng xa lạ thắp hương tưởng niệm. Tại viện bảo tàng Việt Nam San Jose cũng sẽ có một nén hương cho anh Bắc Kỳ Bùi Đại Giang. Nén hương tưởng niệm cho tháng 7-

54 Genève cắt đôi đất nước. Rồi đến nén hương cho đi tản 75, đất nước thống nhất đã 40 năm mà đau thương sao vẫn chưa thật sự hàn gắn.

Ngoài Bùi Đại Giang, thanh niên Hà Nội chết trên không phận Hậu Nghĩa, Bình Dương, nằm yên nghỉ tại Hồ Bò. Ngoài Tướng Lê Nguyên Vỹ, chết tại Bến Cát nằm yên nghỉ tại Sơn Tây, còn bao nhiêu chiến sĩ Việt Nam Cộng Hòa khác. Mười sáu ngàn tử sĩ ở lại nghĩa trang quân đội Biên Hòa. Có anh bỏ xác bên Cam Bốt và Hạ Lào. Có anh nằm bên trại tù Thái Nguyên, Yên Bái. Có anh chôn chung với quân nhân Mỹ tại Arlington. Sau cùng có cả di hài tro bụi của lính Công Hòa chôn chung với các phóng viên Hoa Kỳ tại News Museum, thủ đô Hoa Thịnh Đốn. Nhưng có ai còn quan tâm là xác các anh đang ở nơi nào...

PHI ĐOÀN 514

Phi đoàn 514 đồn trú tại Biên Hòa là phi đoàn khu trục đầu tiên của Không quân Việt Nam. Năm 1966 là năm oan nghiệt. Mang huy hiệu Phượng Hoàng, phi đoàn đã mất 6 phi công kể cả thiếu tá Phi đoàn trưởng là Chế Văn Nghĩa. Bùi Đại Giang cũng là một trong những phi công đã ra đi năm 66. Những hy sinh lớn lao của 514 đã đem cho đơn vị Phượng Hoàng 6 lần tuyên dương công trạng với giầy biểu chương Bảo Quốc màu đỏ. Trong chuyến bay định mệnh vào trưa ngày chủ nhật trên không phận Hồ

Bò, phi công Bùi Đại Giang đã bay với thiếu úy Phạm Xuân Thu. Giang ở lại và Thu đơn độc bay về Biên Hòa. Mấy năm sau Thu cũng theo bạn trong chuyến bay “đi không ai tìm xác rơi” Một số phi công của 514 hiện nay vẫn còn ở San Jose là ông Nguyễn Quan Vĩnh và ông Nguyễn Đình Lộc. Cho đến năm 75 các anh đã trở thành phi đoàn trưởng F5, nhưng vẫn không bao giờ quên được những ngày gian khổ với 514. Nếu có dịp về thăm mộ Bùi Đại Giang, các chiến hữu không quân Sài Gòn sẽ có công an dẫn đường và cán bộ địa phương chuẩn bị lễ cúng. Đó là câu chuyện về một người phi công của phi đoàn 514 ngồi chết trên ghế bay chờ đợi 40 năm mới được chôn cất. Đám ma nổi tiếng cả vùng vì chỉ toàn dân Việt cộng đi đưa. Các di vật tìm thấy hiện trưng bày tại Việt Museum San Jose. Câu chuyện này được giới thiệu nhân dịp 30 tháng 4, bốn mươi năm sau.

Tác phẩm viết về Mia của Phạm Kha:

“Đi không ai tìm xác rơi.”

Giá ủng hộ 10 Mỹ kim kể cả cước phí, đề cho:

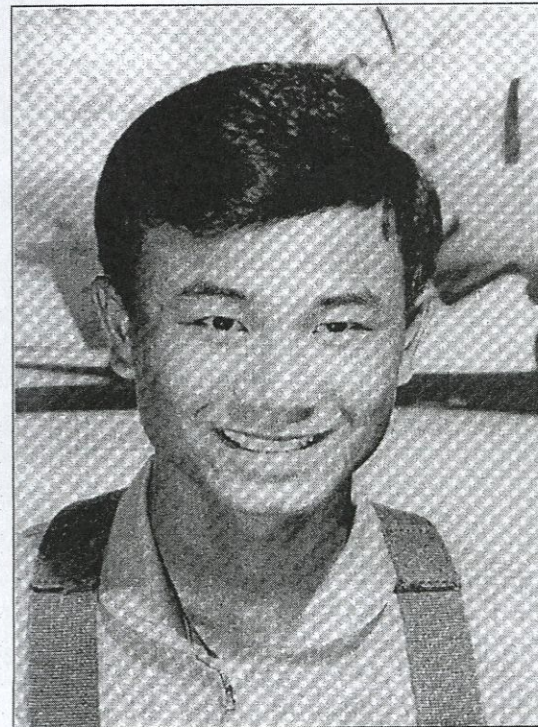
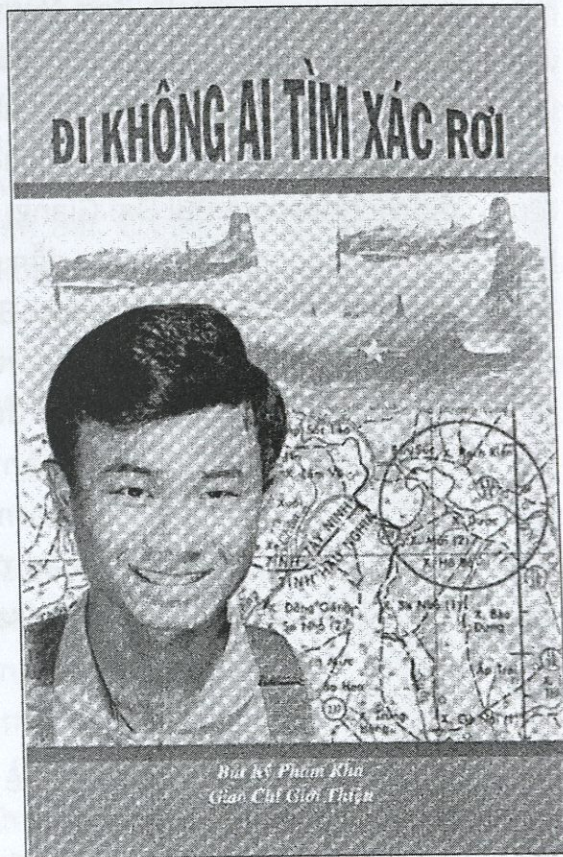
IRCC

3017 Oakbridge Dr. San Jose - CA 95121. USA

Email địa chỉ về giaochi12@gmail.com sẽ nhận được sách, trả tiền sau.

Bài số 1
NGHĨA TỬ, NGHĨA TẬN

"Tin này cũng hấp dẫn đấy chứ." Tôi lẩm bẩm một mình. Đọc bản tin của nhật báo Người Việt vào cuối thập niên 1990 về chuyện một ông tên Liên hay Liêm ở Hà Nội, đã giúp bao nhiêu người ở Việt Nam thành công khi tìm kiếm hài cốt thân nhân trong chiến tranh Việt Pháp.

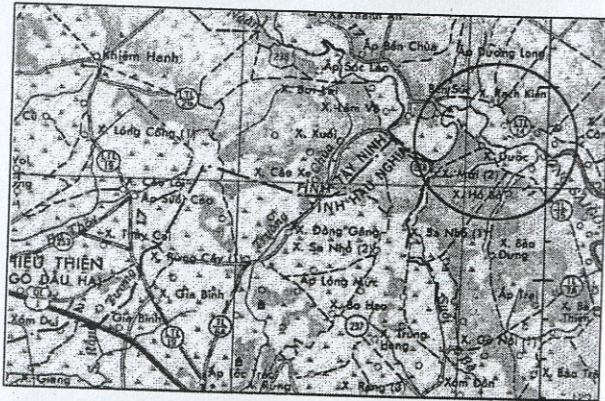


Chợt nghĩ đến anh rể Bùi Đại Giang, phi công ở Biên Hoà. Chiếc khu trục A-1H của anh bị rơi ở Bến Súc từ năm 1966. Quân đội Việt Nam Cộng Hòa đã cố gắng

nhưng không thành công trong việc lấy xác ra khỏi vùng này, còn gọi là Tam Giác Sắt hay chiến khu D gì đó.

Thoáng nghĩ tới việc tìm xác anh, nhưng vì sẽ không bao giờ trở về Việt Nam và không phải việc của mình nên chuyện này đã chìm trong quên lãng.

Cuối năm 2003, nhân dịp du lịch Thái Lan vợ chồng tôi cùng vợ chồng người chị kế làm một chuyến phiêu lưu ghé về Sài Gòn một tuần lễ cho biết. Đó là chuyến về Việt Nam đầu tiên của chúng tôi. Tình cờ biết được người bạn ở Sài Gòn có quen biết với ông “Thầy Ngoại Cảm” nhưng rồi không liên lạc được nên đành trở về với một nỗi buồn man mác.



Đầu năm 2004, em trai út của tôi muốn ráp một model máy bay với số serial ở đuôi Skyraider của anh Giang.

Em vào email của website www.vnaf.net

Đầu năm 2004, em trai út của tôi muốn ráp một model máy bay với số serial ở đuôi Skyraider của anh

Giang. Em vào email của website www.vnaf.net để hỏi. May mắn có hồi âm. Họ cần biết chính xác ngày, tháng và năm phi cơ rớt. Vợ của anh Giang và cũng là chị cả của chúng tôi không nhớ gì hết vì sức khoẻ và trí nhớ không được tốt. Những bạn cùng phi đoàn 514 và phi đoàn trưởng là ông Chế Văn Nghĩa, nghe nói cũng chẳng còn ai sống sót. Tuy nhiên qua email của vnaf.net có thư của con trai ông Chế Văn Nghĩa hồi âm. Gửi cho em tôi một tấm hình mà chị em tôi đoán là những người thuộc phi đoàn Bắc Tiến.

Riêng tôi, nhớ năm nhưng không nhớ tháng. Gọi phone và email cho những ai mà tôi nghĩ là có thể biết, nhưng không có kết quả. Không cách gì hơn, sau cùng em tôi chỉ biết năm gẫy cánh 1966 mà thôi. Thư hồi âm ghi nhận trong năm 1966 có tới 5 chiếc khu trục rớt. Trong số đó có một chiếc rơi vào ngày 3 tháng 7 ở Hồ Bò. Mừng quá, tôi cho em biết và quả quyết là chiếc này vì tôi nhớ địa danh Hồ Bò. Hồi nhỏ có nghe “người lớn” nói chuyện và hơn nữa, khi anh Giang mất thì con trai duy nhất của anh mới được ba tháng.

Sau khi xác định ngày và tháng, một hồi âm khác gửi lại gồm có số serial, thêm một tấm bản đồ và tọa độ chỉ nơi máy bay rớt.

Em tôi lại hỏi ông này có biết cơ quan nào giúp cho việc tìm kiếm hài cốt quân nhân Việt Nam. Được trả lời có một cơ quan ở Washington D.C. chuyên tìm kiếm hài cốt quân nhân mất tích trên thế giới nhưng chỉ dành cho người Mỹ mà thôi.

Thế là ý tưởng tìm hài cốt anh Giang bắt đầu từ đó. Tuy anh chỉ là anh rể nhưng tôi xem anh như là một trong số anh em ruột của mình. Từ lúc anh còn là bạn của anh trai khi tôi còn bé chưa đến 10 tuổi, cho đến khi anh lấy chị tôi và ở chung với gia đình. Hình ảnh con người hiền lành, ít nói của anh còn lẩn quẩn trong trí nhớ tôi. Tôi nghĩ nếu không biết thì thôi chứ bây giờ đã biết nơi biết chốn. Biết anh chết thảm mà không làm gì thì áy náy lắm. “Nghĩa tử là nghĩa tận”,

cần phải đem anh ra khỏi nơi sinh lầy để anh có mồ yên mả đẹp và được siêu thoát.

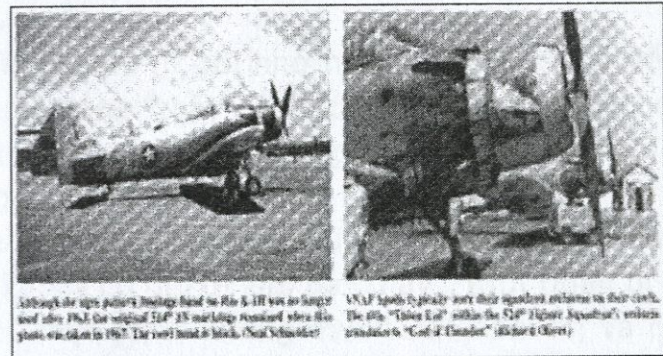
Khi đất nước chia đôi vào năm 1954, anh Giang vào Nam với gia đình người bác ruột, hiện đang cư trú tại Montréal, Canada. Bác là anh ruột của bố anh Giang. Ông bố đã bị cộng sản thủ tiêu khi mới 24 tuổi. Mẹ anh đi thêm bước nữa, ở lại ngoài Bắc với hai người em gái.

Vào Sài Gòn, anh học trường Hồ Ngọc Cẩn tới năm đệ nhị. Tiếp tục đệ nhất ở trường Chu Văn An. Năm 1962 gia nhập không quân, đi học huấn luyện tại Naval Air Station Whiting Field, Florida và về nước năm 64.

Sau 1975, gia đình người em từ Bắc vào Nam. Bà gặp gia đình tôi lúc đó còn kẹt lại. Nghe kể, bà em khóc lóc dữ lắm. Thương nhớ ông anh vẫn sống. Cả hai cô em anh Giang từ Bắc đã vào Nam. Hiện nay người chị, tên Nương ở Gò Vấp, có chồng là một đảng viên cao cấp đã về hưu. Người em tên Đức ở Nha Trang,

chồng cũng là một đảng viên cao cấp trong quân đội Việt Cộng. Tất cả đều có đời sống khá giả. Nhà cửa khang trang.

Được biết ông “Thầy Ngoại Cảm” ở Hà Nội là bạn của chồng bà Nương. Tôi liền gửi tấm bản đồ qua email của bà. Thấp thỏm mừng thầm vì nghĩ bà này sẽ nhờ “thầy” tìm xác anh Giang. Nhưng chờ hoài mà chẳng thấy gì cả.



ĐỊNH MỆNH ĐƯA ĐƯỜNG

Từ khi có tấm bản đồ, trong đầu tôi lúc nào cũng nghĩ và nói chuyện đi tìm hải cốt của anh Giang. Ông nhà tôi nghe lái nhải về chuyện này nên cũng đồng ý đi tìm, làm tôi mở cò trong bụng. Ông chồng không biết, lần này chính tôi chủ động chứ không đi nhờ ai xa lạ. Tôi đâu có dại gì mà nói cho ông biết rồi nhờ ông lại nói ra, nói vào nên tôi im lặng giữ kín ý định.

Trong lòng đã có mục đích, tôi rủ các anh chị tôi về Việt Nam chơi, lấy cớ ra Bắc một lần cho biết. Đến cuối năm 2004, hai vợ chồng tôi cùng với các anh chị về Việt Nam.

Trước khi đi, tôi nhờ người bà con ở Hà Nội liên lạc dùm ông “thầy”. Khi tới Hà Nội, người chị họ cho biết ông “thầy” này không linh nữa nhưng chị đã tìm được một bà “thầy” khác ở Thanh Hóa hay hơn. Lúc nào sẵn sàng chị sẽ đưa đi. Trong thời gian ở Hà Nội, tôi không có dịp đi gặp bà “thầy”. Một phần bị bệnh hoài, một phần không muốn các anh chị và chồng biết mục đích. Sợ bị mang tiếng mắc “bệnh tâm thần” làm chuyện điên khùng. Do đó trong lòng tôi lấy rất làm tiếc đã bỏ lỡ cơ hội.

Khi vào tới Sài Gòn, anh em chúng tôi ở tại nhà của vợ chồng người bạn. Chúng tôi đặt tên là khách sạn “5 sao” Xuân Hà. Ăn “cơm tù” quán chị Lý. Anh chị lo cho anh em chúng tôi rất chu đáo. Nhất là về vấn đề “ẩm thực”. Khi còn ở ngoài Bắc, chúng tôi hay

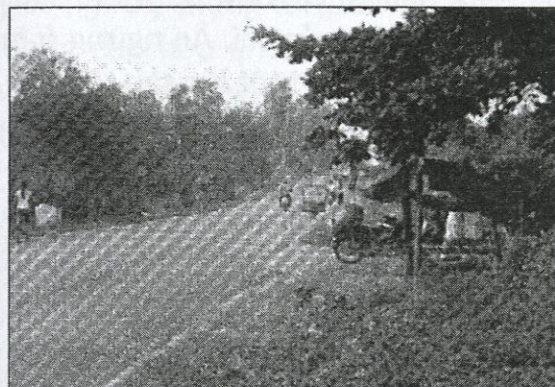
bị đau bụng. Vào Sài Gòn, đi đâu thì đi, anh chị bắt phải về ăn cơm nhà cho an toàn. Ăn sáng, ăn trưa, ăn tối đủ ba bữa. Thức ăn và trái cây ê hề. Chúng tôi ai cũng lên cân.

Một hôm, trong lúc hàn huyên với chị Lý. Nói về chuyện lỡ dịp đi xem “thầy” ở Thanh Hóa. Chị cho biết có một bà ở vùng Bà Rịa nổi tiếng lắm, được nhà nước chúng nhận. Bà ta chỉ xem cho thân nhân của “liệt sĩ, cách mạng” thôi. “Giặc lái” của Việt Nam Cộng Hòa chị e rằng bà ta không giúp. Tôi buồn năm phút.

Trước khi trở về Mỹ 4 ngày, tôi nhớ đó là ngày Chủ nhật và cũng là ngày “hoàng đạo”. Ngày mạnh ai nấy đi, tự do theo ý thích. Cháu tôi đi Củ Chi địa đạo với chồng người em gái. Chị tôi đi gặp gia đình nhà chồng. Anh lớn và ông nhà tôi đi gặp bạn bè. Riêng tôi, may mắn được lẻ loi một mình. Nhờ anh Hà thuê xe đi An Lộc. Tôi muốn đến xem thành phố bị vây hãm cả tháng trời, bị pháo dữ dội cả chục ngàn trái mỗi ngày vào năm 1972 mà không bị mất vào tay Việt Cộng.

Tôi không đả động gì đến Bến Súc. Dù đó là động lực chính thúc đẩy tôi, một người “bệnh tâm thần” cần có nghị lực, cả gan đi một mình tới nơi xa lạ. Lúc đó tôi chỉ có ý nghĩ đi Bến Súc cho biết. Không có dự tính đi tìm nơi phi cơ của anh Giang vì lúc nào tôi cũng nghĩ không “thầy” làm sao biết được chỗ nào mà tìm.

Bài số 3 ĐƯỜNG LÊN BẾN SÚC



8 giờ sáng, tôi lên đường. Trên đường đi, lấy ra bản đồ Việt Nam và bản đồ có đánh dấu nơi phi cơ rớt đã mang theo từ Mỹ về. Hỏi Ân, anh tài xế tên Ân, có tiện ghé qua Bến Súc trên đường về từ An Lộc. Anh trả lời không tiện vì ngược đường nhưng nếu muốn, anh sẽ đưa đi.

Vừa ra khỏi Sài Gòn, chợt Ân hỏi đi An Lộc hay Bến Súc, nơi nào quan trọng hơn? Hơi bối rối và không quyết định được. Tôi cho Ân biết lý do tại sao đi hai nơi đó. Suy nghĩ một hồi, Ân nói nên đi Bến Súc trước vì cần thời gian để dò hỏi. Nếu đi An Lộc trước, sợ không kịp thì giờ.

Xe đi về hướng Bình Dương rồi rẽ trái vào một con đường nhỏ hai chiều. Dọc đường, nhìn hai bên chỉ thấy lác đác nhà cửa và ruộng. Trong lòng hơi lo ngại vì không biết sẽ ngừng ở đâu và xem cái gì. Trên con đường này thấy một chiếc xe tăng của Việt Nam

Cộng Hòa bị cháy còn nằm ở một góc đường. Nghe nói chiến xa này bị hạ vào năm 1972 .

Thành linh, Ân nói tới Bến Súc rồi và muốn biết đi đâu tiếp. Ngỡ ngàng vì thấy Bến Súc sao bé thế, ngoài sự tưởng tượng của tôi. Ân ngừng ở một quán đầu đường để hỏi thăm. Một lúc sau tôi thấy anh trở ra với một người đàn bà được giới thiệu là chủ quán. Bà xác nhận có một chiếc phi cơ rơi vào năm 1966 và bảo chúng tôi quay xe lại khoảng 4km rồi hỏi những



người ở vùng đó thì ra ngay. Mừng rỡ, Ân quay xe rồi ngừng tại một quán nước để hỏi. Thất vọng trở ra vì những người này còn trẻ nên chả biết gì. Ân nói tôi đừng buồn, anh sẽ lái xe lên thêm một chặng nữa rồi sẽ tìm hỏi những người có tuổi thì chắc ăn hơn.

Ân ngừng xe ở một nơi không có quán ăn hay quán nước. Xăm xăm vào một nhà ở mé trong. Ngồi ngoài xe không hiểu sao tôi rất hồi hộp. Một cảm nghĩ khác hẳn với lúc ban sáng là chỉ đi cho biết thôi. Không phải chờ đợi lâu, mặt mày tươi rói, Ân trở ra

với một người đàn bà trung niên. Bà chỉ đường cho chúng tôi ra hướng ruộng nơi phi cơ rớt.

Ân và tôi đi theo lời hướng dẫn. Đi ngang một căn nhà thấy có người, chúng tôi ghé vào hỏi thăm người đàn bà đang cho heo ăn. Bà dắt lại chỗ người đàn ông và vài đứa trẻ đang ăn cơm. Ân lập lại câu hỏi, ông ta đứng phắt dậy. Nói to có lẽ muốn cho tôi nghe: "Có.. có.. năm 66 có một chiếc khu trục rớt ở đây. Đầu cắm xuống ruộng chỉ còn cái đuôi ló trên mặt ruộng."

Khi nghe tới đó, mặt tôi tươi hẳn lên. Cười mà nước mắt tuôn tràn vì xúc động. Không ngờ gặp được một chứng nhân của thời cuộc. Tôi vội đến gần chỗ ông và nói: "Đúng rồi, đúng rồi, đó là chiếc phi cơ của anh tôi."

Như có dịp được nói nên ông nói không ngừng: "Lúc đó tui 14, 15 tuổi. Đang làm việc ở ngoài ruộng. Nghe tiếng máy bay, nhìn lên trời thấy có 3 chiếc khu trục. Không biết có gì trục trục không mà đột nhiên một chiếc với tiếng máy rú kỳ lạ. Nhào lộn rồi lao đầu xuống ruộng. Chỉ còn cái đuôi ló trên mặt ruộng mà thôi. Hai chiếc còn lại, bắn phá chung quanh để mấy ông Việt Cộng không lại gần được. Khoảng vài giờ sau, lính của Sư đoàn 5 tấn công. Bắt được một số Việt Cộng. Không ai thấy phi công nhảy dù ra. Cũng không lấy được xác phi công. Lính Cộng Hòa có đem trục thẳng hai chong chóng tới kéo máy bay lên, nhưng không được."

Lúc đó tôi mới bắt đầu nhớ lại những gì nghe được sau khi anh Giang mất. Rất phù hợp với những lời ông này thuật lại. Được biết ông tên Thành. Nhờ ông đưa tôi và Ân ra nơi phi cơ rớt. Ông sốt sắng đưa đi ngay dù tôi nói sẽ chờ để ông dùng xong bữa cơm trưa.

Khi ra tới ruộng, tôi sượng lại vì lối đi chỉ là đường đất rất nhỏ lại bị ướt và sình lầy. Lường lự, nếu muốn đi ra đó, phải bỏ giày mà đi chân đất thì sợ. Sợ bị đĩa cắn và sợ bùn lầy. Cuối cùng tôi cũng vượt qua được cơn sợ hãi này. Khi ông Thành “bảo đảm” không có đĩa, mà nếu có thì ông sẽ bắt cho.

Ân ở lại bờ ruộng, chỗ khô để giữ giày cho tôi dù lúc đó chả có ai ngoài ba người chúng tôi. Ra không được bao xa, tôi phải ngừng lại vì nước nhiều và sình quá. Muốn ra tận nơi, phải lội sình tới đầu gối. Biết tôi sợ nên ông Thành bảo đứng đó để ông ra chỉ chỗ cho chụp hình và quay phim. Ở xa nhìn nơi phi cơ rớt là một gò đất. Cỏ cây dại mọc đầy. Chung quanh là nước, thấy vết dầu loang chứ không có lúa như những thửa ruộng bên cạnh.

Khi ông Thành trở lại, kể vào khoảng năm 77 hay 78, có một người buôn sắt vụn đã mua hẳn thửa ruộng nơi phi cơ nằm. Thuê người đào phi cơ lên để bán sắt vụn. Mục đích lấy vôi bộ phận trong đầu máy mà người nghĩ làm bằng vàng trắng. Cuối cùng thất bại, chỉ lấy được phần đuôi và cánh phi cơ. Đầu máy và buồng lái lún sâu xuống bùn.

Ông Thành cũng cho biết, phi cơ này đã được đào tới hai, ba lần rồi. Nếu tôi muốn làm nên chờ qua Tết, đất khô dễ làm hơn. Nghe xong buồn quá. Họ đã làm rồi mà không được thì tôi còn làm gì được nữa nên bật khóc. Nói như đủ cho anh Giang nghe: “*Em xin lỗi anh, em không thể làm gì được hơn. Hôm nay em ra viếng anh lần đầu cũng như lần cuối vì không biết bao giờ em sẽ trở lại.*” Trước khi lên xe về, tôi biếu ông Thành một ít tiền. Gởi tiền mua nhang, trái cây để cúng anh Giang dùm.

Trên đường về, Ân hỏi tôi còn muốn đi An Lộc không vì lúc đó chưa tới 12 giờ trưa. Quần dính bùn sình nên tôi muốn đi về ngay để báo tin giạt gân chứ không còn hứng thú đi đâu nữa.

Trong xe, tôi mở camcorder ra để xem. Lạ quá, không có hình ảnh gì cả. Tôi đã từng quay cảnh từ ngoài Bắc vào, đâu có đĩa nào hỏng. Không lẽ đã bị “tai nạn kỹ thuật” vì tôi bấm nhầm nút. Mất luôn cả đoạn quay trường Thiếu Sinh Quân ở Vũng Tàu vào ngày hôm trước.

Bực bội trong lòng, vội lấy máy chụp hình ra để tìm xem những hình chụp gò đất có sao không. Những hình chụp cảnh chung quanh, gần gò đất thì rõ ràng. Tới những hình chụp ngay gò đất, gồm 4 tấm tất cả thì rất mờ, trông không rõ gì cả. Không lẽ hình tôi chụp bị “contre soleil?”

Không thể trở về Mỹ mà không có phim hay hình ảnh chói nắng. Tôi phải trở lại, phải trở lại.” Tôi nhủ thầm.

Bài số 4 MỘT NHÀ, NHIỀU Ý

Người đầu tiên tôi khoe là chị Nga, người nhà chị Lý. Vả lại lúc đó chưa ai về. Sau khi nghe tôi kể và than rằng khó có thể lấy hài cốt được vì có người nhiều lần thực hiện và thất bại. Chị Nga chúc mừng tôi và quả quyết sẽ làm được bằng thủy lợi. Vết bùn tới chỗ phi cơ rồi mò xương. Đến chiều, khi mọi người có mặt, tôi kể mọi sự việc và quyết định trở lại Bến Súc một lần nữa. Thứ Hai chúng tôi sẽ đi Cần Thơ, thứ Ba mới về. Vậy thứ Tư đi Bến Súc trước khi trở về Mỹ ngày thứ Năm.

Đến tối thứ Ba, có một màn bàn cãi hơi gay gắt. Ôn ào nhất vẫn là tôi vì tôi phản đối việc báo tin cho bà Nương. Người em ruột của anh Giang để cùng đi Bến Súc. Lý do chồng bà này là Việt Cộng. Mọi người khuyên tôi, không phải ai kẹt lại cũng đều là Việt Cộng. Tôi đã làm xong nhiệm vụ, bây giờ nên để bà em là người ở trong nước tiếp tục thì dễ dàng hơn. Tôi vẫn khẳng khái không chịu. Tôi không tin Việt Cộng. Tôi sẽ ở lại thêm một tuần nữa để xin giấy phép. Cuối cùng, đa số thắng thiểu số. Đến 10 giờ tối, tôi hậm hực đành phải cho em gái gọi bà này hẹn ngày giờ đi.

Sáng thứ Tư, 8 giờ sáng lên đường. Gồm có vợ chồng bà Nương, chị kể tôi, người cháu và tôi. Lần này, anh tài xế mới, lái xe đi theo hướng Củ Chi. Vì "việc lớn" nên tôi chấp nhận phải đi chung với Việt

Cộng thứ dữ ngày xưa. Trên đường đi, chúng tôi nói chuyện vui vẻ.

Ngạc nhiên vì ông chồng có vẻ rất rành đường xá, phường, quận v.v... vào thời trước 75. Hỏi tại sao ông ta biết rành vậy. Bà vợ nhanh nhẩu trả lời chồng bà vào Sài Gòn từ năm 66. Tôi hỏi tiếp "Vậy hồi đó anh là Việt Cộng nằm vùng à?" Cả hai vợ chồng không trả lời. Khi bàn về việc chôn cất, bà ta nói sẽ đem anh Giang về quê ở Hải Phòng chôn. Bệnh "dị ứng" cộng sản của tôi bắt đầu lên cơn. Gặng hỏi "Tại sao không chôn ở trong Nam?" Không ai trả lời.

Khi tới nơi, tôi làm hướng dẫn viên. Đi đúng hướng nhưng không tìm ra nhà ông Thành. Tuy nhiên hỏi thăm đúng người trong nhóm đã từng đào phi cơ và cũng là cháu ông Thành. Anh chàng này còn trẻ, sau 75 anh ta khoảng 7 hay 8 tuổi thường ra ruộng trèo lên đuôi phi cơ chơi.

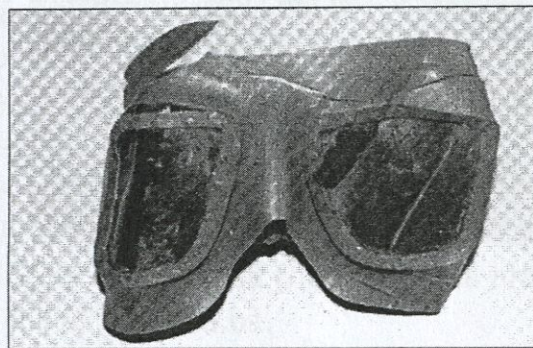
Lần này kinh nghiệm hơn, mua ba đôi ủng bằng cao su mang để tránh bùn nên chúng tôi ra được tận nơi gò đất, nơi "an nghỉ" bất đắc dĩ của anh Giang.

Cháu chụp hình, tôi quay phim. Dì cháu đều khóc. Bà Nương đem vàng mã, quần áo giấy và đồ la âm phủ ra đốt. Bà khóc lóc, kể lể um xùm. Thấy cũng tội nghiệp làm tôi mũi lòng. Sự khó chịu của tôi cũng vơi đi. Khi nghe chúng tôi bàn về việc xin phép, anh chàng dẫn đường có thiện chí đưa đi gặp ông trưởng ấp nhưng vợ chồng anh Việt Cộng không chịu. Họ sợ rằng sẽ bị làm tiền và nói chuyện này để họ lo.

Trên xe về, bà Nương kể lại chuyện chia ly vào năm 54. Anh Giang rời Hải Phòng bằng chuyến tàu cuối cùng. Bà ta, khoảng 10 tuổi, còn nhớ thấy anh khóc. Cởi trần lấy áo vẩy chào và hát bài Bạch Đằng Giang. Bà còn kể anh Giang rất thương ông ngoại. Anh thường mua trà và chạy cả cây số từ nhà đến thăm để biếu ông. Ông bà, mẹ và dòng họ đều chôn trong nghĩa địa của gia đình ở Hải Phòng nên bà này muốn chôn anh Giang ở đó luôn.

Tôi khóc và thương cho số phận hẩm hiu của anh. Nghĩ đến lúc nên trả anh về với gia đình để họ được gần nhau ở thế giới bên kia. Tôi quên không hỏi bố anh có chôn ở đó hay đã bị cộng sản thủ tiêu mất xác.

Bệnh "dị ứng" cộng sản tạm thời lắng dịu. Tôi nói khi lấy được xác rồi thì đem anh về chôn ở Hải Phòng. Khi nào khởi sự cho biết, tôi sẽ về để giúp đỡ và chia sẻ. Bà ta đồng ý và nói sẽ gửi email để cho biết tình hình xin giấy phép



Qua ngày hôm sau, trước khi chúng tôi ra phi trường về Mỹ. Bà Nương trở lại cho biết đã nói

chuyện và xin phép bộ quốc phòng. Ngạc nhiên, thắc mắc sao bà không xin phép địa phương mà lại xin ở bộ quốc phòng, e rằng sẽ thêm rắc rối và có thể tốn nhiều tiền hối lộ. Bà ta giải thích xin phép cả hai nơi. Theo kế hoạch của ông chồng, sẽ phải đắp đất làm đường cho xe xúc đất vào nên cần nộp đơn xin bộ quốc phòng. Nếu bộ quốc phòng chấp thuận đơn, họ sẽ lo việc lấy phi cơ lên để cho vào bảo tàng chiến tranh thì phe ta đỡ tốn tiền. Nếu cần, vợ chồng bà ta sẽ lên gặp bộ trưởng quốc phòng Phạm Văn Trà, vì ông ta là bạn thân của chồng bà.

Về Mỹ, vài tuần sau tôi nhận được email của bà Nương gửi đơn xin giấy phép ở Bình Dương và sẽ cho biết khi có kết quả. Nếu được thì sẽ làm vào mùa khô tháng 3 hay tháng 4 năm 2005.



Bài số 5 NGỖN NGANG TÂM SỰ

Qua Tết 2005, tôi gửi nhiều email cho bà Nương hỏi về tình hình nhưng không có hồi âm. Lòng như lửa đốt vì sợ bà ta đã làm mà không cho biết.

Đến tháng 3, sau hai lần gọi điện thoại về hỏi thăm, được biết bà chưa có giấy phép vì bị làm khó dễ. Tôi ra ý kiến cho vài 100 đô. Bà ta cười khẩy, nói vài 100 thì ăn nhằm gì. Bọn nó có lấy thì lấy cả chục ngàn trở lên. Dù không ngạc nhiên tí nào về sự tham ô của cộng sản nhưng tôi đâu dại gì mà cho nhiều. Ngoài ra bà chưa có tin tức gì về đơn xin ở bộ quốc phòng. Nếu được, chỉ phải lo tiền “bồi dưỡng” người làm việc thôi. Tôi cũng có hỏi phỏng đoán phí tổn nhưng bà nói không thể biết được.

Sau đó, không có tin gì nữa. Tôi quá nóng ruột nên nhờ cô em gái hỏi thăm. Một hôm, nhận được điện thoại của cô em. Bà Nương muốn biết tôi có thực lòng muốn lấy hài cốt anh Giang và dự tính bỏ ra bao nhiêu tiền! Ngạc nhiên và không thể hiểu bà ta có thể hỏi được một câu trắng trợn như vậy được.

Theo ý tôi, nếu bà thực lòng muốn tìm xác anh bà. Bằng đủ mọi cách, bà phải dò hỏi các nhà thầu để biết phí tổn. Bà cũng thừa biết tôi đứng sau ủng hộ. Nếu đủ khả năng, tôi sẽ thầu hết. Quá nhiều, tôi chia sẻ với hai chị em của bà.

Từ đó tôi không hỏi nữa và nghĩ có lẽ chuyện này chắc không thực hiện được vì không ai lo, nhất là về tiền bạc.

Nói vậy chứ không phải vậy. Việc đó cứ lẩn quẩn trong đầu tôi hoài. Trong lòng như lửa đốt, thúc dục. Tôi chợt nghĩ tại sao tôi không tự làm. Nếu tôi tự làm, sẽ có những khó khăn tôi phải trực diện: thời gian xin giấy phép, khai quật và tài chính. Tôi có thể lo được vé máy bay, khách sạn, ẩm thực, công thợ khai quật. Nhưng thời gian và tiền “bồi dưỡng” làm tôi lo nhất. Báo chí viết nhiều về chuyện tham nhũng của cộng sản, tôi không nghĩ có đủ “ngân sách” cho phần “tài khoản” này nên rất lo buồn.

Tuy chưa có quyết định khi nào về. Tôi vẫn dò hỏi bạn bè ở Mỹ và ở Việt Nam cách xin giấy phép. Làm sao bớt tốn tiền “bồi dưỡng.”

Tôi cũng được nghe nhiều lời bàn tốt bụng vì lo cho tôi. Không muốn tôi phiêu lưu vào một cuộc hành trình khó đạt được kết quả. Đại khái như sau gần 40 năm thì đâu chắc gì còn xương. Phi cơ có thể còn bom chưa nổ. Khi đang làm có thể xảy ra tai nạn nguy hiểm cho thợ. Cộng sản có thể làm khó dễ. Mỹ tốn biết bao nhiêu triệu đô để tìm kiếm hài cốt nhưng kết quả đâu được bao nhiêu v.v...

Những lời bàn này không lung lay được ý định của tôi. Không hiểu tại sao, tôi tin chắc buồng lái còn nằm sâu dưới ruộng thì anh Giang còn đó. Xương còn hay không, có đào lên mới biết được. Tôi cũng tự tin là không còn bom, vì nếu còn thì đã nổ tung

khi cắm đầu rơi xuống. Tai nạn khi đào xới cũng có thể có mà cũng có thể không. Đó là do sự may rủi và biết đâu số tôi hên, “Trời đãi kẻ khù khờ”. Mọi sự tạm đình hoãn lại vô thời hạn mặc dù tôi không lúc nào quên được “Mission Impossible” này. Không thể giải thích được tại sao tôi lại đặt nặng vấn đề. Tại sao tôi phải làm, đâu ai bắt tôi làm, đâu phải việc của tôi. Nhưng khổ nỗi nó cứ lẩn quẩn trong đầu. Lúc nào cũng nghĩ và nói tới, như không còn đề tài nào khác để nói.

Đôi khi tự hỏi tôi có “điên” không. Sắp sửa làm một chuyện hoang tưởng mà không ai nghĩ sẽ thành công và cho rằng chỉ có người “bệnh tâm thần” mới làm. Tuy nhiên, duy nhất chỉ có con gái tôi là tin tưởng và thường khuyến khích mà thôi.



Bài số 6 LẠI LÊN ĐƯỜNG

Vào khoảng tháng 9/2005 tôi quyết định mua vé về Việt Nam. Vấn đề lo ngại nhất vẫn là tiền “bồi dưỡng” và việc xin giấy phép. Một người quen ở Bình Dương cho biết sẽ có nhiều khó khăn nếu người Việt Nam ở ngoại quốc đứng đơn xin.

Một người bạn Mỹ trong sở cho ý kiến hỏi hội không quân Việt Nam giúp đỡ. Ban đầu hơi do dự nhưng sau dẹp tự ái qua một bên. Tôi nhờ anh bạn thân với các anh trai tôi và cũng là bạn của anh Giang. Trước 1975, anh là phi công trực thăng. Dò hỏi xem hội không quân có thể giúp gì được để tôi có thêm tài trợ cho việc “bồi dưỡng”, khi trong hội có người cần, tôi sẽ đóng góp trở lại. Nhưng cũng không kết quả.

Tôi lại quay ra có ý nghĩ để chồng tôi ở nhà. Tiền vé của anh thì xung vào quỹ “bồi dưỡng” cho được thêm dồi dào. Chồng tôi đồng ý. Nhưng cuối cùng, suy đi nghĩ lại, việc tới đâu hay tới đó. Tôi quyết định mua vé cho cả hai vợ chồng cùng đi vào ngày Lễ Tạ Ơn.

Trước khi đi, tôi vẫn thường ra bàn thờ khấn vái. Trước là Trời, Phật, sau là ông bà cha mẹ, cuối cùng là anh Giang để cầu xin cho công việc được suông sẻ. Vì là ý kiến riêng của cá nhân, nên tôi không muốn xin xỏ anh em. Tôi chỉ lẳng lặng làm người (k)hùng cô đơn nên có cầu khẩn anh Giang. Xin anh phù hộ sao

cho Việt Cộng đừng đòi tiền hối lộ nhiều. Quá khả năng, tôi sẽ không làm được. Cầu xin anh cho gặp được "cộng sản có lòng tốt", đừng làm khó dễ. Khấn xin anh, nếu tìm được hài cốt sẽ hỏa thiêu và rải tro anh ra biển. Giải thoát anh ra khỏi nơi bùn sinh.

Việc xin giấy phép là cả một vấn đề. Tôi suy nghĩ mãi làm cách nào để có hiệu lực và kết quả nhanh chóng. Bạn Mỹ trong sở ra ý kiến nhờ báo chí Mỹ. Tôi còn có ý kiến viết thư nhờ thượng nghị sĩ John McCain giúp. Sau khi suy nghĩ kỹ, nếu nhờ báo chí và thượng nghị sĩ thì sẽ to chuyện ra. Họ sẽ hỏi về tình trạng vợ con của anh phi công, tôi biết trả lời ra sao. Nói dối lại càng không được nên đành gạt bỏ cả hai ý kiến này.

Nhân dịp nhà tôi gặp lại một anh bạn cũ. Anh nói nên viết thư nhờ POW vì có biết một người bạn được hội POW giúp. Thi hài của người này được chôn ở nghĩa trang Arlington. Nghe nói tôi mừng quá. Đến khi biết rõ ràng chi tiết thì không phải vậy. Số là trước 1975, anh này đi cùng chuyến bay với Mỹ để thả toán nhưng bị bắn rớt. Sau đó, Mỹ tìm ra xác Việt Mỹ lẫn lộn nên và cũng được chôn chung tại nghĩa trang Arlington.

Thế là hy vọng của tôi bị dập tắt. Nhưng tôi lì lợm, nghĩ rằng tại sao không thử hỏi POW Organization họa may họ giúp gì được chẳng. Tôi lên Internet vào POW website. Không biết mô tê gì hết, click đại vào một website của POW-MIA. Biết rằng Mỹ sẽ không giúp đỡ việc tìm xác "đồng minh" cũ. Dù Anh ngữ rất

giới hạn, tôi vẫn ráng viết vài hàng và gửi hình nơi phi cơ "yên nghỉ". Xin họ chỉ dẫn cách lấy xác ra khỏi ruộng được dễ dàng chứ không xin xỏ gì hết.

Viết ngày hôm trước, nhận được hồi âm ngày hôm sau. Họ rất tiếc hội không giúp đỡ gì được. Họ chuyển thư qua CIV Special Advisor JPAC, Special Assistant Joint POW/MIA Accounting Command gì đó. Nơi này hồi âm, cho serial # của máy bay chứ không trả lời thẳng điều tôi muốn biết. Tôi đứng là "đại cù lằn" làm chuyện ruồi bu. Như vậy hết thuốc chữa. Không còn con đường nào khác. Chính tôi phải tự tìm, tự lo lấy con đường đi và sự thử thách bắt đầu.

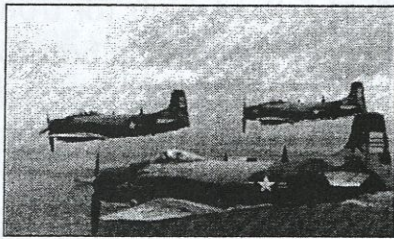
Trước khi đi, sửa soạn rất kỹ cho việc xin giấy phép được thuận lợi. Tìm những hình ảnh gia đình để chứng minh sự liên hệ giữa anh Giang và tôi. Chọn được một hình đám cưới của anh. Đứng trước cửa nhà hàng có bảng đề tên anh và chị tôi. Một hình chụp hai họ, có chị kế tôi nhưng không biết tôi chạy lảng nhãng ở đâu mà không có mặt trong hình. Chuyện này dễ dàng, nhờ người làm chung sử dụng Photoshop lắp đầu tôi từ một hình khác vào vị trí đầu của chị kế. Thế là có hình tôi trong ngày đám cưới của anh. Ngoài ra, kỹ lưỡng hơn tôi mang theo một copy tờ khai gia đình thời Việt Nam Cộng Hòa mà bố tôi mang theo từ Việt Nam để chứng minh tôi là em vợ của anh.

Tôi rất tin dị đoan nên không quên nhờ thầy Triết, bạn thân của nhà tôi bấm dùm một quẻ. Anh quả

quyết sẽ “thành công mỹ mãn” làm tôi vững tâm hơn. Nếu anh nói không nên đi. Tôi có làm theo lời anh không? Tôi nghĩ sẽ vẫn tiếp tục “con đường tôi đi”. Lý do tại sao? Tại vì anh không nói đúng ý tôi.

Khoảng hai tuần trước khi đi. Cậu con trai nhờ giúp cháu làm một bài viết về ông ngoại. Nói cho cháu những gì tôi biết nhưng để cho chắc hơn. Tôi mở cặp sách Samsonite chứa những giấy tờ, gồm cả bản viết về gia đình của bố tôi, do tôi cất giữ sau khi ông qua đời. Quá đỗi ngạc nhiên, tôi thấy tờ khai tử của anh Giang mà bao nhiêu năm không ai biết bố tôi mang theo. Mừng rỡ, tôi làm một bản copy để góp phần cho hồ sơ của tôi được thêm đầy đủ.

Tôi gọi anh Hà ở Sài Gòn cho biết ngày, giờ chúng tôi đến. Tôi cũng có nhắc lại là tôi lo sợ bà em anh Giang đã lấy xác anh lên rồi mà không cho biết. Anh Hà gạt phăng ra. Nói rằng tôi lo vớ vẩn vì tôi không bỏ tiền ra thì sức mấy bà ta làm chuyện này, làm tôi đỡ lo. Anh Hà cũng khuyên tôi nên báo cho bà Nương biết nhưng tôi nhất định không chịu. Tôi nghĩ bà ta sẽ chẳng làm được gì mà chỉ là chướng ngại vật mà thôi.



Bài số 7 SÀI GÒN, CUỐI NĂM DẬU

Chúng tôi tới phi trường Tân Sơn Nhất vào trưa thứ Sáu, 25-11-2005. Anh Hà đã có mặt và đón chúng tôi về nhà. Ngoài trời nóng nực oi ả. Trong lòng tôi cũng nóng nảy không kém. Muốn đi Bến Súc ngay ngày hôm sau nhưng được biết văn phòng nhà nước không làm việc ngày thứ bảy. Đành phải chờ đến ngày thứ hai.

Thứ bảy chúng tôi làm một chuyến đi Tây Ninh. Viếng chùa Bà Đen và đền thờ Cao Đài. Trước là để cầu xin sau là xem cảnh vì đây là lần đầu tiên tôi đặt chân đến nơi này.

Sáng thứ hai 28 tháng 11, chúng tôi thuê xe khởi hành đi Bến Súc lúc 8:30 sáng. Khoảng 2 tiếng sau tới nơi. Tôi không tìm ra lối cũ. Con đường nhỏ đưa ra ruộng chẳng thấy đâu. Xe cứ chạy tới chạy lui ở con đường làng duy nhất. Nhờ hỏi thăm, rồi chúng tôi cũng tìm được lối ra nơi phi cơ “an vị”. Vì mưa nhiều đất rất sình lầy. Tôi không ra gò đất được nên tôi chỉ lối cho nhà tôi và anh tài xế ra tận nơi.

Quay trở ra, chúng tôi hỏi thăm cư dân cách xin giấy phép. Họ chỉ chúng tôi đến nhà ông trưởng ấp. Đến nhà thì ông ta vừa ra văn phòng làm việc. Cô con gái mau mắn chạy Honda kêu ông về. Sau khi tự giới thiệu là em vợ. Để tăng thêm phần tình cảm, tôi phạ thêm nhà tôi là bạn thân của người chết. Nhân

dịp về quê, nhờ ông giúp đỡ và hướng dẫn vụ xin giấy phép.

Trưởng ấp có vẻ ngạc nhiên và cảm động khi thấy em vợ và bạn thân trở về lo việc tìm hài cốt người chết đã gần 40 năm. Trưởng ấp nói vụ này phải đưa lên xã, lên huyện vì ông không có thẩm quyền. Chúng tôi ra quán nước ngồi chờ. Trưởng ấp lái xe lên xã. Cũng may, anh tài xế nhanh nhẹn tìm quán nước có võng nằm nên chúng tôi không cảm thấy mệt mỏi, đau lưng trong khi chờ đợi.

Khoảng sau vài giờ, ông trưởng ấp trở lại. Tôi hỏi họp như chờ kết quả thi tú tài và hơi thất vọng khi ông cho biết chuyện này không giản dị. Trên xã không biết xử lý ra sao vì đây là lần đầu tiên họ gặp trường hợp xin đào lấy hài cốt sĩ quan "Sài Gòn". Trưởng ấp cho biết cách đó không lâu và không xa nơi phi cơ của anh Giang. Người Mỹ cũng có tới tìm xác một phi công Mỹ với cả hàng trăm công nhân làm việc. Tôi quên không hỏi kết quả ra sao.

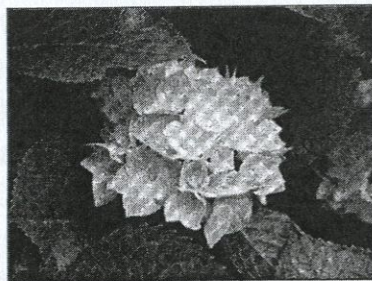
Trưởng ấp kể lại giống như ông Thành là người tôi gặp năm 2004. Ông cũng là người chứng kiến phi cơ anh Giang nhào lộn đến lúc rơi xuống. Ông nói thêm, nếu tôi muốn làm, phải chờ mùa khô, tức qua Tết. Nhưng tôi sẽ khởi sự làm ngay nếu được giấy phép chứ không chờ qua Tết. Tôi không xin được phép nghỉ thêm nữa. Trước khi về, vợ chồng tôi gửi biểu ông ít tiền xăng nhớt và điện thoại.

Trong thời gian chờ đợi, biết tôi hay xem bói. Chị Lý giới thiệu gặp một cô còn trẻ chuyên coi về phần

cõi âm. Cô Linh đã thành công nhiều lần trong việc tìm xác.

Sau khi nói về phần gia đình con cái, cô Linh chợt hỏi tôi có lời hứa hay tâm nguyện gì mà sao cô thấy quẻ bài nào cũng lên toàn mờ mả. Lúc đó tôi mới nói thật và muốn biết có thành công không. Cô nói sẽ tìm ra xác, ít nhất là cái sọ. Tôi không nên thiêu hay để ở chùa mà phải chôn. Chôn ở đâu? Cô nói ở nơi bắt đầu bằng chữ T. Không biết ở đâu. Các nghĩa địa ở Sài Gòn thì tôi không biết tên. Có lẽ là nơi anh Giang đang "cư ngụ", ấp Rạch Kiến thuộc Thủ Dầu Một?

Sau này tôi mới biết rõ nơi đó là Ấp 9 Rạch Kiến, xã Thanh Tuyền, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương. Nếu vậy, tôi cũng không thể chôn anh ở đó được vì biết nơi nào mà mua đất. Nếu chôn thì ai sẽ trông nom mồ mả anh? Nay mai, các ông "đỉnh cao trí tuệ" lại bắt bốc mộ thì mệt lắm. Tuy không nói ra, tôi vẫn giữ vững lập trường sẽ thiêu và rải tro anh ra biển.



Bài số 8

GIAO THIỆP VỚI CHÍNH QUYỀN

Ngày thứ Năm 1-12-2005, trưởng ấp gọi lên khoe mới mua được một điện thoại di động. Ông cho biết tôi nên nhờ người có hộ khẩu đứng tên đơn xin phép bốc hài cốt tại Ủy ban nhân dân thành phố Sài-Gòn để chứng minh có liên hệ với người chết. Liên lạc lại với ông khi xong giấy tờ. Tôi liền gọi cho cô em, nhờ đứng tên. Đơn nộp lên ủy ban cùng với giấy khai tử và tờ khai gia đình thời Việt Nam Cộng Hòa mà tôi đã đem về.

Sáng thứ Sáu 2-12, giấy tờ đã làm xong. Không chậm trễ, vợ chồng tôi và cô em đi lên Bến Súc. Tới nhà trưởng ấp đã hơn 2 giờ trưa. Ông vội vã đưa chúng tôi lên xã cho kịp giờ.

Lên đến xã, trưởng ấp đưa chúng tôi đến gặp và đưa đơn cho một bà mà ông giới thiệu là bà Nga, phó chủ tịch xã. Tôi chả biết chức phận của bà có quyền hành gì mà thấy bà cầm tờ đơn. Chúng tôi ngồi chờ ở văn phòng, rồi bà rời đi lên lầu.

Ngồi chờ mà lòng cảm thấy hồi hộp. Về Việt Nam là tôi mắc bệnh hồi hộp. Ráng nặn óc xem tướng bà này có phải là người hắc ám, ăn hối lộ hay không nhưng chả đoán gì được cả. Hoàn toàn mù tịt. Chắc hồi hộp quá nên không thấy gì hết.

Khoảng 45 phút sau, bà Nga đi xuống với một ông béo tốt. Giới thiệu là ông Dũng, phó bí thư. Bà kêu thêm một cô làm phòng bên cạnh mà tôi quên mất

tên và chức vụ. Rồi mời tất cả vào văn phòng của bà để nói chuyện. Tôi hít vào, thở ra hồi hộp. Lại hồi hộp nữa, ai bảo về Việt Nam sướng lắm. Chờ đợi lời phán quyết của ba nhân vật quan trọng này.

Bà Nga cầm lá đơn cho biết đã bàn qua với ông phó bí thư. Trường hợp này không có gì khó khăn. Tuy là sĩ quan “Ngụy” nhưng vì máy bay rớt đã từ lâu, nay đã hòa bình nên việc tìm kiếm hài cốt là chuyện tốt. Nhà nước không làm khó dễ hay gây trở ngại. Điều kiện là nếu lấy được đầu máy bay hay súng đạn, phải giao lại cho nhà nước “quản lý”. Trường ấp sẽ chịu trách nhiệm khai báo lên xã. Ngoài ra, chúng tôi phải thương lượng với chủ ruộng, nếu có thiệt hại gây ra bởi sự đào xới. Chúng tôi cũng phải chịu trách nhiệm nếu có tai nạn xảy ra cho nhân công.

Họ tiếp chuyện chúng tôi rất vui vẻ. Ba người thắc mắc tại sao vợ hoặc con không về tìm mà em vợ và bạn lại về. Tôi nói dối chị tôi bị “tai biến mạch máu não”, không biết gì hết và hai người mới lấy nhau nên chưa có con.

Khi ra về, tôi hơi ngạc nhiên vì không thấy giấy phép đâu cả nhưng không hỏi. Sợ họ thay đổi ý kiến. Chỉ biết mừng rỡ kéo nhau về nhà trường ấp để bàn chuyện thuê người. Vì tôi “sợ” đang làm mà nhà cầm quyền dờ chừng thì rắc rối. Hỏi trường ấp tại sao ở xã không cho giấy phép. Được trả lời cách làm việc ở đây là như vậy. Cho phép bằng miệng là xong và khuyên tôi đừng lo ngại quá. Về việc tìm người,

trường ấp trường ấp nói cần phải có máy hút bùn chứ xe xúc đất không vào được. Ông sẽ giúp chúng tôi lo chuyện này.

Việc xin giấy phép dễ dàng lại không tốn đồng xu “bồi dưỡng” làm tôi rất đắc ý. Tôi nghĩ đó là do sự linh thiêng của anh Giang muốn rời khỏi nơi u tối nên đã phù hộ cho việc xin giấy phép được xuôi sẻ. Trong vòng một tuần lễ mà tôi đã được phép, dù bằng miệng. Như vậy tôi đã đi được nửa chặng đường. Còn nửa chặng kia, tôi hy vọng sẽ làm xong trước khi về Mỹ, vào ngày 26-12-2005.

Tôi dự đoán ông trường ấp tìm người giúp, ít nhất cũng phải mất vài ngày cho tới một tuần nên vợ chồng tôi dự tính ra Bắc khoảng vài ngày. Tôi đã gọi đặt phòng ở Hà Nội và chỉ chờ ra hãng hàng không lấy vé. Vào tối hôm đó nhằm ngày thứ Bảy, vợ chồng tôi lên đường. Anh Hà cân nhắc, chúng tôi có cần thiết ra Bắc không, rủ mới ra mà có tin ông trường ấp thì làm sao. Vì “đại sự” nên chúng tôi đành hủy bỏ chuyến “Bắc tiến” này.

Thật là may, chúng tôi không đi Hà Nội thì qua ngày hôm sau, Chủ nhật 4-12, ông trường ấp gọi và muốn gặp chúng tôi. Khoảng trưa, trường ấp đã có mặt tại nhà anh Hà để bàn chuyện giá cả việc đào xới vì ông đã tìm được người nhận làm. Họ hứa sẽ làm xong trước ngày 25-12 để kịp tôi về Mỹ. Ông cho biết đã nói chuyện với chủ của hai thửa ruộng, chỉ cần làm xong rồi đắp đất lại cho họ. Số tiền ông trường ấp đưa ra, con số mà tôi muốn nhảy tưng lên vì

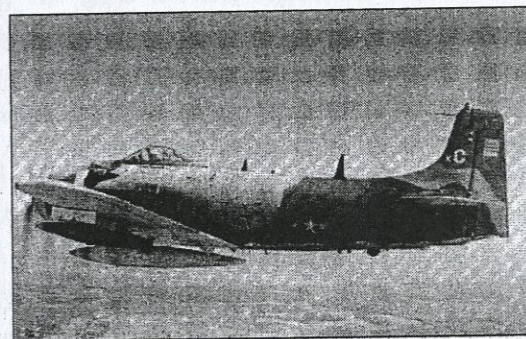
mừng. Rất vừa túi tiền của tôi. Sau khi cho biết chương trình thợ sẽ làm những gì. Rồi được sự cố vấn của anh Hà tôi chấp thuận ngay và giao trưởng áp trước một số tiền mua vật liệu để khởi sự làm.

Nếu may mắn tìm được hài cốt, trưởng áp hứa sẽ cho tôi một miếng đất trong nghĩa trang gia đình để chôn cất anh Giang. Tuy rất mừng nhưng trong lòng vẫn giữ ý định thiêu. Tôi nhờ ông thuê người quay video khi thợ bắt đầu làm và quay phim vào những ngày tôi không có mặt để biết cách làm việc của họ.

Nghĩ phen này chắc chắn rồi nên ông cố vấn Hà đề nghị chúng tôi cùng gia đình anh đi Mũi Né chơi vài ngày. Đi thứ Hai về thứ Tư. Buổi trưa thứ Ba 6-12, đang dùng cơm ở nhà hàng ngoài Phan Thiết, thành linh tôi nhận được điện thoại trưởng áp. Ông cho biết hơi có trục trặc, mọi việc phải tạm ngưng. Ông sợ rắc rối và để cho chắc ăn, ông trở lại xã xin chữ ký chứng nhận cho phép mà lúc trước ông bảo tôi đừng lo.

Trưởng áp cho biết, ông chủ tịch xã, người mà chúng tôi không gặp vì ông vắng mặt khi tới xin giấy phép. Bây giờ muốn gặp chúng tôi vì nghi có Mỹ đứng đằng sau việc này. Tôi nổi đóa, hơi to tiếng với trưởng áp, cho rằng chủ tịch xã muốn làm tiền. Tôi cũng nói thêm không có tiền hối lộ, làm khó dễ tôi sẽ bỏ, không làm nữa. Trưởng áp cứ trấn an là chủ tịch xã chỉ muốn gặp mặt nói chuyện, ngoài ra không có gì hết.

Dù sao tôi vẫn phải đến và cho trưởng áp biết thứ Năm tôi sẽ lên gặp. Gọi về cho cô em ở Sài Gòn cho biết thứ năm sẽ đi Bến Súc. Cô ngoe ngoáy, nói không đi vì ngại bị gọi từng người ra thẩm vấn. Nhưng sau cùng vì là người đứng tên xin nên em vẫn phải đi.



Bài số 9

ĐỤNG ĐỘ CÔNG AN

Thứ năm, 8-12, chúng tôi khởi hành đi Bến Súc lúc 8 giờ sáng. Tới nơi lúc 10 giờ, tôi đoán đến trưa là xong. Lần này có chị Lý đi theo làm cố vấn. Gặp trưởng ấp tại nhà. Ông giao lại đơn từ, hình ảnh và nói chúng tôi lên xã gặp ông chủ tịch xã. Ông tránh không đi cùng vì dân ở xã đồn ông ăn cả trăm triệu của tôi.

Chúng tôi gặp lại bà Nga. Bà tiếc không ký giấy phép nên mới xảy ra chuyện trống đánh xuôi kèn thổi ngược. Tôi cũng tự trách mình. Cái “sợ” đã làm tôi “hèn” không dám hỏi giấy phép trên giấy trắng mực đen.

Bà đưa chúng tôi vào phòng và giới thiệu với ông chủ tịch xã. Em tôi đưa tất cả giấy tờ và xin ông chứng nhận trong ngày để công việc được tiếp tục cho kịp thời gian chúng tôi còn về Mỹ. Ông xem đơn rồi phán “việc này phải chờ tới thứ Hai mới xét”. Chúng tôi liền ỉ ôi kể lể tình nghĩa anh em, bạn bè không quản ngại khó khăn trở về tìm hài cốt. Tôi cũng cho ông biết chúng tôi sẽ không phải phiền phức lên xuống xin xỏ như thế này nếu có Mỹ dính vào.

Chị Lý còn ca thêm bài con cá dùm là vợ chồng tôi đi theo diện HO. Thương anh rể chết mất xác còn chị thì bị “tai biến mạch máu não”. Cả bà Nga cũng nói vô nữa. Chợt ông chủ tịch xã hỏi vợ chồng tôi đi năm

nào. Tôi trả lời năm 90, năm của một người anh của tôi qua Mỹ theo diện HO. Chị Lý lại nói năm 96. Không biết chủ tịch xã có nghe “ông nói gà bà nói vịt” mà lại không hỏi gì thêm. Nói chúng tôi ngồi chờ và cầm giấy tờ ra khỏi phòng. Tôi thì thầm hỏi chị Lý tại sao lại nói chúng tôi đi HO năm 96 ? Chị cho biết nói qua Mỹ không lâu nên không có nhiều tiền. Lúc đó tôi mới vỡ lẽ và phục chị sát đất.

Chừng nửa giờ sau, ông chủ tịch xã trở về phòng với một anh chàng còn trẻ khoảng 30 tuổi, giới thiệu là công an xã. Anh chàng này làm ra vẻ ta đây, cầm hình anh Giang hỏi tôi:

- Làm sao di biết người này chết rồi.
 - Thì trong giấy khai tử mà anh đang cầm, có ghi đấy.
- Anh chàng cầm tờ tử tuất đọc qua rồi hỏi tiếp:
- Sau giải phóng, hoà bình rồi sao di không đi tìm mà chờ cho tới bây giờ mới tìm.
 - Sau giải phóng thì khổ quá, gia đình người đi tù, người đi kinh tế mới, lo kiếm ăn để sống chứ có ai nghĩ đến đi tìm người chết. Bây giờ đời sống ổn định rồi mới dám nghĩ tới.

Quay sang nhà tôi, hấn hỏi bạn với anh Giang như thế nào. Rồi nói đi theo hấn sang phòng bà Nga để “làm việc”. Tôi trợn tròn mắt nhìn nhà tôi đi theo hấn. Như vậy em tôi nói đúng, công an sẽ “làm việc” từng người một, xử gì quái đản! Quá 12 giờ trưa mà vẫn chưa thấy nhà tôi ra. Lo âu vì không biết ông nói gì thì khi tới phiên tôi, làm sao tôi nói cho ăn khớp được.

Bà Nga, chị Lý, em tôi và tôi kéo nhau ra sân ngồi cho mát. Một chặp sau, khi nhà tôi ra, em tôi tình nguyện vô trước để tôi có đủ thì giờ “khai thác” lấy “khẩu cung”. Vì đã kinh nghiệm ở tù và sống với cộng sản vài năm nên nhà tôi khai lung tung, làm tôi khúng hoảng hơn vì không biết đến lượt mình ra sao. Dựa theo lời khai, tôi tự đặt câu hỏi rồi lại không có câu trả lời cho hợp lý.

Trong lúc chờ đợi, chúng tôi đói meo, may chị Lý có mang theo bánh giò cứu đói. Cơn “dị ứng” cộng sản của tôi cũng bùng bùng nổi lên. Đi tới đi lui, mặt mũi cau có nói với bà Nga. Tuy em tôi đứng tên đơn, nhưng người quyết định là tôi chứ không phải em tôi hay nhà tôi. Có hỏi thì hỏi tôi, làm khó dễ tôi bỏ, tôi chỉ lập miếu thờ. Điều tra chòng và em tôi cũng vô ích mà thôi.

Thình lình thấy em tôi đi ra. Tưởng xong phần cô ấy rồi thì được biết vẫn chưa xong. Lời khai của cô chỉ có vài câu thôi mà lâu cả mấy tiếng đồng hồ như vậy là do anh công an này “nắn nót” viết bản khai cho có “văn hóa”. Anh công an nói việc này phải đem lên huyện cứu xét, họa may đến thứ hai mới biết được kết quả. Cô phải lãnh hết trách nhiệm nếu có tai nạn xảy ra nên cô lo ngại hỏi ý kiến tôi vì cô sợ không có tiền bồi thường. Lời khai của cô cũng làm tôi điên đầu không kém. Tới phiên tôi vào “làm việc.”

Tôi xăm xăm đi vào. Thấy bà Nga đã ngồi trong đó đang nói chuyện với anh công an. Tôi hỏi anh công an xin lại giấy tờ. Anh lấy ra đưa lại hết cho tôi. Cầm

đầy đủ giấy tờ trong tay, tôi thông thả nói “Anh nghĩ tôi có thể được giấy phép ngày hôm nay không? Vì tôi không có nhiều thời gian. Sẽ phải về Mỹ ngày 26 tháng 12. Tôi không muốn mất thì giờ của anh cũng như của tôi. Mất cả mấy tiếng đồng hồ tra hỏi như thế này. Tôi không thể chờ tới ngày thứ hai được. Nếu anh nghĩ không xong ngày hôm nay, tôi không làm nữa.”

Anh công an nhìn tôi với đôi mắt rất ngạc nhiên, “Dì biết, đây là thủ tục tôi phải làm, phải trình lên cấp trên v.v..” Bà Nga đứng đằng sau tôi nói “Chuyện này không có gì đâu, lát nữa sẽ đưa qua phòng bên kia ký, chị đừng lo”. Vừa lúc đó, em tôi đi vào. Tôi nói liền “Sao anh này nói phải chờ tới ngày thứ hai”. Em tôi còn đang ngơ ngác, anh công an nói “Chắc dì nghe lộn đó.” Rồi vội vàng “mời” tôi ra ngoài để “làm việc” tiếp với em tôi.

Không lâu, thấy bà Nga, anh công an và em tôi đi ra và sang phòng ông chủ tịch. Lòng tôi cảm thấy “hân hoan” thoát nạn. Không “được” mời lên “làm việc.” Cũng may anh công an này không ưa tôi, chứ anh mà kêu lên thì lời khai của tôi không giống ai, chẳng biết sẽ đưa việc tìm anh Giang đi về đâu. Khoảng nửa tiếng sau, em tôi đi ra và mọi việc xong xuôi. Như trút được gánh nặng, chúng tôi cười nói vui vẻ. Giấy phép là gì? Tôi không biết tả làm sao vì nó được viết bằng tay ngay đằng sau lá đơn xin phép lấy hải cốt như sau:

UBND xã Thanh Tuyền

Xác nhận

- Đồng ý cho gia đình bà..Sinh ngày. bốc hải cốt như đơn trình bày.

- Cam kết mọi sự cố khi xảy ra nếu có bom mìn, hoàn toàn chịu trách nhiệm.

- Tất cả xác máy bay và các vật dụng khác để lại cho cơ quan chức năng xử lý.

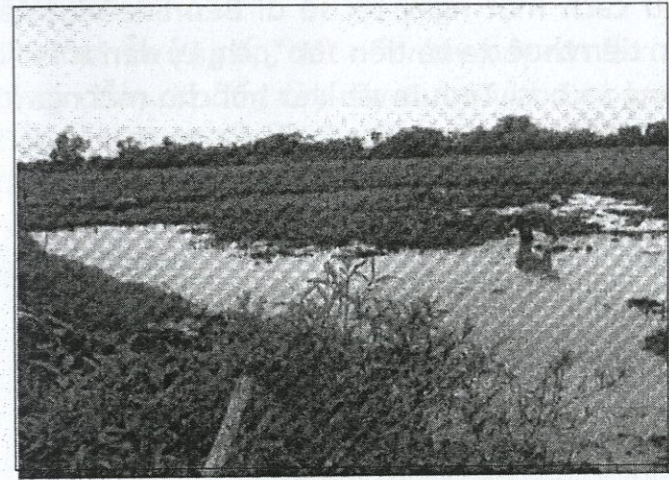
- Hộ gia đình làm hợp đồng chủ đất, trong quá trình bốc hải cốt.

Dưới là chữ ký của ông bí thư và em tôi.

Cẩn thận hơn lần trước, nhận thấy không có con dấu nên tôi gọi trưởng ấp hỏi ý kiến. Ông cho biết cần phải có con dấu nên em tôi lật đật trở lại xin đóng dấu. Xui xẻo quá vì người đóng dấu đang họp. Chúng tôi đành phải chờ thêm đến hơn nửa giờ đồng hồ sau mới có con dấu đóng vào.

Hơn 4 giờ chiều, chúng tôi trở lại nơi hẹn, nhà ông Long, em họ ông trưởng ấp để đưa giấy tờ. Ông Long là công an ấp và cũng có lẽ là cố vấn của ông trưởng ấp. Vì theo lối nói chuyện của ông ta, chị Lý đoán ông ta nói ra nói vào sao đó làm tinh thần trưởng ấp bị “chao đảo” và “lạnh cảng” nên ông mới đòi có chữ ký chứng nhận mà tuần trước ông nói không cần. Lúc trước, chỉ giao kèo bằng miệng, nay chị Lý giúp chúng tôi làm hợp đồng giao kèo trên giấy tờ với trưởng ấp, người thầu vụ này cho chúng tôi. Công việc bị dở dang sẽ bắt đầu trở lại vào ngày mai.

Bài số 10 CÒN GIAN NAN



Tưởng công việc được thuận buồm xuôi gió, không ngờ hai ngày sau trưởng ấp gọi lại cho biết hơi bị trục trặc. Một trong hai chủ ruộng làm khó về vấn đề tiền bạc. Thứ Ba 13 tháng 12, ông trưởng ấp lên nhà anh Hà gặp chúng tôi nói chuyện.

Trả lại số tiền còn lại sau khi đã mua cây và trả công thợ khuôn vác.

Anh Hà nói đây là lần đầu tiên ở Việt Nam có người đem tiền trả lại khi “deal” không thành. Tôi lại nhờ chị Lý cố vấn và dự tính nếu chuyện không xong, tôi sẽ đổi vé về Mỹ sớm vào ngày 19 tháng 12. Đến ngày 18, trưởng ấp gọi lại. Chúng tôi đồng thỏa thuận về sự đòi hỏi của chủ ruộng. Thế là mất toi 3 tuần lễ mà việc chưa đi tới đâu. Thợ phở đoán sẽ

làm xong nếu có thêm một tuần nên tôi dời ngày về vào 29. Sau lại đổi về ngày 30-12-05.

Vì cứ cách một ngày tôi sẽ đi Bến Súc nên để tiết kiệm tiền thuê xe và tiền “bo”, chị Lý dẫn tôi đi bằng đường xe bus. Tính ra vé khứ hồi cho mỗi người tốn chưa tới 2 đô, còn thuê xe tốn 40 đô một ngày. Khởi



hành từ bến xe ở bùng binh Sài Gòn. Đến Củ Chi đổi xe đi địa đạo Củ Chi rồi đổi xe đi Dầu Tiếng. Khi xe ngừng tại chợ xã Thanh Tuyền, đổi xe đi Bình Dương rồi cuối cùng xuống xe khi đi ngang ấp Rạch Kiến và ngược lại.

Đổi xe ở các trạm tương đối không phải chờ lâu. Riêng xe đi Bình Dương, trung bình chờ nửa tiếng. Tính ra một lượt đi mất khoảng từ 3 tiếng đến 3 tiếng rưỡi. Xe thuê đi thì mất 2 tiếng. Đi xe bus phải thể thao, hoạt động hơi nhiều vì quạt luôn tay. Xe ra khỏi Sài Gòn là tắt máy lạnh.

Tuy mất nhiều thì giờ nhưng tôi rất vui mừng vì tiết kiệm được tiền. Ngược lại, nhà tôi rất đau khổ mặt mũi nhăn nhó.

Theo lời trưởng ấp, đất nơi máy bay rớt là ruộng không có chân. Không cày cấy được vì trâu bò sẽ bị lún. Bắt đầu công việc là thợ cắt cây cỏ trên gò đất. Gò đất đã mềm vì mưa được cắt thành từng miếng nhỏ, kéo vào đắp bờ rồi cắm cừ xung quanh. Cắm cừ là cắm cái gì? Trong đầu tôi thắc mắc lắm. Tôi biết khảm xà cừ là gì nhưng cái “cừ” này tôi chịu thua.

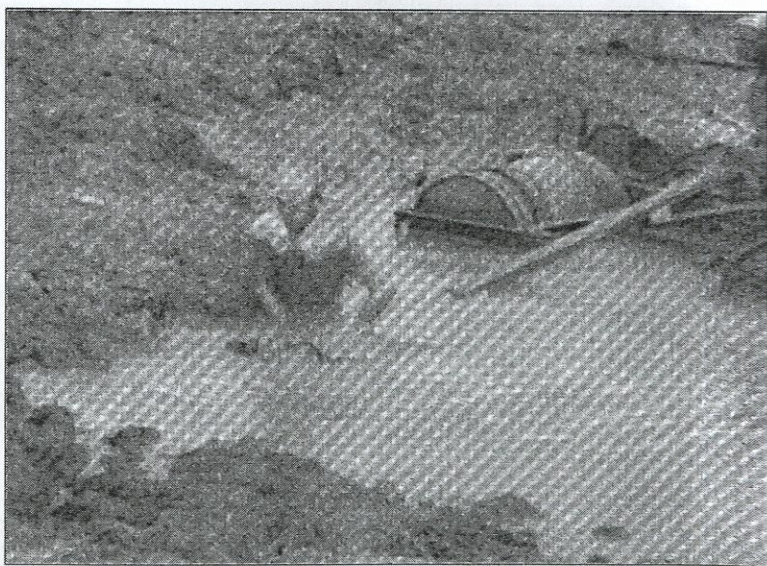


Không dấu cái ngu dốt của mình nên phải hỏi cho ra. Được giải thích cắm cừ là cắm cây.

Khi dọn sạch gò đất, chỗ này trở thành 1 hồ nước đục ngầu. Thợ mang đến một máy xới và máy hút bùn. Lúc đầu có 8 tới 10 thợ, lần này chỉ còn 3,4 thợ.

Một người thợ dưới hố để điều khiển máy. Trong trường hợp máy hỏng hoặc ống dẫn bùn bị rách thì máy thợ kia xuống sửa.

Trước khi làm, thợ đã mua trái cây, gà và nhang đèn cúng thần đất, cúng vong linh và cúng anh Giang. Có một ngày không đi Bến Súc, tôi gọi ông trưởng ấp hỏi thăm thì ông nói “Chị Kha ơi, đất sạt



quá đi”. Tôi hỏi tại sao và đất sạt là cái gì? “ Là đất lở,” thì ra thế.

Đến ngày Chủ nhật, 25 tháng 12 rồi mà tình hình không lấy gì làm sáng sủa lắm. Ngày về cũng sắp đến . Xui là khi có mặt tôi ở đó, máy lại hay bị hỏng nên thợ cứ đổ thừa tại tôi nặng vĩa!

Thấy tôi suy nghĩ và đắn đo về việc ở hay về. Anh Hà đề nghị nếu tôi phải về đi làm, nhà tôi nên ở lại

để tiếp tục. Tôi rất khó xử bởi vì mục đích của tôi về để đích thân lo. Chứng kiến nhìn thấy những kỷ vật, hài cốt của anh Giang. Lo vụ mai táng nếu tìm ra mà nay phải về sớm khi việc chưa xong, tôi rất áy náy. Có nhiều đêm tôi trằn trọc không ngủ được.

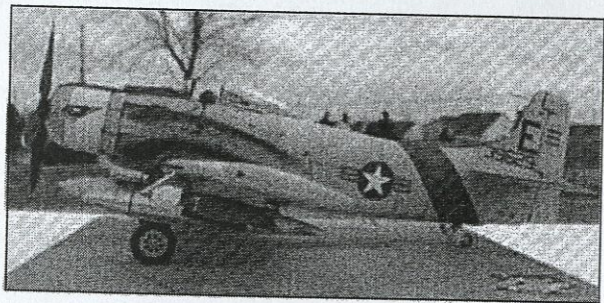
Thứ hai 26 tháng 12-2005, vợ chồng tôi ra hãng máy bay đổi vé. Tôi muốn ở lại thêm một tuần nữa nhưng chuyến bay về Mỹ sớm nhất là ngày thứ sáu 13 tháng 1. đành chỉ đổi vé cho nhà tôi thôi.

Thứ tư 28 tháng 12, buồn bã vì không ở lại được. Sáng sớm lẳng lặng rời nhà anh chị Hà. Cũng như mọi hôm, đeo chiếc backpack nặng trĩu với những thứ lặt vặt cần thiết cùng thức ăn trưa, vài chai nước La Vie, bình Igloo đựng đá. Tôi ghé chợ Bến Thành mua ít nhang, trái cây rồi ra bến xe đi Bến Súc. Có lẽ khi phát giác tôi vắng mặt, nhà tôi gọi phone nhưng tôi không trả lời. Buồn quá nên muốn đi một mình.

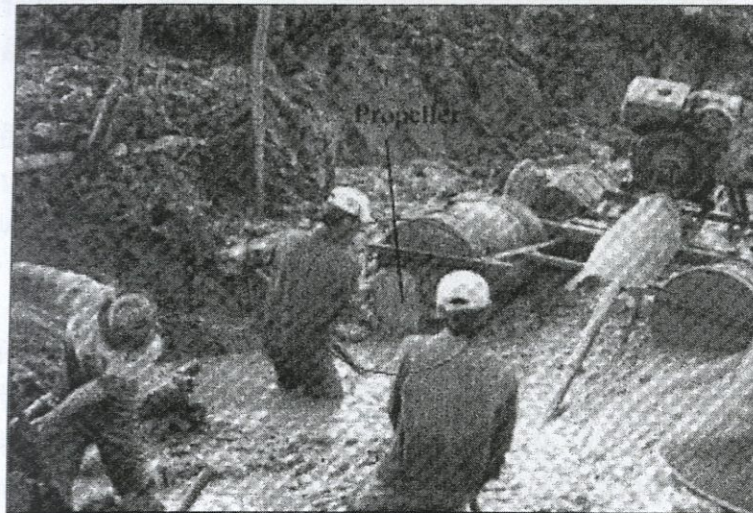
Bình thường khi tới nơi, ghé lại nhà trưởng ấp nói chuyện rồi mới ra ruộng xem thợ làm việc. Lần này vì tôi tới thành linh, không hẹn nên trưởng ấp không có nhà. Tôi thay giày cao su cao cổ rồi chống gậy ra ruộng một mình. Vì sinh quá, tôi cứ lóng ngóng, đổi hết lối này sang lối khác mà chưa ra được tới nơi. Có lẽ tôi khùng thật, đã mang ủng cao su cao cổ để đi bùn mà còn sợ ủng dính bùn. Một ông làm ruộng gần đó, thấy vậy ra dắt tay tôi đưa ra tận nơi. Ông giúp bày trái cây, thắp nhang cúng anh Giang. Khi biết tôi tới, trưởng ấp lật đật trở về và gặp tôi ngoài ruộng. Như những ngày trước, thợ tìm được vài thứ thuộc

về máy bay nhưng vẫn chưa xác định được vị trí. Tôi ngồi ngoài ruộng tới 4 giờ chiều mới ra về. Hơn 7 giờ tối mới về tới nhà.

Sau những chuyến đi về này, dù mệt mỏi tôi vẫn email cùng những hình ảnh tôi mới chụp trong ngày về Mỹ cho gia đình, bạn bè và đồng nghiệp.



Bài số 11 TIẾN THOÁI LƯƠNG NAN



Thứ năm 29 tháng 12, 2005 trở lại Bến Súc lần chót với nhà tôi. Trưởng ấp cho biết một khúc sắt hiện lên, hình như cánh quạt. Vội vã, chúng tôi đi ra xem. Đúng là cánh quạt rồi. Thợ rất phấn khởi vì họ có cảm giác đang đứng trên tấm sắt. Cho rằng trong một hay hai ngày nữa, họ sẽ hút tới máy bay. Họ làm sắp tới rồi, bằng mọi cách tôi phải ở lại.

Thứ sáu 30-12, thay vì đi về Mỹ, vợ chồng tôi lại đến hãng máy bay đổi vé. Ngày 13-1 không còn chỗ. May mắn, ngày 12 còn đúng hai chỗ nên chúng tôi đổi ngày đó. Dù chưa xin phép nhưng tôi nghỉ đại. Đến nước này rồi, tới đâu hay tới đó.

Chúng tôi lại lên đường đi Bến Súc. Cánh quạt được lấy lên, ngoài ra không có gì tiến triển gì hơn.

Đất vẫn lở, nước ngập nhiều hơn. Thợ phải cắm cây làm dấu nơi cánh quạt, hy vọng đầu máy nằm đó.

Tối về, email về Mỹ cho boss cùng hình ảnh. Cho biết lý do và xin nghỉ thêm hai tuần nữa. Ngày hôm sau nhận được thư trả lời chấp thuận.

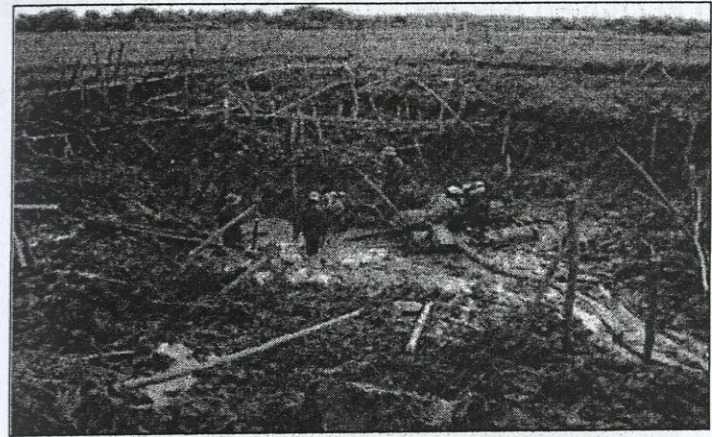
Những ngày sau, mỗi lần đến Bến Súc tôi thấy tình trạng vẫn vậy. Không thay đổi, cũng chỉ tìm được những bộ phận máy bay mà thôi. Thất vọng và buồn bã, chán nản đến độ tôi không email về nữa vì có gì đâu mà viết.

Những ngày không đi Bến Súc, tôi ra ngoài đi bộ. Đến tiệm rửa hình ở đường Nguyễn Huệ, vào khoảng 5 giờ chiều cho bớt nắng, bớt nóng. Nhiều khi tôi có ý định ra tòa đại sứ xin giúp đỡ phương tiện. Nhưng nghĩ lại chắc chả đi tới đâu nên thôi.

Anh chị Hà và nhà tôi cứ rủ ra ngoài đi chơi cho đỡ buồn. Người buồn thì cảnh có vui đâu bao giờ nên tôi thoái thác. Xem TV nhiều nên tôi bị lôi cuốn theo dõi phim Tàu, Đại Hàn và Việt Nam.

Một đêm tôi nằm mơ. Một giấc mơ tương đối dài. Khi thức dậy tôi nhớ rất rõ ràng. Không biết thức dậy lúc mấy giờ nhưng không thể chờ đến sáng hẳn

Đánh thức nhà tôi dậy để kể lại vì sợ quên. Trong giấc mơ, tại một căn nhà mà tôi không biết của ai, hình như đang có tiệc. Rất đông người nhưng không thấy



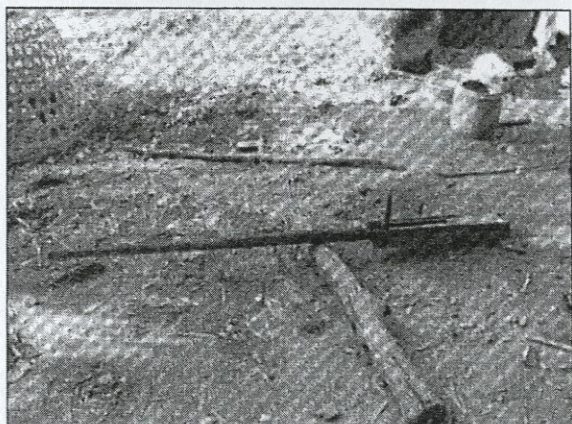
rõ ai là ai. Tôi mừng rỡ khi nhìn thấy anh Giang. Muốn “hug” anh nhưng làm như có cái gì vô hình giữ lại. Tôi reo lên “anh Giang về hồi nào vậy? Nghe nói anh bị mất tích rồi mà”. Vẫn hình dáng như những lần cuối thấy anh vào năm 66. Anh cười và trả lời “Anh tưởng đi luôn rồi nhưng không ngờ có người tìm ra được.”

Cảnh khác, anh từ trên cầu thang gác, chạy xuống thật nhanh đến chỗ tôi đứng. Như muốn nói điều gì nhưng lại trở đi luôn khi thấy nhà tôi đứng bên cạnh.

Tôi nhớ lại ánh mắt của anh, như muốn nói cái gì nhưng lại không nói. Tại sao? Có lẽ vì chưa tìm ra anh nên tôi cứ nghĩ vớ vẩn. Tại sao? Anh muốn ở yên đó, chơi với đĩa? Anh không biết chồng tôi là ai nên ngại không nói? Tôi đã làm điều gì có lỗi với anh? Quên giới thiệu nhà tôi? Tại vợ con anh không đích

thân lo chuyện này nên anh giận? Tại tôi không cho em anh biết tin?

“Ah, đích thị y”, như tìm ra chân lý. Tôi mừng rỡ reo lên.



“Đích thị y”, thủ phạm là ông nhà tôi. Rõ ràng là ông ấy rồi. Mỗi lần đi Bến Súc, làm như ông khó chịu, miễn cưỡng, chẳng nói, chẳng rằng. Mặt mũi lúc nào cũng nhăn nhó như trái táo tàu khô quá đất. Có lẽ vậy nên anh Giang đổi, không chịu lên? Cho lý do này hợp lý nhất nên tôi đổ tội và cần nhân nhà tôi quá.

Bởi vậy, ngày hôm đó khi lên Bến Súc. Tôi ra chỗ đào khẩn giới thiệu nhà tôi với anh Giang ngay. Khẩn xong tôi hơi yên tâm, hy vọng sẽ nhìn thấy ngọn đèn cuối đường hầm.

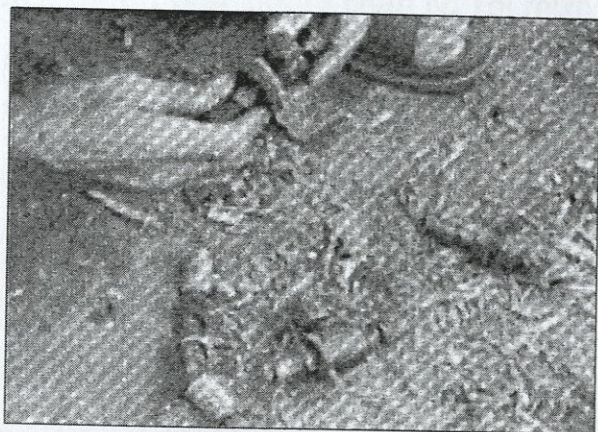
Bài số 12 VẪN CHƯA SÁNG SỬA



Chỉ còn một tuần nữa thôi mà tình hình cũng chưa có gì tiến triển cả. Mặc dù thợ tìm được một súng đại liên và đạn ở cánh phi cơ còn sót lại. Lúc trước họ đã tìm được hai súng. Radio và những miếng như cao su bọc ghế hoặc chung quanh bên trong buồng lái của phi cơ. Tất cả đều tìm được cùng chỗ nơi cánh quạt nên mọi người đoán đó là vị trí của buồng lái. Nhưng khổ nỗi đất cứ sụp lở hoài.

Vợ chồng tôi bỏ thêm tiền để thợ mua thêm cây và tôn để ngăn chặn đất lở. Không thấy họ dùng tôn, trưởng ấp cho biết thợ không dùng vì sợ đục phải sẽ làm gãy cánh quạt của máy hút bùn. Nóng ruột vì chưa có kết quả mà tôi lại sắp về. Trưởng ấp và thợ mua trái cây cúng. Nhờ một bà thầy ở Biên

Hòa lên xem xác nằm đâu. Bà này chắc còn non tay
ấn nên không thấy gì cả.

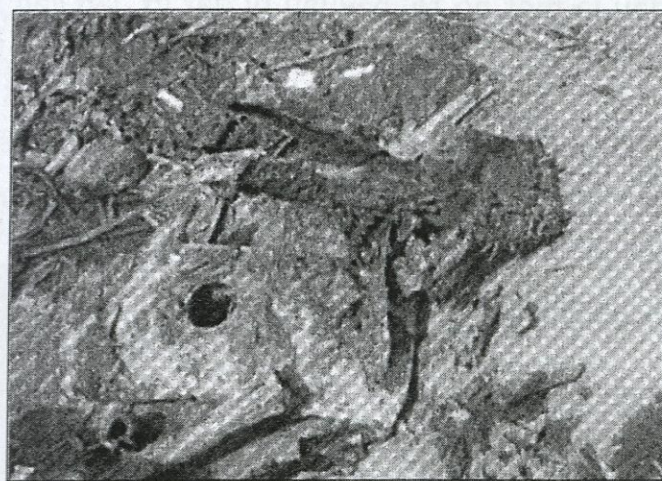


Chợt nhớ tới ông thầy ở Hà Nội. Liên gọi nhờ cô em hỏi người bạn có quen biết với ông, liên lạc dùm. Vài giờ sau, cô em cho biết cô bạn đã liên lạc được và ông ta chấp thuận giúp. Tôi có thể gọi ông lúc nào cũng được. Ngoài ra tôi còn được dặn. Gọi ông bằng cậu và xưng cháu. Khoan nói chuyện tiền bạc. Tôi cần nên đồng ý dù chả biết ông ta già trẻ, lớn bé ra sao.

Sau đó tôi có gọi thử, ông ta nhắc máy. Nói một hơi là tôi mới tới Việt Nam nên chắc còn mệt, khi nào khỏe gọi lại. Tôi dạ lia, dạ lịa. Không biết bạn cô em nói gì với ông nên dạ cho xong chuyện. Trong khi đó, chị Lý cũng lấy cái hẹn cho tôi gặp lại cô thầy Linh. Xem tìm được không mà tới giờ chưa thấy gì cả. Cô hẹn gặp tại nhà người bạn thân của chị Lý vào sáng sớm vì ngày đó tôi phải đi Bến Súc.

Thứ ba 10-1, lúc 7 giờ sáng. Chị Lý chở tôi qua nhà người bạn tên Thi để gặp cô “thầy”. Cô xem rồi quả quyết sẽ lấy được xác. Chị Lý kêu cô đi xem cho chắc ăn vì hai ngày nữa thì tôi về rồi. Tôi cũng năn nỉ thêm. Cuối cùng cô nhận lời.

Tôi đi mua gà luộc, xôi trắng ở tiệm phở gà bên cạnh nhà chị Thi. Sau khi sửa soạn đầy đủ các thứ để cúng.



Chị Lý, chị Thi, cô thầy và vợ chồng tôi lên xe nhà của chị Thi đi Bến Súc. Đến nơi, chúng tôi lật đặt ra ngoài ruộng. Cô thầy ra tận nơi thợ mò lên được những bộ phận của phi cơ để quan sát.

Khoảng 1 giờ trưa, chúng tôi bày gà, xôi, trái cây, rượu bia, châm thuốc lá, đốt nhang. “Thầy” bắt đầu khẩn vái. Cô nói với thợ đào ngay chỗ đó, sâu

thêm một mét nữa. Cô thấy anh Giang nằm dưới máy bay. Anh bị gãy cổ và sọ nằm sát thành đất.

Ban đầu là một hố to, bấy lâu bị đất lở, lấp gần hết hố. Bây giờ chỉ còn một phần nhỏ đủ ba người thợ chen chúc đứng xúc bùn, liệng lên cho máy hút đi. Từ từ, họ thấy được khung sắt. Tất cả đều mừng rỡ nhưng suốt buổi ở đó, không lấy gì lên được cả. Tôi thềm khẩn anh Giang làm ơn cho phép thợ đem anh lên chứ trông họ làm việc thấy cực quá.

Ban đầu là một hố to, bấy lâu bị đất lở, lấp gần hết hố. Bây giờ chỉ còn một phần nhỏ đủ ba người thợ chen chúc đứng xúc bùn, liệng lên cho máy hút đi. Từ từ, họ thấy được khung sắt. Tất cả đều mừng rỡ nhưng suốt buổi ở đó, không lấy gì lên được cả. Tôi thềm khẩn anh Giang làm ơn cho phép thợ đem anh lên chứ trông họ làm việc thấy cực quá.

Có “thầy” mà vẫn chưa tìm được thì làm sao bây giờ. Buồn và bối rối quá. Cô “thầy” nói tôi cứ

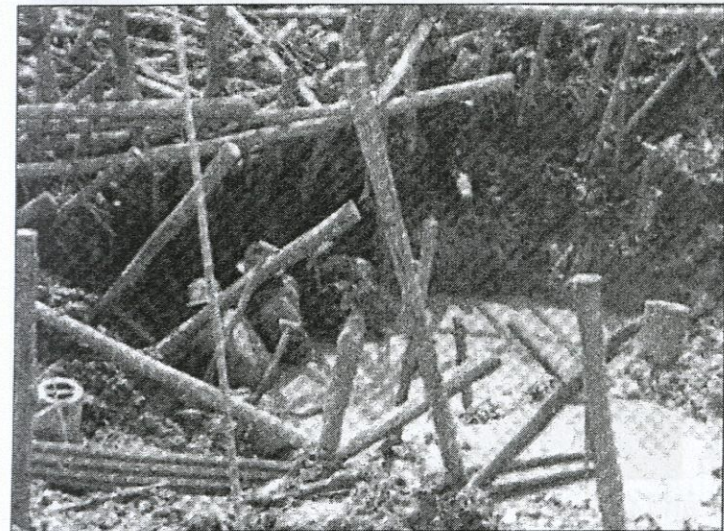


yên chí về Mỹ đi. “Thầy” sẽ cùng chị Lý và Thi lo dùm chuyện này cho tôi. Tôi cũng thay đổi ý kiến. Sẽ chôn anh Giang nếu tìm được xác vì chị Lý khuyên nên chôn để anh Giang được có mồ yên mả đẹp. Gia đình ông trưởng ấp sẽ lo việc trông nom.

Sửa soạn hành lý về Mỹ, chợt nhớ “thầy” ở Hà Nội. Tôi vội gọi, xin lỗi bấy lâu không gọi lại. Ông nói không sao, khi nào đi Bến Súc, tới miệng hố thì gọi.

Hiểu nỗi buồn của tôi, anh chị Hà nói nếu tôi không thể xin nghỉ được nữa thì anh chị và nhà tôi sẽ tiếp tục. Tôi đâu yên tâm để ông nhà tôi đi với bộ mặt nhăn nhó như thế làm sao anh Giang chịu lên.

Tôi rầu thúi ruột. Tình trạng tiến thoái lưỡng nan. Về hay ở? Nghĩ việc đã đến tới mức này rồi, tôi

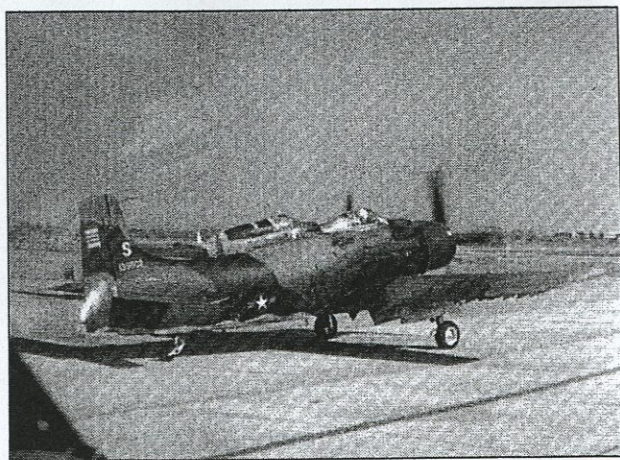


không thể về tay không như một kẻ thua cuộc được. Tôi phải ở lại.

Hôm sau, đi đổi vé máy bay nữa rồi sẽ xin phép nghỉ thêm sau. Chuyến bay về sớm nhất vào ngày 24 tháng 1. Không chần chừ hay suy nghĩ, tôi đổi liền rồi đi Bến Súc luôn.

Khi vừa tới, ra ngay ruộng và gọi cho “thầy” Hà Nội. Ông bắt máy và nói hãy gọi lại vào lúc 2 giờ. Xem đồng hồ đã 12 giờ trưa. Đoán có lẽ gọi nhầm giờ “thầy” ăn trưa rồi tới giờ “thầy” ngơi. Chờ đến 2 giờ rưỡi mới gọi lại và gọi nhiều lần nhưng chắc “thầy” bận nên không nhắc máy.

Đất và bùn lở sập gần như lấp hết miệng hố, nơi máy bay đang nằm sâu chỉ là một hố nhỏ. Thợ nhặt được khung sắt, ốc bù loong, máy móc nằm trong buồng lái nhưng chưa thấy những gì mà tôi muốn thấy.



Bài số 13 NẢN CHÍ ANH HÙNG



Tối về, buồn bã tôi email ca bài con cá. Xin nghỉ thêm và mong sắp thông cảm mà đừng dẹp bàn làm việc của tôi. Tôi cũng email về gia đình để cho biết tôi dời ngày về.

Qua ngày hôm sau, không ngờ xếp trả lời có thể ở lại bao lâu cũng được. Bàn làm việc vẫn còn đó chờ tôi trở về. Suzy, bạn đồng nghiệp Mỹ cứ hỏi thăm. Sẵn sàng tình nguyện gửi tiền \$US viện trợ.

Thư em trai tôi gửi qua cho ý kiến thử dùng “A floating device” để kéo buồng lái lên. Tôi chỉ đoán thôi chứ chả biết cái máy này là cái gì. Cũng chả hiểu có tác dụng hiệu quả trong trường hợp này không. Không biết thợ sẽ tìm máy ở đâu ra để làm nhưng tôi

vẫn nói với trưởng ấp và thợ. Không cù lần như tôi tưởng, nói ra là họ hiểu ngay và nói sẽ thử. Họ sẽ dùng từ 6 cho tới 8 thùng phuy rỗng, ràng buộc với nhau. Nối dây một đầu vào thùng. Đầu kia vào buồng lái nếu tìm được điểm để buộc dây. Xong thả nước cho đầy để mấy thùng phuy dẹt mạnh. Có thể sẽ kéo được buồng máy lên.



Tôi mừng thầm và thoáng có một chút hy vọng. Bằng không tôi phải có một quyết định bãi bỏ hay tiếp tục. Nếu tiếp tục, sẽ đến khi nào. Tôi cần phải thương lượng với thợ về vấn đề tiền bạc. Nếu bỏ cuộc, khi nào tuyên bố. Thêm tiền thêm bạc dễ dàng, chứ còn tuyên bố chấm dứt mới khó. Miệng nói ngon lành chứ có nỡ lòng nào bỏ được. Lòng rối như tơ vò mà ngày về lại sắp đến. Tự thoái thác trong lòng để làm thêm ít ngày nữa xem sao rồi tính. Tạm thời cho thợ thêm ít tiền “bồi dưỡng” để họ vui lòng tiếp tục giúp tôi.

Những ngày đầu trong tuần lễ thứ nhất của hai tuần ở thêm này. Không có gì phấn khởi lắm. Vẫn chỉ lấy được những miếng sắt nhỏ. Đất vẫn sạt lở. Có ngày chúng tôi lên, được tin một người thợ đã tìm ra thẻ bài. Như vậy anh này sẽ được món tiền thưởng lớn như đã hứa. Lấy làm lạ khi nhìn thấy thẻ bài không có tên tuổi và số quân. Lúc trước, tôi có giao hẹn sẽ thưởng hai triệu đồng cho ai tìm được thẻ bài và không phải tìm gì nữa. Có lẽ vì thế nên anh thợ này tính đánh lừa. Vì chưa bao giờ thấy tấm thẻ bài quân đội. Nên mua bậy một tấm thẻ bài trơn tru dùng để cạo gió.

Vợ chồng tôi đưa thêm tiền để mua gần trăm cây cừ đóng chặn đất lở. Nhà tôi đưa ý kiến đóng hình chữ u, nơi phi cơ để bảo toàn thợ không bị tai nạn đất lở. Để mấy người thợ chính tiếp tục tìm kiếm mà không bị chi phối bởi việc đóng cây. Tôi đưa thêm tiền để thuê thêm người làm việc này.

Ngoài ra, tôi cũng đồng ý với trưởng ấp và thợ. Sợ buồng lái không còn nguyên. Lỡ cho nước ngập để kéo lên mà toàn sắt vụn. Phải làm lại từ đầu. Tôi bỏ ý định dùng phương cách thả nước kéo đầu máy. Thấy chưa có gì mà chúng tôi cứ lên xuống hoài như vậy. trưởng ấp nói chúng tôi tạm nghỉ ở nhà, có gì ông sẽ báo tin lên.

Bài số 14
CẦU KHĂN TỬ PHƯƠNG

Ở nhà nhưng không yên tâm. Thứ năm 12-1-2006 chúng tôi đi viếng Chùa Bà Chúa Sứ, chùa Ông ở Châu Đốc để cầu xin. Sáng đi chiều về.

Sáng thứ sáu 13-1. Tôi đi chùa Phổ Quang. Buổi chiều, vợ chồng bạn đưa vợ chồng tôi đi lễ chùa Tàu ở Chợ Lớn để xin xăm. Xin được quẻ xăm ở chùa rồi đem lại nhà ông giải xăm cách đó chục căn. Mới bước vào, thấy “thầy” còn trẻ, trên dưới 30 tuổi, trong lòng tôi xiu xuống. Nghĩ thầm chắc là thầy “dorm”, giải bố láo bố lếu ăn tiền nên tôi xem thường. Mặt mũi lạnh lùng ngồi xuống xem “thầy” giở trò gì.

Ông “thầy” xem quẻ xăm. Hỏi tôi tuổi gì rồi nhắm mắt, vuốt tóc ngược ra đằng sau. Một lúc sau mở mắt ra hỏi tôi muốn xem gì, muốn hỏi gì. Tôi hất hàm trả lời “Thầy thấy gì thì cứ nói”.

“Thầy” chẳng nói chẳng rằng, nhắm mắt lại. Vuốt tóc lần nữa rồi mở mắt ra phán: Tôi đang đi tìm hài cốt em trai vì tai nạn máy bay. Xác nằm ngoài máy bay. Máy bay rớt nằm trong một địa thế hình tam giác. Vả lại số tôi không làm được năm nay, phải chờ sang năm. Năm nay làm là tự đào “mộ” cho chính mình. (nghe xong làm tôi cũng hơi lo). Sớm lểm vào ngày 24-1, đến đó thắp nhang, khăn vái sẽ tìm được.

Lời chỉ bảo của “thầy” này, tôi không dám tuân. Ngày nào, họa may làm theo chớ ngày 24 là ngày tôi đi về. Làm sao nghe theo “thầy” được.

Thầy nói hơi trùng hay tại tôi cố tìm những chi tiết để gán cho là trùng. Tôi không còn có thái độ “chê thầy” nữa mà hỏi thêm chi tiết. “Thầy” tiếp chuyện với chúng tôi hơn cả một tiếng đồng hồ. Còn vui vẻ tặng cho hai CD về kinh Phật nữa. Hỏi “thầy” có thể giúp tìm xác. “Thầy” nói nên tìm “thầy” ở Hà Nội. Tuy nhiên “thầy” cũng giúp vẽ sơ sơ vị trí nơi anh Giang tạm cư ngụ. Nhưng không thể dùng được vì người trần mắt thịt nên nhìn không ra.

“Thầy” cũng nói thêm nên kiêng màu trắng, đen và thay đổi chữ ký. Tôi cũng sợ nên không dám mặc cái gì có màu trắng hoặc đen vì sợ bị “ngủm củ tỏi” bất thành linh. Nhớ lại “thầy” Triết bên Mỹ. Quả quyết nói năm nay tôi sẽ làm được mà sao “thầy” này lại nói sang năm. Thế này là thế nào, biết tin ai bây giờ.

Sáng thứ bảy 14-1. Tôi đi nhà thờ Đức Mẹ Fatima cầu nguyện. Đáng lý còn đi nhà thờ Thánh Giuse và chùa Già Lam nữa nhưng tôi hơi mệt nên không đi. Tôi đi cầu cứu đến các đấng linh thiêng. Bất kể tôn giáo nào để tinh thần đỡ căng thẳng. Để có thêm chút hy vọng trong lúc tuyệt vọng. Buồn, tôi đi xem bói nữa. Có người giới thiệu một “thầy” bê đê. “Thầy” này nói lằng nhằng, lít nhít. Chả ra đầu vào đâu, rõ chán.

Sáng thứ hai 16-1. Không thể chờ đợi được nữa, tôi đi Bến Súc. Trên đường đi, gọi “thầy” Hà Nội cho biết khoảng 10 giờ rưỡi hay 11 giờ tôi sẽ tới nơi. Lúc đó gọi có gì phiền không? Mấy lần trước gọi hoài mà không được. “Thầy” nói không sao, tới nơi đi rồi gọi. Tôi yên chí phen này sẽ gọi được “thầy”. Tới nơi, ba chân bốn cẳng, chạy ra ruộng cho kịp vì sắp 11 giờ rồi. Kéo tới giờ “thầy” ăn trưa. Hồn hển lấy phone ra gọi nhiều lần. Cũng như lần trước, “thầy” không nhắc máy. Không nản chí, gọi về số ở nhà. Có người nhắc máy. Giọng đàn bà chua như dấm nói ngay “ông Liên không có nhà” rồi cúp máy. Làm tôi tẽn tò và hơi nổi sùng trong bụng.

Khi đó, công việc vẫn vậy. Sếp thợ than không biết làm gì nữa vì chỉ bốc lên được sắt và những thứ lật vạt mà thôi. Gần 3 giờ chiều, tôi gọi “thầy” nhiều lần mà máy không có tiếng reo. Có lẽ “thầy” tắt máy vì đang “đi khách”. Vẫn kiên nhẫn tiếp tục gọi. Có tiếng điện thoại reo. Mừng quá, nhưng “thầy” không thềm mở ra nghe mà tắt máy đi.

Tức quá, đã thế “bà” gọi hoài cho bõ ghét. Cuối cùng “thầy” nhắc máy lên và nói liền “chốc nữa gọi lại nhé”. Tôi vội vã nói “xin ông cho tôi vài phút được nói chuyện với ông”. Phen này không còn gọi cậu xưng cháu gì nữa. Tôi nói tiếp “sáng nay tôi đã gọi ông để xin giờ hẹn. Gọi nhiều lần, ông không thềm nghe mà còn tắt máy nữa. Nếu ông không muốn giúp thì thôi. Tôi không làm phiền ông nữa.” Ở đầu máy bên kia, tôi nghe “cái gì thế, cái gì thế, cái gì

thế". Lẳng lẳng tắt máy, rửa thềm "đồ Việt Cộng". Nghĩ lại, ông ta vẫn còn may mắn. Vì tôi là người có "văn hóa", chứ không tôi đã chửi nặng xì trong máy rồi.

Thứ ba 24-1, tôi sẽ về Mỹ. Nên quyết định như thế nào đây? Đi hỏi giấy phép còn hiệu lực tới sang năm không? Nếu còn thì khoan lắp đất lại. Tôi sẽ tìm cách trở lại tiếp tục công việc còn dở dang? "Bỏ thì thương, vương thì tội". Tôi chưa muốn bỏ cuộc nhưng cũng không thể quyết định được mà chỉ biết khóc thềm. Tết sắp đến, nhớ nhà, nhớ con, nhớ cháu, nhớ người thân. Buồn rầu và mệt mỏi. Đi mãi như thế này. Có khi chưa tìm được xác mà tôi đi theo anh luôn. Tôi thềm nghĩ vớ vẩn. Tuy nhiên, tôi vẫn dò hỏi ý kiến, anh chị Hà cho biết công trình làm tới đó mà bỏ đi thì uổng. Có gì chồng tôi nên ở lại. Nhà tôi cho rằng khoan đổi vé vì ông chưa quyết định ở lại hay không. Còn một tuần nữa. Còn nước còn tát. Cứ để thợ tiếp tục cho đến gần ngày đó xem sao.

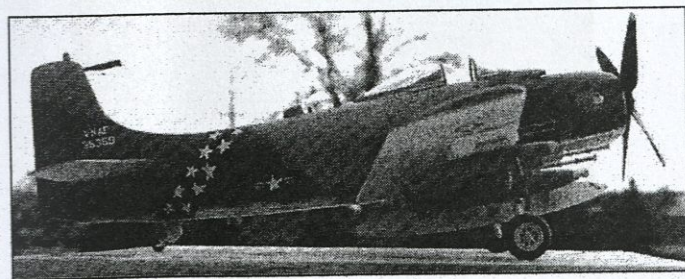
Thứ tư 18-1. Trở lại Bến Súc, tình trạng vẫn không có gì khả quan. Trưởng Ấp và thợ nói đùa anh Giang có công "dĩ" Việt Cộng. Anh chắc có bà nào dưới đó rồi nên không chịu lên. Tôi thềm khẩn anh làm ơn lên dùm. Nếu hố này lấp lại, sẽ không bao giờ đào trở lại nữa. Nếu anh giận vì tôi không cho em anh biết. Khi bốc được anh, mai táng xong tôi sẽ báo.

Thợ khai quật gồm hai gia đình. Xếp Phường muốn bỏ cuộc, xếp Tiến của nhóm kia không bỏ. Tôi tuyên bố không bỏ cuộc. Bao nhiêu tôi cũng theo và

sẽ dòi ngày về lần nữa nếu cần. Trưởng ấp mang hợp đồng ông ký kết với hai nhóm thợ. Nêu ra thợ chưa làm đúng theo hợp đồng. Sếp Tiến cho biết hiện thời có một miếng sắt lớn. Không lấy lên được và đang đi tìm một "ba lan" để kéo lên.

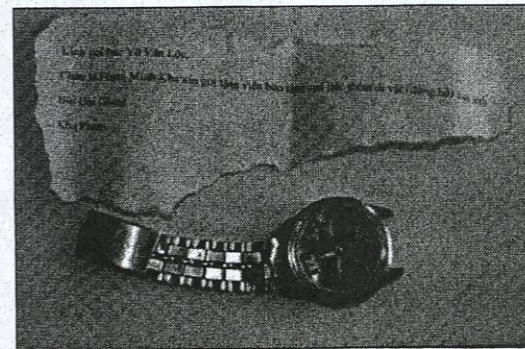
Thấy tôi rầu rĩ, trưởng ấp đề nghị, nếu tôi đồng ý, ông sẽ hỏi dùm vì nghe nói đã có người thành công trong việc tìm hài cốt qua điện thoại với một ông ở Hà Nội! Tôi cảm ơn và cho ông biết chuyện đã xảy ra với ông thầy. Trước khi về, nói mai sẽ lên nữa. Tôi muốn biết cái "ba lan" là cái gì và sử dụng như thế nào.

Tối đến, trưởng ấp gọi lại cho biết 2 sếp thợ xô xát vì bất đồng ý kiến. Ngày mai vợ chồng tôi khoan lên, vì chưa chắc tìm được cái "ba lan". Khi nào có, sẽ gọi lên. Ý tôi vẫn muốn lên nhưng nhà tôi cản. Đúng là bị "kỳ đà cản mũi".



Bài số 15
CÓ XƯƠNG RỒI

Thứ năm 19-1, sau khi đi ăn sáng về, nhà tôi đi tìm mua sách cũ, tôi về nhà dưỡng sức để chờ tin từ Bến Súc. Khoảng 10 giờ, sếp Tiến gọi lên báo tin tìm thấy xương, sau khi nghe xong tôi mừng rỡ nói vọng xuống lầu, nơi nhà bếp: “Chị Lý ơi, có xương rồi”, chị hỏi vọng lên “xương gì ?” Vì lúc đó chị đang nói với nhà bếp mua xương về nấu súp. Tôi vội vã kêu nhà tôi về, kêu em tôi và gọi thuê xe, tất cả 4 người chúng tôi không chậm trễ đi ngay. Khoảng 12 giờ trưa thì chúng tôi tới, trưởng ấp đang đợi ở nhà. Mọi người ăn vội lót lòng thức ăn đem theo từ Sài Gòn, còn tôi thì bộp chộp, đứng ngồi không yên mà chỉ muốn ra ruộng ngay nên không có lòng dạ nào ăn được.



Khi chúng tôi ra nơi phi cơ rớt, công an xã và nhiều dân làng nghe tin, đã đứng đầy ngoài đó rồi. Tôi thấy thợ Thái, em của sếp Tiến, tôi mừng rỡ ôm anh cảm ơn dù lúc đó người anh đầy sinh, 3 người

thợ khác đang vui vẻ, cười nói, họ đã thành công. Thái đưa tôi sợi dây chuyền còn mặt với chữ C và G lồng vào nhau là tên chị Châu anh Giang, rồi đưa chúng tôi xem những vật tìm được. Phần dây lưng có bao súng, ví và giấy tờ còn đọc được rõ vì có bọc nylon, một tờ giấy tuy không đọc được chữ nhưng có hình mờ nhưng tôi vẫn nhận ra mái tóc bồng của anh. Ngoài ra còn có dao găm, những thứ lặt vặt của "survival kit", đạn súng rouleau (không thấy súng), dù, phao (raft), áo phao, súng bắn hỏa châu, ống bơm hơi và một túi nylon đựng xương. Các thợ kể lại, ông Long, công an ấp tìm mượn được "ba lan" (lúc đó tôi còn được biết tên khác là cái ròng rọc) nên mới kéo được tấm sắt, sườn buồng lái lên thì họ thấy cái ghế, họ lấy được xương từ cổ tới xương hông, ví và dây chuyền nằm gọn trên lưng ghế, sau đó họ mò tìm thì chỉ thấy các vật dụng cá nhân chứ chưa thấy xương sọ, xương ống và tấm thẻ bài. Tôi nói họ làm ơn tìm xương sọ dùm chứ tôi không thể chôn anh không đầu được. Thế là ba người thợ trở lại "black hole" để tìm thêm. Theo thợ ra chỗ anh Giang yên nghỉ bất đắc dĩ, thấy ông Long đội nón công an đang ngồi gần đó. Tôi nói "Tôi không ưa Việt Cộng nhưng hôm nay ngoại lệ, vì từ trước tới giờ tôi không bao giờ chụp bất cứ hình ảnh nào có cờ đỏ sao vàng hay cái gì dính dáng đến nhà nước, nay tôi cảm ơn ông đã giúp mượn được cái ròng rọc này và nhờ đó mà tìm thấy anh tôi, tôi chụp hình ông với cái nón có ngôi sao". Chả cần biết ông ta có đồng ý

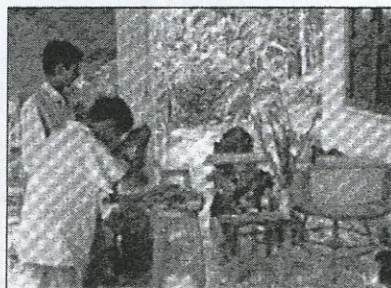
không, tôi bấm vài tấm luôn một lèo. Chắc có âm binh phù hộ hay tại mặt mũi tôi cô hồn quá hay tại thương hại nên không thấy ông công an này mời tôi đi "cải tạo" cho biết sự đời, đúng là tôi "chưa thấy quan tài nên chưa đổ lệ" (mới thấy cái quách thôi.)

Họ phải dùng ròng rọc kéo thêm vài miếng sắt lên rồi mò mẫm trong sinh, tìm được nón đã bị vỡ, móp méo, còn lủng lảng ống nghe, một mảnh nón vỡ hình tam giác, to bằng bàn tay còn dính một khúc dán có chữ BU (họ của anh Giang là Bùi, mất chữ i, có thể tên và tên đệm mất luôn). Thấy lấy được nón, mọi người rất mừng rỡ, reo hò vì thấy nón là sẽ thấy xương sọ, quả nhiên từ từ họ tìm được nhiều miếng mảnh sọ đã vỡ ra nhiều mảnh nhỏ. Tôi đứng sát ngay đó, trên những cây cừ ở miệng hố, chứng kiến và chụp được rất nhiều hình ảnh, có lẽ mừng quá khi tìm ra sọ, làm như đã hài lòng với kết quả, chúng tôi hớn hờ mang tất cả những thứ lấy lên được đem về nhà ông trưởng ấp để bàn chuyện ma chay. Lúc đó vào khoảng 3 giờ hơn.

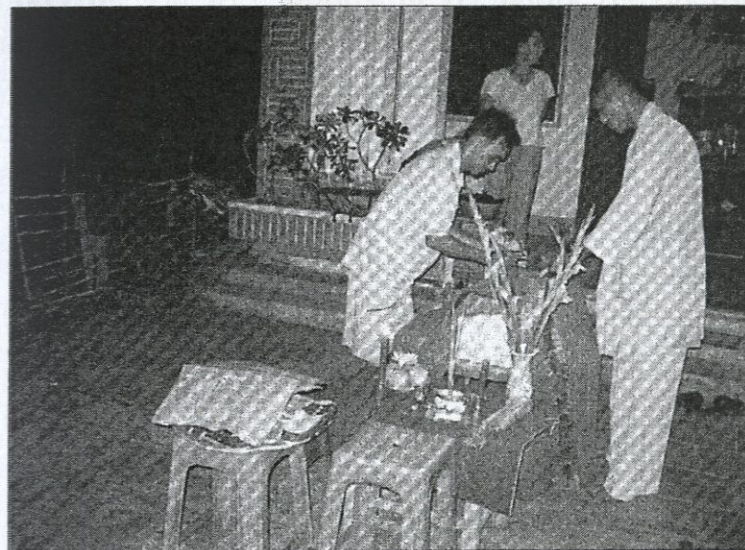
Về tới nhà trưởng ấp, tôi gọi 4 người thợ có mặt để cảm ơn và thưởng công cho mỗi người, họ rất vui vẻ. Vì có đụng chạm ngày hôm trước nên sếp Phường không cho hai con ra làm việc, hai người mà ngày nào tôi cũng thấy có mặt. Tôi nhờ người gọi vào để thưởng luôn. Thực sự tôi rất vụng về gần như về đủ mọi lãnh vực, tôi không biết làm gì ngoài đi tới đi lui để chụp hình và chi tiền, nên những người khác lo dùm tôi. trưởng ấp nhờ người đi mua cái quách, chị

Lý nhờ cháu trưởng ấp chở ra chợ mua những thứ cần thiết cho việc tắm liệm, em tôi bày trái cây, cho hoa vào lọ. Nhà trưởng ấp ồn như cái chợ, đầy người, nhà tôi nhờ người mua bia nhậu mừng, trong khi đó, người nhà ông trưởng ấp rửa xương với rượu trắng. Trong nhà, dây lưng da, giấy tờ đã được chị Lý bày ra sàn nhà cho mau khô.

Nhìn xương của anh mà tôi ngậm ngùi rơi nước mắt, anh chết với tư thế khổ sở gần 40 năm, nằm dưới bùn sinh. Xương cổ, xương sống, xương sườn và xương hông không dính liền nguyên vẹn đáng người như trong phim ảnh Hollywood. Cả thân xác nằm một đồng trên ghế. Khi tìm thấy xương thành màu nâu đỏ chứ không phải màu trắng ngà. Tôi nghĩ thầm có thể anh chết ngay khi phi cơ cắm đầu xuống ruộng. Như thế cũng tốt, còn hơn chết từ từ, đau đớn hơn và tuy xương không đầy đủ nhưng tìm được chùng ấy cũng là may và tôi rất mừng là tìm được anh.



Bài số 16 LẮM THẦY NHIỀU MA



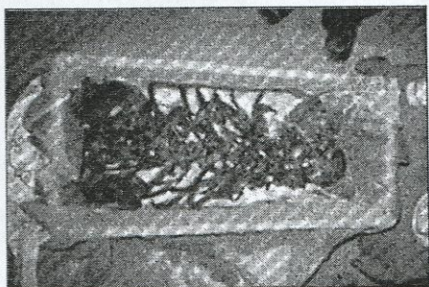
Trời sụp tối, chị Lý về với nhang đèn, vàng mã, tiền âm phủ và khúc vải đỏ. Chị cho biết, cả chợ Bến Súc chỉ có một khúc vải đỏ duy nhất mà thôi. Khúc vải áo dài cô dâu có chữ Song Hỷ. Vì không có chọn lựa nào khác nên chị phải mua. Đối với tôi, hôm nay là ngày vui. Khúc vải đỏ rất hợp và trông đẹp mắt lắm.

Theo lễ nghi Phật giáo, chúng tôi mời thầy cúng tới. Chúng tôi chỉ cần có người tụng kinh Phật cho đúng thủ tục mà thôi. Còn hơn nhờ sư quốc doanh.

Có lẽ chị Lý đã gọi thầy nào xem ngày giờ rồi. Chị nói nên chôn luôn trong ngày cho tốt.

Mọi khi tôi thường nghe theo sự cố vấn của chị. Không biết lúc đó trong lòng áy náy, không yên sao đó. Tôi không đồng ý. Nại cố phải hỏi ý kiến chủ nhà. Xem họ có kiêng cử gì không. Chị hỏi vợ chồng trưởng ấp. Họ trả lời chúng tôi muốn chôn lúc nào cũng được. Họ không thắc mắc. Tôi vẫn chưa chịu và hỏi nhà tôi. Ông chưa muốn cho chôn ngay vì còn thiếu xương tay, chân. Ông muốn thợ tìm thêm vào ngày mai.

Người xưa có nói “Lắm thầy nhiều ma” thật đúng. Người không ý kiến, người muốn chôn trong ngày, người muốn tìm xương thêm nên cứ um xùm cả lên. Bà trưởng ấp có ý kiến gieo quẻ bằng 2 đồng tiền để khẩn anh Giang. Ai gieo, đồng tiền cũng văng ra ngoài. Cuối cùng, xếp Tiến nói để anh xin vì anh là người đào. Anh lại là người gieo được nên ngày mai sẽ mò tiếp. Nghĩ cũng buồn cười, nếu chúng tôi muốn tìm nữa, cứ nhờ thợ. Có gì mà phải bàn ra tán vào. Gieo quẻ với chẳng gieo quẻ. Chúng tôi lẩm cẩm hết sức.



8 giờ tối, đến giờ liệm. Thầy cúng và một người cháu của ông trưởng ấp bắt đầu đốt nến, nhang. Họ trải vải song hỷ vào quách trước. Trải một lớp dày giấy vàng, bạc. Xếp xương theo đúng dạng hình hài con người. Thầy tụng kinh cầu siêu. Tôi ra trước quách khẩn xin anh phù hộ cho gia đình con trai anh.

Khi nhang tàn, thầy cúng đập nắp tạm lại. Dặn vợ trưởng ấp làm ba mâm cơm cúng cho ngày mai. Tôi gởi tiền nhờ bà làm giúp rồi ra về.

Từ nhà trưởng ấp ra đường cái là chỗ đậu xe chỉ khoảng 30m thôi. Chúng tôi mò mẫm đi ra vì tối thui, không đèn đóm gì cả. May cô em tôi có mang theo một đèn pin nhỏ xíu rọi đường nên cũng đỡ. Cả ngày chỉ có ăn sáng thôi nên bây giờ cảm thấy đói kinh khủng. Hơn 10 giờ tối mới về tới Sài Gòn. Đi thẳng tới nhà hàng mà tôi không nhớ tên. Thức ăn vừa Tây vừa Ý vừa VN, mọi người đều mệt mỏi nhưng vui vẻ, ăn uống ngon lành.



Bài số 17
ĐỒNG HỒ CỦA PHI CÔNG



Sáng thứ sáu 20-1-2007, xếp Tiến gọi điện thoại cho biết đã tìm được thêm xương. Răng hàm trên và xương ống nhưng còn thiếu một ống.

Chúng tôi, bốn người thông thả trở lại Bến Súc. Chị Lý đã nhanh nhẹn xem thầy qua điện thoại. Cho biết phải chôn lúc 3 giờ chiều. Mộ đào không quá một mét. Tuy rất dị đoan nhưng tôi không tin vụ này lắm. Thầy không biết ngày sinh, tháng đẻ của con anh Giang. Làm theo thầy sẽ tốt cái gì đây. Nhưng thấy chuyện không có tai hại gì tôi làm theo để khỏi phụ lòng tốt của chị.

Nhà trưởng ấp đã đầy người. Tôi thấy ba bàn lớn đầy thức ăn, trông rất xôm tụ. Lúc này tôi mới hiểu. Ba mâm là ba bàn lớn, mỗi bàn 10 người. Chứ không

phải mâm tròn bằng nhôm, lớn cỡ một vòng tay.
Nghĩ lại thấy tôi quê quá.



Thợ cũng ở trong đám đông. Anh Thái đưa cho tôi cái đồng hồ mới tìm thấy. Đồng hồ đã bị vỡ mặt kính. Kim còn chỉ 12 giờ kém 16 phút. “Cửa sổ” có chữ SUN 3. Người thấy số 3, người thấy chữ SUN. Tôi không thấy rõ chữ hay số gì hết. Dù sao đi nữa, anh Giang mất ngày Chủ Nhật, mùng 3 tháng 7.

Cầm đồng hồ, tôi nức nở khóc. Giờ này, ngày này anh nằm sâu trong bùn sinh. 39 năm 6 tháng sau mới biết chính xác anh ở đâu và ngày giờ anh mất. Họ cũng chỉ cho chúng tôi chiếc giày. Khi lấy lên còn nguyên vớ. Bên trong còn đầy đủ xương bàn chân.

Trong khi đó, xương mới lấy hồi sáng, đã được rửa sạch. Thầy cúng cho vào quách. Sắp một lớp vàng mã lên rồi dán keo. Đậy nắp lại. Chị Lý và em tôi lo cắm hoa, bày trái cây.

Thức ăn, bia, thuốc lá, rượu, quần áo, mũ giày, vàng bạc và đồ la âm phủ đặt lên bàn, trước quách. Trên quách có hình anh Giang lấy từ website VNAF do tiệm rửa hình ở đường Nguyễn Huệ. Cũng may, website này còn mở được ở Sài Gòn. Tôi thấy người trong tiệm tiếp tục xem website này, sau khi đã rửa hình cho tôi.

Tôi phải rửa thêm hình anh Giang để cho trưởng ấp và thợ. Họ muốn có hình anh để kỷ niệm. Hình tôi mang về từ bên Mỹ đã bị anh công an ở xã giữ lại trong xấp hồ sơ. Mọi người trong gia đình ông trưởng ấp và những người hàng xóm nói chung giúp chúng tôi rất nhiều việc không tên.

Bà Nga đang làm việc cũng bỏ ít thời giờ tới thắp hương. Khấn trước quách anh Giang. Nói những lời phân ưu làm tôi không cầm được nước mắt. Trước mắt tôi, bà không còn là người cộng sản. Mà là người dân thường mộc mạc, đầy tình người với những lời phân ưu, an ủi chân thành. Tôi rất cảm động mà quên băng đi cơn “dị ứng” cộng sản thường trực của tôi.

Lần lượt, vợ chồng trưởng ấp, thợ, tài xế, hàng xóm đến trước quách anh Giang đốt nhang, vàng mã và khấn vái, cầu xin. Cuối cùng là chúng tôi. Sau đó thầy cúng tụng kinh. Em tôi thay cháu, quì trước quách để dâng đồ cúng. Nhà tôi quay phim, còn tôi làm phó nhòm.

Cúng kiến xong, mọi người nhập tiệc. Nhà tôi và chị Lý “hy sinh vì chính nghĩa” vào bàn ăn với phe địch. Tiếp chuyện với gia chủ và khách.



Em tôi ăn thức ăn mang theo. Tôi rút lui vào phòng trong lấy cờ không đói. Bà con kêu ra ngoài dùng cơm nhưng tôi không ra. Quả thật lúc đó tôi không thấy đói. Tôi cũng sợ bụng yếu, hay bị “Tào Tháo đuổi”. Nhà ông trưởng ấp chỉ có nhà cầu cá tra thôi. Tuy chưa thấy cái nhà cầu này, chỉ nghe qua nhà tôi kể lại cũng đủ sợ rồi. Sợ lạng quạng mà lỡ lợt xuống ao. Bất đắc dĩ chơi với cá tra thì khổ thân.



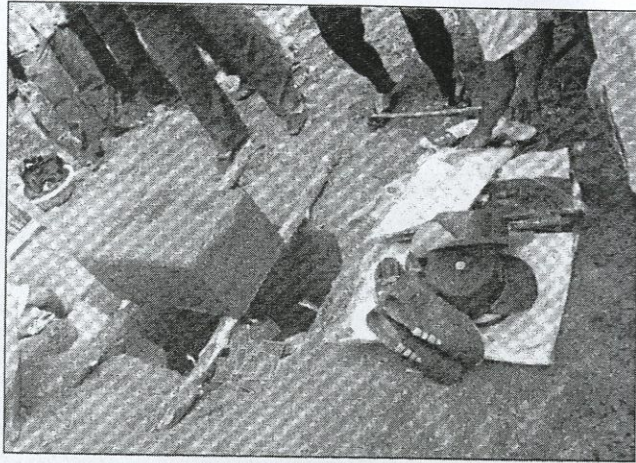
Bài số 18 LỄ AN TÁNG 40 NĂM SAU



Tới giờ “hoàng đạo”. Bà Nga phải về đi làm. Những người còn lại, sửa soạn cho việc chôn cất.

Quách được bọc gọn gàng thêm một lớp giấy đỏ bên ngoài. Theo sau ông thầy cúng, anh tài xế bưng mâm có hình anh Giang, bát nhang và trái cây. Bốn anh thợ khiêng cái quách. Tiếp theo, người bưng mâm vàng mã, áo quần và đồ cúng.

Vợ chồng tôi, chạy tới chạy lui quay phim và chụp hình. Tính ra đám tang anh Giang có trên dưới 30 người đi đưa. Tôi mừng thầm cho anh. Cuối cùng anh cũng có được một đám tang đầy đủ lễ nghi Phật giáo.



Trừ hai chị em tôi ra, còn lại toàn người xa lạ. Không hề quen biết anh Giang cũng có mặt để tiễn đưa. Cảm xúc trước tình cảnh này tôi chợt vô ý vui vẻ nói “Buồn cười lắm ma anh Giang toàn Việt Cộng đi đưa không à.”

Cũng may, không có tên Việt Cộng ác ôn nào trong này. Nếu không tôi sẽ “được mời lên làm việc” hoặc đi “học tập” cho biết với người ta. Tôi thì rất nhát gan. Cái gì cũng sợ. Sợ ma. Sợ bóng sợ gió. Sợ ở tù cộng sản. Nhưng lại hay nói lung tung. Nhà tôi nhiều phen “hãi” lắm.

Mảnh nón vỡ và chiếc giày được chôn chung với anh Giang. Cúng vái, đốt vàng mã. Hạ huyết xong. Theo lời thầy cúng và người dân trong ấp chúng tôi theo thầy cúng trở lại cái hố để làm lễ trực hồn anh Giang lên. Sau đó trở lại huyết cúng một lần nữa rồi mới về nhà ông trưởng ấp.

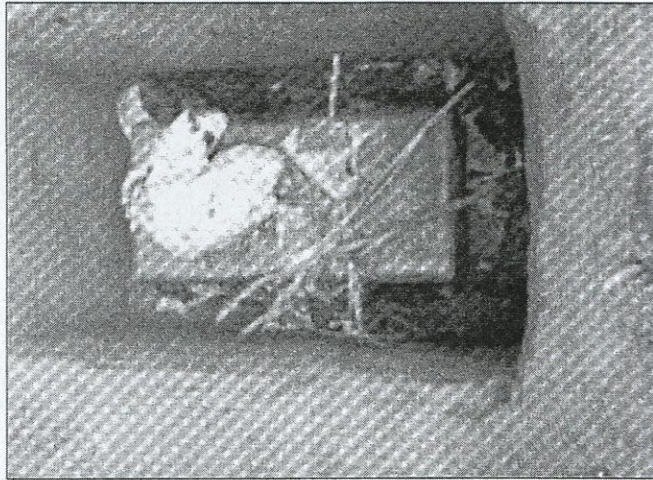
Nhà ông trưởng ấp vẫn còn đông người. Đang um xùm về tiền bạc vì thợ đòi tiền công. Trưởng ấp không muốn đưa nhiều. Sợ thợ bỏ dở công việc, không chịu lấp đất lại. Ngược lại, thợ sợ trưởng ấp không trả tiền sau khi hoàn tất công việc. Cuối cùng họ làm bản hợp đồng khác trước khi chúng tôi ra về.



Thứ bảy 21-1-2007 chúng tôi sửa soạn cho ngày về sắp đến. Khi biết tôi sẽ trở lại Bến Súc để viếng mộ anh Giang lần cuối. Nhà tôi nói gọi lại xếp Tiến để tìm thêm xương ống còn thiếu .

Ông nhà tôi bị dầm vào chân hai lần. Một lần tại cái hố, lúc cúng trực hồn, một lần trước khi về. Ông tin dị đoan. Nghĩ rằng anh Giang báo cho biết muốn có đầy đủ xương. Tôi gọi xếp Tiến cho biết chủ nhật sẽ trở lại. Nhờ xếp tìm thêm khúc xương ống còn thiếu. Bằng lòng trả công theo xếp ra giá. Đến buổi trưa, thân sinh của xếp gọi lại. Cho biết đã tìm ra khúc xương ống và thêm hàm trên nữa.

Tôi nhờ em tôi mua trà để cho vào quách mà hôm trước làm thiếu sót. Trái cây và hoa để ngày mai đi. Tôi ghé chợ Bến Thành mua giấy đỏ và vàng mã. Xui cho tôi, hôm đó là ngày đưa ông Táo về Trời. Chợ rất đông. Bên trong chợ đã bít bùng, chật chội. Lối đi nhỏ mà người đông. Chen chúc ở dãy vàng mã. Chờ đợi tới phiên mình mà lại nóng nực. Khó thở quá nên tôi bỏ về. Tôi đành gọi bà trưởng ấp nhờ mua trên đó. Nhờ bà tìm người sẵn sàng để lo phần đào mộ lên.

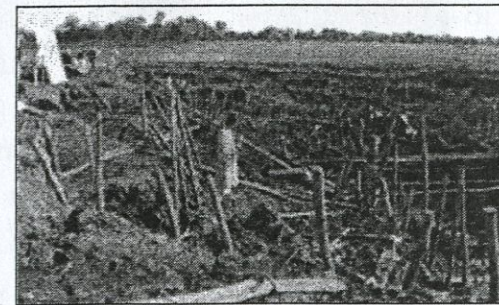


Buổi tối, chị Lý ra ý kiến hỏi cô “thầy” xem đào mộ lên có xui không. Chúng tôi ba người. Gồm chị Lý, em tôi và tôi kêu taxi đến nhà cô “thầy”. Tới nơi đã hơn 10 giờ tối. Cô “thầy” sứt sứt đang bệnh. Lấy bài ra bói cho tôi. “Thầy” phán được. Không sao nhưng tốt hơn, nên chôn chỗ khác. Tôi nói đổi sao được. Trưởng ấp cho chỗ nào, chôn chỗ đó. Đâu thể đòi hỏi được và biết chỗ nào mà xin.

“Thầy” nói cứ nhìn quanh. Chỗ nào, mình (người âm ứng vào) ưng ý thì được. Tôi không quan tâm lắm vì nghĩ điều này khó có thể thực hiện được. Chỉ cầu mong nơi chôn được tốt cho con cháu anh Giang là mừng rồi.

Chủ nhật 22-1. Chúng tôi thuê xe lên Bến Súc. Trước khi tới nhà trưởng ấp phải đi bộ, qua nghĩa địa gia đình. Tôi ngừng lại. Ngắm nghĩa chung quanh mộ anh Giang. Thử xem có “thích” chỗ nào khác không. Ngắm tới ngắm lui. Không cảm thấy “thích” chỗ nào cả. Nghĩa địa thì làm sao thích được. Thế là anh sẽ nằm yên đây. Mặc dù tôi có linh cảm đây chỉ là “cõi tạm” của anh mà thôi.

Đến nhà trưởng ấp. Mọi người bắt tay vào làm việc ngay. Bày biện hoa quả, sắp xếp mâm cúng. Xếp Tiến xách túi nylon đựng xương tới. Khi mọi việc sẵn sàng. Chúng tôi và cỡ 20 người trong ấp đi ra mộ. Lần này không có thầy cúng vì thầy mắc bận. Con và cháu trưởng ấp giúp đào đất, cật nấp ra. Nhà tôi giúp để xương vào đúng vị trí “cách trí” của anh Giang.



Khăn liệm Song Hỷ có lẽ ứng nghiệm với số của anh Giang. Cái gì cũng phải làm hai lần. Chết hai lần. Lần thứ nhất, khi phi cơ rơi. Lần thứ hai, theo lời ông trưởng ấp kể lại, sau vài ngày không lấy được xác, Không Quân dội bom để phá hủy nhưng không trúng. Chôn hai lần. Chôn hôm trước thiếu xương, hôm nay phải đào lên và cạy mở nắp để cho thêm vào.

Sau khi cúng vái, đốt vàng mã, chúng tôi trở lại nhà trưởng ấp để bàn việc xây mộ. Hình ảnh và lời khắc trên mộ bia. Tiền bạc tôi giao cho trưởng ấp nhờ ông lo dùm.

Có mộ anh Giang ở đây. Vợ chồng ông trưởng ấp mong chúng tôi trở lại trong một ngày gần đây. Tôi trả lời sớm lắm cũng phải 3 hay 4 năm sau mới qua được. Thực sự, trong lòng tôi không nghĩ có ngày trở lại. Tôi chỉ về VN để làm công việc này mà nay đã hoàn tất. Anh Giang có mồ yên mả đẹp rồi (đến tiết Thanh Minh mới xây). Tôi không có lý do và hứng thú gì trở lại.

Lại chuyện trò, từ giã. Từ giã bao nhiêu bận chúng tôi mới lên xe ra về được.



Bài số 19

HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ

Trưa thứ ba 24-1. Chúng tôi ra phi trường về Mỹ. Khoái chí vì không tốn tiền “bồi dưỡng” cho vụ xin giấy phép. Hôm về lại bị làm tiền trắng trợn. Có vài bộ phim Tàu và anh Hà gửi CDs, bọn Hải Quan ra giá 40 đô, bằng không nó lập biên bản. Phải đóng phạt 300 đô. Tôi riu riu móc tiền ra nộp. Đúng là bọn “ăn cướp giữa ban ngày”.

Chuyến đi thành công mỹ mãn. Sau khi về Mỹ, tôi gửi thư cảm ơn và hình ảnh đến người Mỹ, người đã gửi cho em tôi tấm bản đồ. Những dữ kiện mà nhờ đó, tôi có quyết định đi tìm anh Giang.

Chúng tôi được anh Hà, chị Lý giúp đỡ rất nhiều, về tinh thần lẫn thể xác. Nhà tôi lên 10 lbs, tôi hạn chế, chỉ cho lên 4 lbs thôi. Không kể chúng tôi ăn dầm ở dề rông rã đến hai tháng trời.

Tôi cũng nhờ nhà tôi nữa. Dù mặt nhăn nhó đến cỡ nào cũng đi hộ tống tôi. Công an Long có vẻ hạp, thích nhậu với nhà tôi. Có lẽ nhờ đó, ông ta tìm mượn dùm cái rông rọc nên mới xong chuyện.

Ngoài ra còn sự may mắn nữa. Tôi gặp được những người tuy làm việc dưới chế độ cộng sản nhưng vẫn còn tình người, giúp đỡ việc xin giấy phép được nhanh chóng. Gia đình ông trưởng ấp đã giúp chúng tôi rất nhiều. Không có trưởng ấp, có lẽ tôi gặp nhiều khó khăn hơn. Những người thợ, cố gắng

giúp tôi đạt được kết quả. Mặc dù đôi lần không dấu được sự chán nản và muốn bỏ cuộc.

Cám ơn cô em gái. Giúp đứng tên làm giấy tờ. Có mặt vào những ngày ở Bến Súc khi tìm ra hài cốt anh Giang.

Cuối cùng là “thầy” Triết. Lời tiên đoán chắc như đinh đóng cột đã giúp tôi, giữ vững tinh thần trong những lúc xuống rất thấp gần như tuyệt vọng. Nhà tôi rầu lăm, cứ trách “thầy” hại bạn.

Suy đi nghĩ lại. Tôi phân vân, không biết quyết định chôn anh Giang là đúng hay sai. Tuy chôn cất anh Giang rồi. Tôi vẫn thấy trong lòng hình như chưa yên. Còn cảm thấy nao nao làm sao ấy.



Bài số 20 CHA CON HỘI NGỘ



Về đến phi trường Los Angeles. Hoảng hốt vì mất thùng đựng những kỷ vật của anh Giang. Nộp đơn khiếu nại. Được biết thùng bị giữ tại Hongkong khi quá cảnh. Họ X-ray thấy vật gì trông giống như “cylinders”. Chúng tôi biết ngay đó là cái áo phao. Còn toòng teng hai ống, gọi là gì tôi cũng không biết.



Tôi viết thư cho nhà chức trách Hongkong. Họ được phép mở thùng ra để khám xét. Trong thư ghi rõ tất cả. Nguyên nhân và lý do những vật dụng nhà binh này được đem về Mỹ. Vài ngày sau, thùng được gửi về tới tận nhà với đầy đủ kỷ vật.

Sau khi biết sự thành công tìm xác cha, cháu Hải, con anh Giang đến nhà gặp tôi. Kể cho Hải nghe những gì xảy ra trong hai tháng trời tìm kiếm. Cho xem gần 500 tấm hình, video. Những di vật như dây chuyền, đồng hồ v.v.. Vừa kể vừa khóc. Cháu vừa

nghe vừa khóc. Trước đây cháu cho rằng tôi đã làm chuyện viễn vông, không thực tế.

Sau đó tôi nói rất nhiều về bố cháu. Dù tôi đã từng nói cho cháu nghe khi cháu còn bé cho đến khi lớn. Cháu cảm ơn tôi đã đi tìm và chôn cất bố cháu tươm tất. Con buồn giận cũng nguôi ngoai. Tôi cho cháu muốn lấy bất cứ kỷ vật nào để làm kỷ niệm về người cha quá cố.

Ngày hôm sau, trong sớ làm nhận được thư của Hải với tấm hình bán thân của anh Giang. Mừng rỡ, vì hình này sẽ gửi về VN để in trên mộ bia. Được biết thư này gửi đến tôi lúc gần 1 giờ sáng. Cháu Hải cho biết sau khi ở nhà tôi về. Cháu suy nghĩ rất nhiều về người bố mà cháu chưa bao giờ biết mặt. Nay nhìn con trai nhỏ mà cháu thương yêu nên chạnh lòng nhớ và khóc thương người cha vắng số. Bùi Đại Giang không có may mắn nhìn được con và cháu trưởng thành. Trần trọc không ngủ được. Cháu giờ xem vài tấm hình của bố cháu rồi lấy gửi cho tôi. Thấy cháu thay đổi, tôi rất mừng.

Một hôm cháu đến nhà chơi. Ngỏ ý muốn về Việt Nam với vợ chồng tôi. Viếng mộ bố cháu vào tháng 7. Kỷ niệm 40 năm.

Chuyến đi chỉ trong vòng 2 tuần lễ. Thời gian tuy eo hẹp và với cơn bệnh đầy "dị ứng" vẫn còn, tôi vẫn ráng xếp đặt ngày đi viếng mộ và ngày dẫn Hải gặp bà con bên nội Việt Cộng ở Gò Vấp và Nha Trang.

Ngày mùng 3 tháng 7 năm 2007 chúng tôi đi Bến Súc với anh chị Hà, cô em gái tôi. Dĩ nhiên có bà Nương. Bà ta còn “vô tư” mang theo con trai và hai đứa cháu mà không cho biết trước.

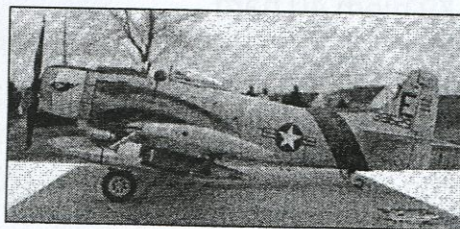
Vừa tới nơi, trời đổ mưa nên khí hậu rất mát mẻ. Hải xúc động và đã khóc ròng khi nhìn thấy mộ bố mới xây xong vào dịp Tiết Thanh Minh.

Sau khi mộ xây xong, miệng truyền miệng, dân làng gần xa kéo lại xem rất đông. Họ đồn đó là ngôi mộ đẹp nhất xã. Cũng để chiêm ngưỡng dung nhan đẹp trai của “anh phi công Sài Gòn”.

Sau khi cúng vái xong. Chúng tôi ra trở lại chỗ ruộng nơi phi cơ rớt. Cái hố đào bây giờ giống như cái ao. Nước trong kỳ lạ chứ không bẩn váng dầu máy và đục ngầu như lúc trước.

Hôm đó, nhà ông trưởng ấp cũng có giỗ ba của ông. Nhà đông khách khứa. Ông cũng làm một mâm cúng anh Giang.

Vợ chồng ông và dân làng rất ngạc nhiên khi thấy chúng tôi về. Có thêm con trai “anh phi công” nữa. Tay bắt mặt mừng. Nói chuyện huyền thuyên.



Tôi mang về cho gia đình trưởng ấp và dân làng một thùng lớn đầy quần áo mới của người lớn và trẻ em, xin được ở sở làm. Ngoài ra còn có đồ chơi nữa. Mọi người, già trẻ, lớn bé đều vui.

Chúng tôi ở lại dùng cơm trưa, mâm cơm ông bà trưởng ấp cúng anh Giang. Riêng tôi, thủ ổ bánh mì cho chắc ăn. Kiếp trước, chắc tôi phò Lưu Bị nên kiếp này, mỗi khi về VN, dù kỹ lưỡng thế nào cũng bị Tào Tháo “dĩ” chạy có cờ. Trước khi ra về, ghé lại nhà công an Long, nhậu lai rai cả giờ đồng hồ. Sau lại có một màn bịn rịn mới dứt ra về được.

Từ ngày biết nơi phi cơ rớt. Biết anh Giang được chôn cất. Không tìm kiếm cũng không thăm mộ. Có lẽ quen thói làm cha làm mẹ nhân dân nên cô Nương của cháu rất “vô tư”. Cứ muốn đem bố cháu về Hải Phòng chôn. Nhưng cháu Hải dứt khoát muốn bố Giang của cháu an nghỉ tại miền Nam, vì bố cháu

thuộc Quân Lực VNCH. “A freedom fighter”. Ngoài ra, cháu vẫn gọi thành phố này là Sài Gòn, nơi cháu ra đời và xa rời lúc 6 tuổi. Dù bên nội cháu nhiều lần nhắc nhở thành phố đã đổi tên.

Lần đầu tiên, gặp bà Nương vào năm 2004 tôi rất cả tin. Nghe lời ngọt như mía lùi của bà mà tin như sấm tất cả những gì bà nói. Năm nay nhờ chuyến đi Nha Trang cùng với bà, tiếp xúc nhiều nên không tin những gì bà nói nữa. Tôi khám phá bà ta xảo quá. Vì nói xảo nên đâu nhớ những gì bà ta nói cách đây hơn một năm. Bao nhiêu thiện cảm “quên đi quá khứ, hướng về tương lai” đối với bà, “người bên kia cầu”, không còn nữa.

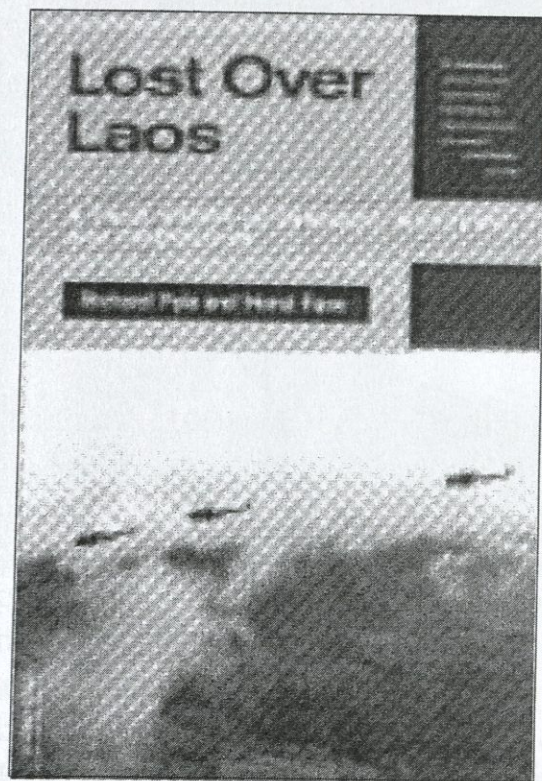
Khi về Mỹ, không mua gì cả nên không bị “ăn cướp giữa ban ngày”. Tôi rất mãn nguyện. Việc làm như “Mission Impossible” mà lại trở thành “Mission Accomplished”. Hơn nữa, nhờ việc này thành công mà một người chết 40 năm sau mới được đưa con trai duy nhất tìm về thăm thì còn gì vui hơn.

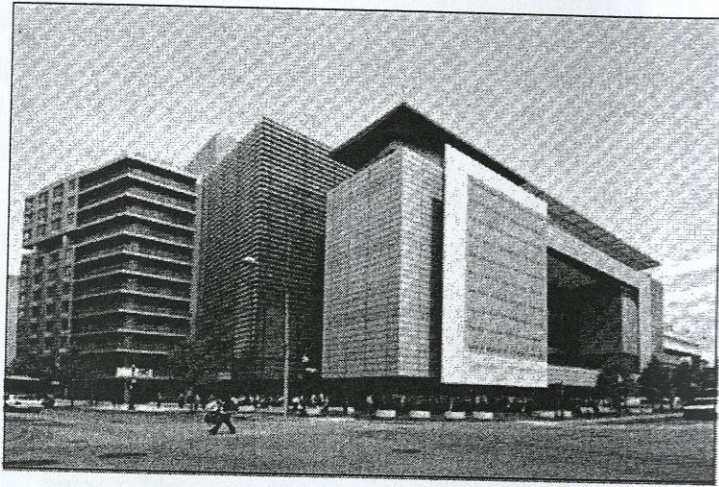
Tôi cũng rất hãnh diện về việc làm của mình. Dù có nhiều người, trong đó có ông nhà tôi, cho rằng tôi là người “không được bình thường”.

Phạm Kha (28 tháng 3, 2007)

LÊN TRỜI TẢO MỘ.

Giao Chỉ San Jose.





Mất tích bên Lào 1971, tro tàn đem về Newseum 2008

ĐIỆN THOẠI GỌI ĐÊM.

Vào một đêm cuối năm 2011 tôi nhận được điện thoại từ Huế gọi đến San Jose. Có thể lúc đó ở Việt Nam là buổi sáng nhưng tại Cali thì đã khuya lắm rồi. Vì chuyên làm việc ban đêm nên tôi không quản ngại nghe câu chuyện đã xảy ra 41 năm về trước.

Bà Trương thị Sen năm nay 70 tuổi, nhà ở đường Phan Đình Phùng, Huế xin được người quen số điện thoại, muốn nhờ tôi giúp để đi thăm mộ chồng.

Chồng chị là ai, chết ở đâu, chết bao lâu rồi, làm sao tôi có thể giúp được.

Và từ nơi xa xôi, bà Sen bằng giọng Huế rất Huế kể chuyện tình yêu trong chiến tranh. Từ một thời để yêu cho đến một thời để chết. Từ Mậu Thân 68 cho đến khi tan hàng 1975. Và cho đến ngày nay mới biết

đi hài của chồng lại đang ở Hoa Kỳ. Nhà rất nghèo ở Huế, người quả phụ của trung úy phi công trực thăng Việt Nam Cộng Hòa muốn qua Mỹ thăm mộ chồng. Đối với thiên hạ đi Mỹ ngày nay không còn khó khăn nhưng đối với bà Sen thì vẫn khó như lên trời.

VÀ BÀ MUỐN LÊN TRỜI TẢO MỘ.



Trương thị Sen và Nguyễn Diêu

CHUYỆN TÌNH RẤT HUẾ :

Ngày xưa cả hai anh chị đều là dân gốc Huế. Anh học Quốc Học, chị học Bồ Đề, gặp nhau thương nhau rồi lấy nhau. Mỗi tình giản dị êm đềm như con sông Hương. Tết Mậu Thân gia đình đã sinh được một con và cả nhà thoát được đại nạn của Huế năm 1968. Nhưng cuối năm chị Trương thị Sen ở lại nhà, anh

Nguyễn Diêu vào Thủ Đức. Khi ra trường anh được cho đi Mỹ học lái trực thăng. Tốt nghiệp về, anh phi công trẻ phục vụ tại không đoàn 41 ở Đà Nẵng. Anh chị sinh hạ được thêm một cháu và Nguyễn Diêu lên trung úy lái trực thăng UH-1 Huey.



Du học tại Hoa Kỳ

Rồi bà Sen kể tiếp. Sống tại Đà Nẵng, mẹ con quanh quẩn bên nhau chỉ biết chờ đợi. Chồng đi bay có khi chiều về. Có khi biệt phái ba bốn ngày. Gia đình phi công ai cũng biết là chờ đợi lo sợ chừng nào.

Đến khi Lam Sơn 719 vào Hạ Lào thì không thấy chồng về. Không đoàn cũng chẳng nói năng gì. Chỉ có anh bạn đến nói rằng: máy bay bị bắn rớt chắc chết cả rồi. Hy vọng mất tích rất ít. Giữa rừng núi Hạ Lào cũng chẳng ai tìm thấy xác. Cả tàu Mỹ Việt là 11 người. Hai ông đại tá, hai anh phi công và 3 chiến

binh Việt Nam. Thêm bốn tay nhà báo Mỹ. Tin về chiếc máy bay bị phồng không hạ với bốn nhà báo và hai đại tá đã vang dội cả Đà Nẵng.

Nhưng chẳng ai để ý đến mẹ con bà quả phụ người Huế. Phi đoàn thu xếp cho vợ phi công tử trận làm nhân viên dọn dẹp trong căn cứ để có tiền nuôi con. Sau một thời gian thì bà Sen dọn về Huế kiếm sống qua ngày. Năm 75 nước mất nhà tan nhưng người vợ thời chiến vẫn còn hy vọng mong manh là người chồng mất tích trở về. Trung úy Nguyễn Diêu không bao giờ trở lại. Một thời để yêu và một thời để chết đã qua hẳn rồi. Những ngày sau 75 lại còn thêm khốn khổ. Hai đứa con vẫn còn nhỏ và đời sống ngày càng tối tăm. Đến nay dù đã có điện trên sông Hương nhưng vẫn chưa có ánh sáng trong lòng người vợ lính tàu bay.



Rồi đến một ngày câu chuyện tìm xác chồng lại nằm trong tay người Mỹ.

CHUYẾN BAY ĐỊNH MỆNH NĂM 71.

Khi miền Nam mở mặt trận Lam Sơn 719 đánh qua Hạ Lào thì phía Hoa Kỳ cấm máy bay Mỹ chở phóng viên vượt biên.

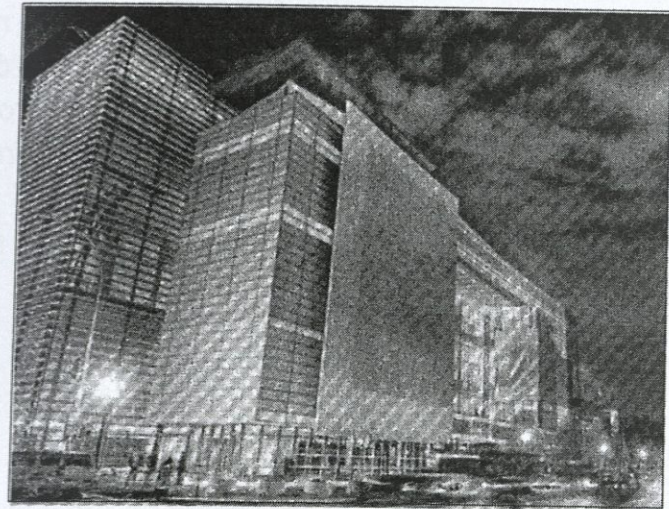
Bốn anh nhà báo Mỹ bèn tìm cách đi máy bay của không quân Việt Nam. Chuyến bay định mệnh chở 11 người. Đại tá Phạm Vy, Đại tá Cao Khắc Nhật. Hai phi công Nguyễn Diêu và Tạ Hòa là hai thiếu úy trẻ tuổi. Hòa là phi công chính. Có thêm trung sĩ Từ Vũ và 2 chiến binh VNCH. Bốn anh nhà báo rất hăm hở và liều mạng. Larry Burrows của tờ Life. Henri Huet của AP. Kent Potter của UPI và anh phóng viên gốc Nhật Keisaburo Shirnamoto của tờ Newsweek. Họ bay qua đất Lào để bám theo những cánh quân vượt biên thì bị phòng không Bắc Việt bắn trúng. Các phi công bạn còn trên trời cho biết vì máy bay nổ tung từ trên cao nên chẳng còn gì.

Khi Lam Sơn 719 rút về thì tất cả còn ở lại Hạ Lào.

TẢO MỘ TRÊN ĐẤT LÀO.

Ba mươi bảy năm sau, vào năm 2008 viên trưởng phòng AP tại Saigon ngày xưa là Richard Pyle mới bay qua Hạ Lào tìm xác các phóng viên tử nạn. Sau nhiều ngày cùng dân địa phương đào xới đã tìm thấy tất cả di hài đã tan nát trộn lẫn cả 11 thành viên Mỹ Việt. Tất cả cho chung vào một thùng với cát bụi, không thể nào mà phân loại.

Sau cùng Mỹ đem tất cả về Mỹ. Vì bốn người hùng của họ là phóng viên nên Hoa Kỳ thu xếp để cho cả tro tàn vào một "Capsule" như là hộp sắt hàn kín và gắn trên sàn nhà của khu vực Journalists Memorial, trong level thứ 3 của Viện Bảo Tàng Báo Chí Newseum, Washington, D.C.



NEWSEUM.

Viện Bảo Tàng truyền thông của Hoa Kỳ được hoàn thành năm 1998 là một cơ sở tân kỳ nhất thế giới về báo chí. Diện tích 250,000 sqfeet cao 7 tầng với 14 phòng triển lãm, 15 rạp hát. Chính tại đây di hài của 8 người trên trực thăng của chuyến bay tháng 2-1971 được giữ lại.

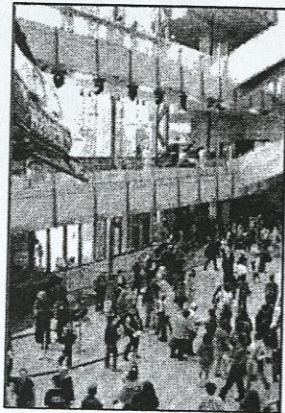
Trên bức tường tưởng niệm có danh sách 1843 nhà báo hy sinh trong công vụ từ 1837 cho đến nay, trong đó có 74 người chết trong chiến tranh Việt

Nam. Có cả tên 4 người trên trục thẳng rớt tại Hạ Lào. Richard Pyle cũng là đồng tác giả cuốn sách nổi tiếng Lost over Laos viết riêng về câu chuyện này.

NGÀY TƯỞNG NIỆM.

Vào tháng 4 năm 2008 gia đình và thân hữu của 4 nhà báo đã từ bốn phương về dự ngày tưởng niệm thành viên của họ. Một buổi họp mặt rất cảm động đã diễn ra nhưng 4 quân nhân Việt Nam có tro tàn lẫn trong đó thì coi như bị quên lãng. Người ta nói là không liên lạc được

Truyền thông Hoa Kỳ và thân nhân tưởng niệm 2008



Từ 2008 đến nay 2012 đã 4 năm trôi qua, các gia đình của 3 sĩ quan Việt Nam có cơ hội thăm viếng nơi đặt tro tàn của thân nhân, nhưng riêng bà Sen thì không có điều kiện.

Bây giờ sau 41 năm kể từ 1971 đến nay, người vợ

muốn viếng thăm nơi để di hài của chồng. Có thể là chuyến thăm viếng cuối cùng.

Câu chuyện dài qua điện thoại canh khuya bây giờ được thu ngắn lại. Đường lên trời để đi tảo mộ chồng có thể rất khó mà cũng rất dễ. Nhưng cần nhiều may mắn.



Tôi viết lại chuyện này gửi đến độc giả để xin chỉ cho người quả phụ cao niên con đường lên trời. Chuyến đi cần được hướng dẫn và cần tài chánh chừng vài ba ngàn. Bay từ Việt Nam qua Cali, ở nhờ nhà bạn rồi bay qua DC. Trên đường bay cần được đón tiếp cho ở trọ vài ngày. Đến DC thăm Newseum là vợ sẽ gặp chồng, không cần phải qua Lào tìm kiếm. Chúng tôi cũng dùng bài này làm bản báo cáo cho

tổng hội không quân, cho các chiến hữu của không đoàn 41 Đà Nẵng. Các bạn tính sao. Và tôi cũng sẽ viết thư thẳng cho Newseum tại thủ đô nhân danh người vợ đợi chờ 41 năm tại Huế. Hỏi thăm xem cái cơ sở truyền thông lừng danh thế giới đó có thể giúp đỡ được không.

Xem ra cái anh truyền thông Mỹ này khá vô tình. Đã đi nhờ máy bay Việt Nam, và đã cùng nhau đi vào chốn vô cùng. Sau khi tìm xác lẫn lộn thành một đồng tro tàn, các bạn chi tiền cho người Lào rồi chẳng hỏi han ai, tự tiện đem tro tàn của cả 7 chiến binh Việt Nam về gắn vào sàn nhà của museum báo chí Mỹ.

Rồi khi làm lễ tưởng niệm, khóc thương ca tụng lẫn nhau vào tháng 4 năm 2008, các bạn chẳng hề nói đến các linh hồn Việt Nam.

Tôi cũng xin báo cáo cho các thân hữu tại thủ đô Hoa Kỳ. Nhờ các bạn ghé qua Newseum xem tro tàn, xương cốt và linh hồn của chiến hữu có còn ở quanh đấy hay không? Hỏi thăm bà Susan Bennett, the Newseum's deputy director phó giám đốc Newseum coi có thể bảo trợ cho gia đình các chiến binh VNCH đi thăm chông vào tháng tư năm 2012. Nào đâu là AP. ABC. NBC hãy xin bảo trợ và quay phim chuyển đi từ Huế của bà Sen, từ Đồng Xoài của bà đại tá Cao khắc Nhật, từ Sài Gòn của bà Tạ Hòa, từ Canada của bà đại tá Phạm Vy. Phái đoàn quả phụ sẽ qua thăm Newseum trên con đường Pennsylvania tại DC. Biết đâu đây cũng sẽ là những tin tức đáng kể

Bây giờ tôi xin hân hạnh bàn giao cho các bạn đây.

Địa chỉ bà Trương thị Sen 33/209 Phan Đình Phùng Huế Viet Nam
Giao Chỉ, San Jose

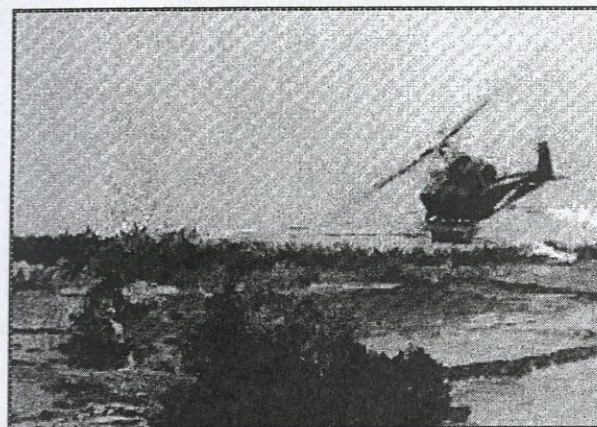
Sau khi bài báo đã phổ biến được Sĩ Trần Kim Long, Hội trưởng Hội Không Quân Đông Bắc Hoa Kỳ, gửi tin tức bổ túc như sau.

1) Ngày 8 tháng 10 năm 2010, hội không quân đông bắc Hoa Kỳ cùng ký giả Richard Pyle tổ chức lễ tưởng niệm cho các nhân viên và phi hành đoàn tử nạn tại Hạ Lào gồm 4 ký giả Mỹ và 7 CH/QLVNCH tại Newseum, Washington DC. Có gia đình thân nhân tham dự. Gia đình đại tá Cao Văn Nhật, trung tá Phạm Vy, thiếu úy Tạ Hòa.



2) Không có tên QLVNCH, chỉ có tên ký giả Mỹ đặt dưới sàn trong phòng triển lãm. Nhờ sự khiếu nại của hội không quân, gia đình liên hệ và ông Richard Pyle nên Newseum làm một bản danh sách dựng đứng kể bên tấm Plaque dưới Floor.

3) Bảy tử sĩ của QLVNCH gồm có: * Đại tá Cao Khắc Nhật, Trưởng Phòng 3 Quân Đoàn 1.* Trung Tá Phạm Vy,(Truy thăng đại tá) Trưởng Phòng 4 Quân Đoàn 1.* Trung Sĩ Từ Vũ. Phi Hành Đoàn::* Thiếu Úy Tạ Hòa (Truy thăng trung úy) * Thiếu Úy Nguyễn Diêu*(Truy thăng trung úy) Trung Sĩ Trần Công Minh * Trung Sĩ Nguyễn Hoàng Anh



Bài báo tháng 12-2012 thay cho kết luận

MUÔN DẶM TÌM CHỒNG

Bài của Huy Phương, báo Người Việt,

Tro cốt của phi hành đoàn và quân nhân Việt Nam Cộng Hòa tử nạn tại Hạ Lào năm 1971 được cất giữ cùng với 4 phóng viên báo chí Mỹ tại viện bảo tàng truyền thông Newseum, Hoa Thịnh Đốn.

Vào ngày thứ ba của cuộc hành quân 719 Lam Sơn (10 tháng 2, 1971,) có một trực thăng UH-1 Huey của VNCH bị bắn rơi tại Hạ Lào. Tất cả những người có mặt trên chuyến bay này đều bị tử nạn, đó là Đại Tá Cao Khắc Nhật trưởng phòng 3, Trung Tá Phạm Vi, trưởng phòng 4 thuộc Bộ Tư Lệnh QĐ 1, hai phi công là Trung Úy Nguyễn Diều, Trung Úy Tạ Hòa và hai nhân viên phi hành đoàn là TS Cơ Khí Nguyễn Hoàng Anh, HS Xạ Thủ Trần Công Minh thuộc Không Đoàn 41-Phi Đoàn 213- SĐ1KQ đóng tại Đà Nẵng. Trên chuyến bay này còn có 4 phóng viên Mỹ là Larry Burrows của tờ Life, Henri Huet của AP, Kent Potter của UPI và phóng viên người Nhật Keisaburo Shirnamoto của tờ Newsweek.



Tấm ảnh ngày cưới - 1968.

Vào năm 2008 trưởng phòng thông tấn AP tại Saigon ngày xưa là Richard Pyle đã đến Hạ Lào tìm xác các phóng viên tử nạn. Sau nhiều ngày cùng dân địa

phương đào xới nơi máy bay bị bắn rơi, Richard Pyle đã tìm thấy hài cốt của tất cả những người tử nạn, nhưng qua thời gian 37 năm, tất cả di hài đã tan nát trộn lẫn với nhau, và sau đó tro cốt này đã được đem về để tại Newseum ở thủ đô Hoa Thịnh Đốn. Vào tháng 4 năm 2008, Newseum đã cử hành một lễ tưởng niệm cho bốn phóng viên Mỹ tử nạn trong chuyến bay này, nhưng về phía Việt Nam không có một bảng tên nào được ghi dấu.

Tin tức này đã đến với bà quả phụ cố trung úy phi công Nguyễn Diều là bà Trương Thị Sen, hiện ở An Cựu, Huế từ năm 2008, nhưng vì không có phương tiện để sang Mỹ viếng nơi để tro cốt của chồng, nên mãi đến 4 năm sau (2012) người quả phụ này mới có cơ hội đến Mỹ và đi thăm nơi để di cốt của chồng.



Bà Trương Thị Sen tại Newseum, DC. (Hình: IRCC)

Nhờ sự giúp đỡ của Bảo Tàng Viện Việt Nam ở San José, các thân hữu trong các binh chủng, bạn bè và

họ hàng thân quyến, tháng 5 năm 2012, bà quả phụ Nguyễn Diểu, đã từ Huế, vào Saigon, đến San Jose, Illinois, North Carolina và cuối cùng đã được đến thăm nơi lưu giữ tro cốt của chồng tại Hoa Thịnh Đốn. Chúng tôi đã được gặp gỡ bà Trương thị Sen trong một cuộc họp mặt của nhóm cựu nữ sinh Bồ Đề, Huế tại Little Saigon, tại đây bà Sen đã không dấu được giọt lệ trong khóe mắt, khi đã hơn 50 năm qua, bạn bè, có người nhớ kẻ không, nhưng ai cũng đối với bà trong tình thân ái, nhất là khi được biết bà Sen là một quả phụ của VNCH, đã ở vậy nuôi con trong suốt 41 năm dài, qua bao nhiêu biến cố của đất nước.

Bà Trương Thị Sen năm nay đã trên 70 tuổi. Bà kết hôn với Thiếu Úy Nguyễn Diểu năm 1968 tại Huế và hai ông bà sinh hạ được một trai một gái, hiện nay cô con gái là công nhân hăng dệt và con trai làm nghề thợ may, sống tại An Cựu, thành phố Huế. Sau khi có tin trực thăng của chồng rơi tại Hạ Lào, và trên máy bay không còn ai sống sót, bà được Phi Đoàn 213 thu xếp cho công việc dọn dẹp trong phi trường để có sinh kế nuôi con. Sau khi Đà Nẵng mất vào tháng 3 năm 1975, bà Sen bắt đầu bươn chải, buôn bán ngoài chợ trời, cho mãi đến năm 1978, bà mới trở về Huế nương nhờ cha mẹ của mình.



Gặp gỡ bạn cũ trên 50 năm tại Little Saigon. (Hình: HP)

CỘNG ĐỒNG NGƯỜI VIỆT HẢI NGOẠI MỞ RỘNG VÒNG TAY ĐÓN NGƯỜI QUẢ PHỤ VNCH.

Một người bạn của cố Trung Úy Nguyễn Diểu, hiện cư ngụ tại San José, đã đem câu chuyện này kể với cựu Đại Tá Vũ Văn Lộc, bút hiệu Giao Chỉ, giám đốc IRCC để nhờ ông tìm cách vận động bạn bè và chiến hữu của cố Trung Úy Nguyễn Diểu giúp cho người vợ chờ chồng 40 năm có chút phượng tiện để sang Mỹ thăm nơi để chùi tro cốt của chồng, cũng như liên lạc với ban giám đốc Newseum xem có thể giúp đỡ gì được cho bà Sen hay không? Cuối cùng vào tháng 4 năm 2012, nhờ sự bảo trợ của anh Nguyễn Hữu Thanh Lam và các cháu ở Illinois, chị Trương Thị Sen bắt đầu lên đường đi Mỹ. Để được yên tâm hơn trên đoạn đường dài, khi 41 năm nay chị Sen chỉ quanh

quần ở xóm làng và không biết tiếng Anh, chị đã đến San José trước và từ đây đi Illinois, trong khi chờ đợi ngày đi thăm Bảo Tàng Viện Truyền Thông. Tại San José, chị Sen đã được anh Trần Thanh mở trương mục để quyên góp và ông Vũ Văn Lộc tổ chức cuộc họp cho những người quan tâm gặp gỡ chị.



Hình ảnh của 4 ký giả Mỹ và di vật tìm được Hạ Lào năm 2008. (Hình: AP)

Mãi đến tháng 11 năm nay (2012) chị Trương Thị Sen được anh Trương Đình Thiện, nguyên là một sĩ quan nhảy toán, đại diện cộng đồng Việt Nam tại Raleigh, North Carolina mời chị sang thăm và đưa chị viếng Newseum. Tại Hoa Thịnh Đốn chị Sen đã được cộng đồng người Việt và các bạn trong “Bản Tin Hoa Thịnh Đốn - SBTN” cũng như nhân viên viện bảo tàng đón tiếp. Tại nơi để tro cốt của 4 ký giả và phi hành đoàn của chuyến bay định mệnh, chị Sen đã xúc động quỳ xuống bên phiến đá cẩm thạch nói với người đã

khuyết: “Sau 41 năm, không hề có một tin tức về anh. Giờ đây em đã yên tâm. Xin anh hãy yên nghỉ.”

Trên đường đi thăm tro cốt của chồng, từ Nam hay Bắc Cali, Illinois, North Carolina, Washington D.C., ở đâu những chiến hữu của chồng và đồng bào cũng tiếp đón, giúp đỡ chị Trương Thị Sen tận tình. Sau Giáng Sinh năm nay, bà quả phụ cố Trung Úy Phạm Diệu sẽ trở về Huế, Việt Nam, nơi bà hiện đang sống với hai con và bốn cháu nội ngoại.

Qua chúng tôi, bà Trương Thị Sen xin chân thành gửi lời cảm ơn đến các ân nhân, bằng hữu đã tạo phương tiện cho bà muôn dặm xa xôi được đi thăm nơi để tro cốt của chồng, người phi công đã gãy cánh trại Hạ Lào 41 năm xưa.

Chúng tôi xin ghi lại địa chỉ và điện thoại của bà Trương Thị Sen sau đây, để bạn đọc có quan tâm, tiện liên lạc:

Trương Thị Sen

33/209 Phan Đình Phùng, Huế, Việt Nam

Điện thoại: **84-935-376-228**

**NGUYỄN THỊ NGỌC DI,
SAU 33 NĂM TÌM ĐƯỢC XÁC CHỒNG**

Giao Chỉ, San Jose.



Câu chuyện tình bi thảm của một thời chinh chiến - Giáo sư Bùi Văn Phú bên Oakland nói rằng học sinh Nguyễn Bá Tông 70 ai cũng biết hoa khôi Ngọc Di - Thầy Mạc Địa ở San Jose nói rằng anh em không quân ai cũng biết phi công Nguyễn Văn Lộc - Ngọc Di quê Nha Trang vào học tại Sài Gòn - Trung úy Lộc quê Đà Lạt về Nha Trang đi lính tàu bay - Ghé chơi nhà bạn chợt thấy tấm hình cô gái có đôi mắt "U ẩn chiều luân lạc" đâu biết rằng rồi sau này anh chàng sẽ mệt vì đôi mắt người Nha Trang

– Niên khóa 71-72 trung úy Lộc đi Hoa Kỳ học lái phản lực. – Năm 71-72 cô nữ sinh Nguyễn Bá Tông tốt nghiệp tú tài toàn phần và ghi danh trường luật. Đám cưới ở Nha Trang ngày 6 tháng 2/1974 rời ra đơn vị. Một năm sau căn cứ không quân Phan Rang di tản. Chồng đưa vợ có bầu lên máy bay chạy vào Sài Gòn, trung úy phi công ở lại lo phi vụ hành quân. Chia tay nhưng hẹn gặp lại tại Sài Gòn. Rồi vợ chồng tái ngộ trong niềm hạnh phúc. Lại chia tay thêm lần nữa ngày 28 tháng 4/1975. Ngọc Di có bầu 6 tháng lên máy bay đi Mỹ. Người phi công phản lực ở lại với những phi vụ cuối cùng. Chia tay nhưng vẫn hẹn gặp lại, nhưng lần này là vĩnh biệt. Người mẹ trẻ sinh con gái trong trại tỵ nạn ngày 18 tháng 7/1975. Vợ vẫn không biết tin chồng, con không thấy mặt cha. Anh phi công của Việt Nam Cộng Hòa nằm trong trại tù Long Giao tính được gần đúng ngày vợ sinh. Ngày đêm anh sống với đôi mắt người tình Nha Trang. Việt cộng hẹn 6 tháng học tập rồi sẽ trả tự do. Sáu tháng trôi qua chưa được thả, anh âm mưu vượt ngục. Bị bắn chết ngày 25 tháng 3/1976. Chôn cùng người bạn phi công trốn trại. Vợ con bên Hoa Kỳ hoàn toàn không có tin tức. Mười năm sau, những người bạn tù qua được Hoa Kỳ lần lượt kể chuyện về chuyến vượt thoát bất thành, nhưng không ai biết xác chồng của Ngọc Di ở nơi nào. Ba mươi ba năm sau, những bạn tù không quân mới tìm lại được xác chiến hữu. Người quả phụ không quân đem con gái 33 tuổi về

nhận di hài của phi công Nguyễn văn Lộc. Trên chuyến bay hãng EVA đáp xuống phi trường LA ngày 3 tháng 11/2008 cô Ngọc Di ôm bình tro cốt của chồng. Con gái cô ôm thêm bình tro cốt của người chiến hữu cùng chết bên cạnh cha. Năm 2010 là 35 nhìn lại con đường. Tôi xin kể lại ngọn ngành 35 năm cuộc đời của người góa phụ không quân anh dũng muôn đời.

MỘT THỜI CHINH CHIẾN

Mỗi người trong chúng ta đều có riêng cho mình những kỷ niệm về tháng 4 năm 1975. Chuyện của cô Nguyễn Thị Ngọc Di thường được kể thêm vài hàng bên cạnh câu chuyện của người chồng anh hùng trốn trại và đã hy sinh. Nhưng tôi lưu ý riêng đến hoàn cảnh người vợ nên đã nghe cô Ngọc Di kể lại tâm sự cuộc tình. Cô nói rằng, dù đã đem được di hài anh Lộc về nhưng tâm tình u uẩn chưa nguôi. Con gái của cháu tương đối ổn định, nhưng phần cháu, cuộc chiến vẫn chưa yên. Từ lúc 10 tuổi, hình ảnh mẹ cháu đi nhận xác chồng với di hài và vết máu trên áo trận của ba cháu vẫn theo đuổi cháu trong nhiều năm. Đến thời gian cháu ở Phan Rang có mấy tháng đã chứng kiến cảnh cô vợ trẻ miền Tây, đẹp nả nùng đi nhận xác anh không quân tử trận. Phi cơ bị rơi vẫn còn mang bom. Phi công không kịp nhảy dù. Bom mang theo nổ cùng con tàu. Xác chẳng còn gì. Căn cứ lấy hai cây chuối cho vào quan tài, thêm một ít da thịt rồi đóng hòm thực kín. Khi cô vợ ra nhận

xác chồng, vật vã xin mở ra nhìn mặt, nhưng còn thấy làm sao được. Cháu chứng kiến mà thấy tê dại cả người. Anh Lộc dìu cháu vào nhà ở khu sĩ quan độc thân. Anh nói rằng, anh cam đoan sẽ không bao giờ bị như thế. Như vậy là làm sao. Phải chăng lời tiên tri cho cả cuộc đời sau này. Lấy nhau từ tháng 2/74, chẳng bao giờ được gần nhau một tháng. Anh đi bay khắp mọi nơi. Đầu năm 75, cháu có bầu mới ra sống ở căn cứ Phan Rang. Vì không có nhà bên cư xá gia binh, phải tạm trú ở khu độc thân. Chứng kiến toàn chuyện hy sinh chết chóc. Cháu mới 19 tuổi, bác nghĩ coi làm sao mà sống được. Mới năm trước từ thời học sinh vô tư qua thời sinh viên hết sức thần tiên. Chợt bước chân vào đời vợ lính, lo lắng sợ hãi biết chừng nào.

MỘT THỜI ĐỂ YÊU

Chờ cô Ngọc Di bớt cơn xúc động, tôi xin cô kể lại chuyện tình bắt đầu ra sao. Cô bình tĩnh và kể hết, không hề giấu diếm cả chuyện bay bướm và ngang tàng của anh Lộc. Bác biết không, trước khi gặp cháu, anh Lộc đã quen với cô giáo Hương bên Ba Làng cũng tại Nha Trang. Bạn bè đã có người gọi anh là Lộc Ba Làng. Chuyện này về sau cháu mới biết. Ông anh họ không quân của cháu cũng không biết mới dẫn Lộc về nhà coi mắt chị cháu ở Nha Trang. Nhà cháu có đến 9 anh chị em. Nhưng coi bộ anh Lộc với chị Như Khuê của cô không hợp duyên, nên chỉ chuyện trò qua loa. Chợt anh Lộc thấy hình của Ngọc

Di còn đang trọ học Sài Gòn. Anh nói là đã mê đôi mắt từ lúc đó. Qua niên khóa 71-72, Trung úy Lộc đi học bay tại Hoa Kỳ, Ngọc Di bắt đầu nhận được thư làm quen. Bạn bè của anh ở Mỹ nói rằng mỗi tuần anh đều nhận được thư của hai cô. Cô giáo bên Ba Làng và cô nữ sinh Nguyễn Bá Tông. Nhưng xem chừng đôi mắt người Nha Trang đã lấy trọn vẹn tình yêu của anh chàng không quân gốc Đà Lạt. Dù rằng về phần Ngọc Di vẫn chưa thực sự rung động tình yêu chiến sĩ.

Hồi hương được ba ngày, Trung úy Lộc bèn vào trường Nguyễn Bá Tông lừa cha giám học nhận là anh vào thăm cô em cùng họ Nguyễn. Đây là đầu tiên hai người gặp mặt. Từ trước chỉ biết qua hình ảnh. Anh chị có hai tuần lễ đi chơi khắp Sài Gòn, bao nhiêu là quà bên Mỹ, anh phi công hào hoa dành hết cho cô hoa khôi trường trung học.

Giáo sư Bùi Văn Phú thời đó học Nguyễn Bá Tông cùng lớp với Ngọc Di kể lại rằng hình ảnh anh không quân xuất hiện đã làm cho biết bao nam sinh đau lòng. Một hôm anh Lộc dẫn cô Di về nhà bà chị tại Sài Gòn, chợt gặp cô giáo Ba Làng ra thăm. Cuộc gặp gỡ bất chợt như trong thoại kịch trên sân khấu. Người yêu cũ chợt thấy bị phản bội, người yêu mới chợt thấy bị lừa dối. Anh không quân đưa Ngọc Di về nhà, nhưng cô cho rằng cuộc tình ngắn ngủi coi như chấm dứt. Cô cũng chưa yêu nên không thấy thực sự bề bàng. Sẵn sàng để anh Lộc trở về với người xưa

của anh. Nhưng anh không quân đã trở thành Phạm Thái của Tiêu Sơn Tráng sĩ nhất định chết trong cặp mắt của giai nhân Trương Quỳnh Như. Ngày hôm sau, trung úy phản lực trở lại nói là đã giải quyết xong mục tiêu. Cô gái Ba Làng buồn tủi trở về Nha Trang và anh Lộc quyết một lòng đi tới với Ngọc Di. Cuộc tình duyên trải qua suốt năm tháng dài cho đến ngày đám cưới ở Nha Trang ngày 6 tháng 2-1974.

MỘT THỜI HOẠN NẠN

Khi đôi trẻ bắt đầu xây dựng gia đình qua lễ cưới là lúc đất nước bước vào năm tang tóc cuối cùng. Ngọc Di nhắc đi nhắc lại là cháu đâu có được làm vợ lính cho trọn vẹn một đời. Tuy hòa bình đã ký nhưng hai bên vẫn còn chiến tranh giành dân lấn đất. Cô sinh viên vẫn lấy bài học luật đi về giữa Sài Gòn Nha Trang và người chồng bắt chợt lúc gặp ở Nha Trang, lúc thì Sài Gòn. Mấy tháng cuối cùng sống chung ở căn cứ Phan Rang ngày đêm nghe tiếng phi cơ phản lực và những giây phút ngóng đợi chồng về. Rồi khi tình thế nguy ngập, anh chồng đẩy cô vợ mang bầu lên C130 với toàn những người xa lạ. Phi cơ cất cánh, nhìn anh còn đứng trên phi trường Phan Rang, nào biết bao giờ gặp lại nhau. Nhưng rồi anh đem phản lực về Sài Gòn yểm trợ cho mặt trận Long Khánh. Có tin vợ con phi công chiến đấu vào hết Tân Sơn Nhất để chờ di tản. Đêm định mệnh cuối cùng Ngọc Di vẫn còn ở nhà với mẹ và thân quyến tại Sài Gòn. Các ông anh cũng có chương trình di tản cả nhà.

Nửa đêm 28 tháng 4/75 chợt có tiếng xe hồng thập tự chớp đèn bấm còi ầm ỹ. Anh Lộc gõ cửa kêu Ngọc Di khẩn cấp lên đường. Bà mẹ nói rằng hay con ở lại để đi với mẹ và anh em, nhưng Lộc kiên quyết kéo vợ đi ngay. Ánh mắt mẹ già buồn bã trông theo. Nhưng sau này cả nhà đều bị kẹt lại. Lên xe hồng thập tự thấy cảnh tượng hãi hùng, Trung úy Giới ngồi bên vợ là cô sản phụ vừa sinh con, ôm con trong khăn còn vết máu. Thì ra xe bus chở gia đình phi công đã nổ máy chờ trong căn cứ, ông Trung úy Giới lấy xe cứu thương của không quân chạy ra nhà thương rước vợ. Anh Lộc nhẩy theo, sau khi đón được vợ con mà, phải ghé nhà cho vợ tao đi. OK. Xe hồng thập tự bóp còi chớp đèn chạy như bay trong đêm Sài Gòn. Các gia đình trên xe bus đang nổ máy chờ, thấy một bà mới sinh con và một bà bầu mặt còn trẻ thơ bước lên xe. Hai ông chồng vất vả đứng trông theo. Ngọc Di nhìn lại anh Lộc qua khung kính. Anh phi công hẹn sẽ gặp lại bên Mỹ. Vợ con đi rồi, còn mấy anh lái phản lực thì xoay sở dễ dàng, Ngọc Di không thể nghĩ rằng đây là hình ảnh cuối cùng. Đó là ngày 28 tháng 4-1975. Cô đi C130 qua Côn Sơn rồi sau đó di tản qua đảo Guam. Hết sức cô đơn, không gia đình, không bà con thân thuộc. Ngay cả gia đình bạn bè trong không quân cô cũng không quen ai. Cô sống một cuộc đời tiểu thư từ nhỏ, số mệnh đột nhiên ném vào cuộc đời. Cô bắt đầu cuộc sống trong chờ đợi, đen tối mịt mù, hoàn toàn tự lập suốt một phần tư thế kỷ.

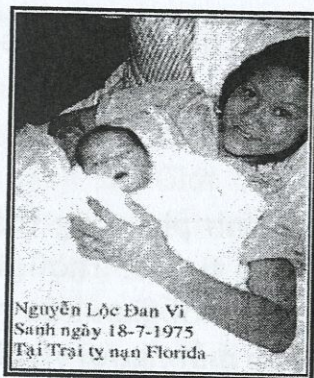
MỘT THỜI TỶ NẠN

Vẫn tràn đầy hy vọng, cô nằm chờ ở đảo Guam. Các phi công lần lượt đến tìm vợ con và đoàn tụ bay vào lục địa. Anh chị Giới của chuyến xe hồng thập tự định mệnh cũng đến rồi đi, không có tin gì về anh Lộc và không ai biết là Lộc mất tích, đã chết hay còn lạc loài nơi đâu. Rồi người ta không cho bà bầu ở lại đảo Guam. Cô phải đi vào Mỹ để còn lo sinh đẻ. Ngọc Di lên đường mắt còn ngó lại biển Đông. Các trại tỵ nạn Cali và Arkansas đã tràn ngập người di tản. Người ta đưa cô về Florida. Nơi đây ngày xưa anh Lộc đã từng đến học bay. Mỗi ngày vẫn còn người đến trại, dù muộn nhưng vẫn còn tìm được hạnh phúc đoàn tụ bên nhau. Nhưng cô vẫn mòn mỏi đợi chờ. Ngày 18 tháng 7-1975, Ngọc Di hạ sanh một bé gái. Nổi truân chuyên và sống trong ray rứt đợi chờ đã hành hạ thêm cô gái trẻ với 16 giờ đồng hồ đau đớn chuyển dạ. Trước sau vẫn chỉ có một mình. Anh Lộc một năm trước đã đặt tên cho con trai tương lai là Phi Hải. Nhưng cô con gái được mẹ đặt tên là Nguyễn Lộc Đan Vi. Nguyễn là họ của cha và mẹ, Lộc là tên cha. Đan Vi là ý kiến của cô học sinh Nguyễn Bá Tòng khi nghĩ đến những cây hoa tường vi đan vào nhau ở cổng nhà chông trên Đà Lạt. Sau khi sanh con, mẹ con cô tỵ nạn Việt Nam được ông bà bảo trợ đón về nông trại. Ngôn ngữ không quen, suốt vùng quê không có một người Việt Nam. Những năm đầu vừa buồn về cảnh ngộ vừa buồn vì cảnh vật. Ngọc Di ôm con sống bằng nước mắt. Duy chỉ có

điều, bé gái với cặp mắt thần tiên của mẹ là nguồn an ủi cuối cùng.

MỘT THỜI ĐỂ CHẾT

Cùng lúc đó trong trại tù, anh phi công thấy rằng không còn hy vọng được trả tự do. Thời gian ngộ nhận 10 ngày đã qua từ lâu. Thời gian hứa hẹn học tập 6 tháng cũng qua rồi. Cặp mắt người yêu Ngọc Di thôi thúc ngày đêm, anh phi công ngang tàng một thuở nhất định trốn trại, tìm tự do. Hai anh phi công Nguyễn Văn Lộc và Lê Văn Bé cùng vượt trại. Hy vọng tìm đường qua biên giới Cam Bốt rồi Thái Lan. Giữa một đêm mưa gió, cả hai vượt thoát còn đem theo cả lựu đạn phòng thân. Lính cộng sản đuổi theo. Lộc chạy trước. Bé ném lựu đạn chặn hậu nhưng bị thương ngã xuống. Lộc bèn quay lại, đánh lựu đạn cứu bạn. Được biết nhiều lính cộng sản cũng bị chết vì lựu đạn. Vì vậy sau khi hai anh phi công đã gục ngã chúng còn bắn điên cuồng vào xác chết. Hai anh chết ngày 25 tháng 3-1976. Cộng sản cho kéo xác để giữa sân trại Long Giao để dẫn mặt anh em rồi đem chôn sấp hai ngôi mộ bên nhau, nhưng không có mộ bia. Các bạn tù tìm cách làm dấu nhưng không rõ ràng. Vài năm sau, không còn ai biết rõ di hài của hai người anh hùng không quân nằm ở đâu.



Nguyễn Lộc Đan Vi
Sinh ngày 18-7-1975
Tại Trại tỵ nạn Florida



Nguyễn Lộc Đan Vi
Vợ Mẹ Ngọc Di
18-07-2008

MỘT THỜI ĐỊNH CƯ

Mẹ con Ngọc Di rời bỏ nông trại tìm đường về ở với bà con trên Nữ Ước. Cô nữ sinh hoa khôi Nguyễn Bá Tông, sinh viên luật Sài Gòn tiếp tục cuộc sống lủi thủi với đứa con ngày càng rục rờ với dấu vết người cha Đà Lạt và đôi mắt bà mẹ Nha Trang. Mấy năm sau, anh em và gia đình không quân hợp mặt nên mẹ con cô Di có dịp về Cali gặp gỡ mọi người. Sau cùng cô định cư tại quận Cam. Phải bắt đầu từ thập niên 80 trở đi mới có tin tức về cuộc trốn trại hào hùng và chuyện hy sinh của anh Lộc. Mẹ con bắt đầu nghĩ đến chuyện đi tìm dấu vết của người xưa. Tuy nhiên tất cả đều vô vọng. Không ai còn nhớ những ngôi mộ ở đâu, Cuộc sống vẫn bình thản diễn tiến. Anh chị em trong nhà đoàn tụ. Mẹ già gặp lại con gái. Cháu Đan Vi tốt nghiệp bác sĩ nhãn khoa rồi lập gia đình. Vợ vẫn không thấy xác chồng. Con vẫn chưa thấy xác cha. Một lần, hết sức vô tình, Ngọc Di gặp người trong gia đình HO. Anh ở Bắc Cali nói rằng trước có ở Long Giao. Cô Di hỏi rằng anh có biết Trung úy Lộc

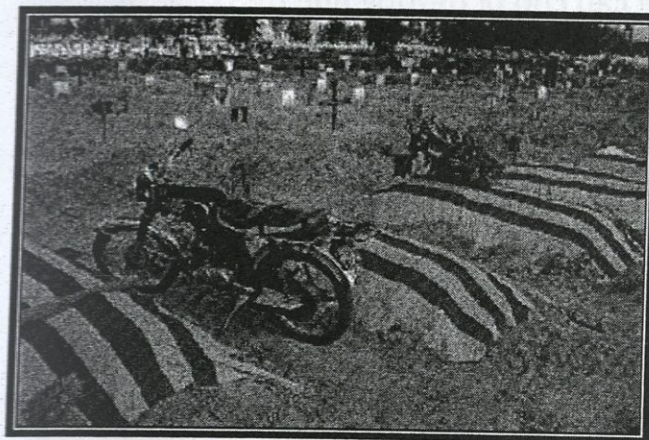
không. Anh HO nói ngay rằng cô có phải là Ngọc Di không. Ngạc nhiên đến sững sờ, cô nói tôi là Nguyễn Thị Ngọc Di, sao anh biết. Anh bạn trả lời: "Tôi ở gần anh Lộc trong trại. Anh ấy nói về đôi mắt của cô suốt ngày. Khi cô mới bước vào nhà tôi đã cảm thấy. Khi cô hỏi anh Lộc, tôi biết ngay cô là vợ anh". Và câu chuyện 20 năm xưa tuôn chảy, nhưng sau cùng cũng không biết mộ anh ở đâu.

MỘT THỜI TRỞ LẠI

Câu chuyện đi tìm mộ của anh Lộc đã trải qua một thời gian hết sức đặc biệt dựa trên các câu chuyện linh thiêng về lãnh vực ngoại cảm. Sau cùng, người bạn tù, người chiến hữu tận tụy của anh Lộc đã tìm được hai ngôi mộ của những người phi công trốn trại năm 1976. Các ngôi mộ được khai quật năm 2008 có cả sự tiếp sức của thầy Mặc Địa ngồi tại San Jose mà chỉ dẫn qua điện thoại. Mặc Địa ngày xưa cũng là sĩ quan của không lực Việt Nam Cộng Hòa. Sau cùng cô Ngọc Di đưa con gái là Nguyễn Lộc Đan Vi về nhận xác người thân. Ngày 3 tháng 11-2008 mẹ con ngồi trên phi cơ Eva ôm mỗi người một bình tro về Hoa Kỳ. Mẹ ôm tro của chồng, con ôm bình tro chiến hữu. Gia đình anh phi công Lê văn Bé nói rằng chiến hữu đã chết bên nhau thì cho đi Mỹ với nhau. Tuy nhiên bình tro của anh Bé chỉ có một nửa. Phân nửa gia đình lưu lại quê hương. Ngày 8 tháng 11-2008, không quân Nam Cali làm lễ truy điệu cho hai người anh hùng của họ. Có lẽ trao cờ lại cho cô Ngọc Di

cùng con gái. Ngọc Di làm vợ lính có hơn một năm và làm quả phụ 33 năm mới nhận được xác chồng bằng tro tàn. Bác sĩ Đan Vi không bao giờ thấy được người cha, dù ở trên trời hay ở dưới đất. Khi khai giấy tờ người ta hỏi rằng con đến Mỹ năm nào. Con khai là đi năm 1975. Con đi bằng phương tiện gì. Con nói là con đi trong bụng mẹ. Cha con bây giờ ở đâu. Con không biết. Có thể còn đang bay ở trên trời. Con không có cha làm sao ai nuôi con học thành bác sĩ. Trả lời: Mẹ con. Đan Vi là loài hoa tường vi đan vào nhau mọc ngoài cổng nhà anh phi công Nguyễn Văn Lộc. Tuổi của cô là tuổi của cộng đồng. Cộng đồng Việt Nam ở hải ngoại năm nay bao nhiêu tuổi, cũng là tuổi của Đan Vi. Một cô gái khác ngày xưa sinh ra trên tàu Trường Xuân, trên biển Nam Hải, tên cô là Chiêu Anh, cũng cùng tuổi. Chúng tôi tổ chức chiêu văn nghệ 35 năm nhìn lại tại San Jose vào ngày 23 tháng 5-2010 đã mời cả hai cô lên sân khấu Center Performing Arts. Một cô đi tàu biển vào Mỹ. Một cô đi tàu bay vào Mỹ. Lúc ra đi cả hai đều trong bụng mẹ. Cả hai cô đều không phải là ca sĩ, nhưng vẫn được mời lên sân khấu trình diễn. Hai cô đều không biết hát, chỉ đứng đó cho khán giả vỗ tay. Bởi vì cuộc đời của các cô chính là những bài ca của nửa thế kỷ trầm luân. Đó là những hài nhi của cộng đồng di tản, những công dân của thế hệ mới trưởng thành sau những đau thương của đất nước.

LÚC ĐÓ BÁC Ở ĐÂU?



Thưa.bác,

Nhiều năm qua bác nhắc đi nhắc lại về chuyện Ba Mười Tháng Tư. Bác nói rằng mỗi người chúng ta đều có một ngày Ba Mười Tháng Tư cho riêng mình. Bác vẫn hỏi một câu: Lúc ấy quý vị đang ở đâu? Thưa bác, ngày Ba Mười Tháng Tư Năm 75 cháu đi nhận xác chồng ở Nghĩa Trang Quân Đội Biên Hòa.

Xin kể đầu đuôi như sau: Người yêu của cháu, chồng sắp cưới của cháu là Nguyễn Đông Thành, trung úy Biệt động quân, đơn vị đóng tại Chợ Thành vào thời kỳ 1975. Từ lúc ra trường Thủ Đức, anh làm trung đội trưởng tác chiến cho đến khi lên đến trung úy đại đội trưởng đã bị thương bốn lần. Một lần bị thương nặng phải nằm nhà thương hai tháng. Còn các lần khác chỉ bị thương nhẹ. Cháu gặp anh trong

một lần nữ sinh đi ủy lạo chiến sĩ tại Tổng Y Viện Cộng Hòa, rồi quen nhau. Sau đó chúng cháu đôi khi lại còn cầu cho bị thương nhẹ để



có dịp gặp nhau ở Sài Gòn. Một lần anh chỉ bị trẹo chân vì nhảy trực thăng mà được nghỉ đến gần một tháng.

Đó là lần bị thương hạnh phúc nhất của chúng cháu. Gia đình hai bên đã có dịp gặp nhau sau khi chúng cháu về thưa với cha mẹ. Đầu năm 1975 đã làm đám hỏi. Chờ đến đầu tháng 5 năm 1975 là làm đám cưới. Cháu có ông cậu làm trung tá ở Sài Gòn quen biết nhiều nên hy vọng sẽ giúp cho anh Đông Thành đổi về đơn vị hậu cứ hay về bộ quốc phòng. Tết 1975, hai đứa chúng cháu đến chúc Tết cậu và xin cậu chạy giúp. Chạy đây là nói hộ chứ không phải tiền bạc gì hết. Cậu cháu coi tướng anh Thành và rất hài lòng để mừng cho cháu gái. Cậu khen vị hôn phu của cháu tuy còn trẻ nhưng rất đẹp trai và tướng

mạo đảng hoàng. Anh mới có 22 tuổi, còn cháu 19 tuổi vào năm 1975. Cháu cũng khá cao mà anh Thành còn cao hơn cháu cả đầu người. Anh chơi thể thao cả xà ngang và xà dọc nên người rất tài tử. Bạn học trường Gia Long đứa nào cũng thích trung úy Đông Thành của cháu.

Tuy nhiên, khi hỏi chuyện về đơn vị của Thành thì ông cậu của cháu hơi ngần ngại. Cậu nói rằng năm trước có xin cho con một anh bạn đóng đồn được đổi về tỉnh. Chỉ một tuần sau anh thiếu úy lên thay thế bị tử thương. Bà mẹ anh này đi thưa Giám Sát Viện về tội ăn tiền đổi người để đưa con bà vào chỗ chết. Vì vậy cậu cháu nói để chờ một thời gian, đơn vị rút từ Chơn Thành về hậu cứ rồi sẽ xin đổi sau.

Người yêu của cháu cũng rất tự ái nên không hề nói gì thêm, cứ nắm tay cháu gạt đi không muốn đề cập đến việc xin chuyển nữa. Từ biệt ông cậu xong, hai đứa ra về. Cháu giận anh ấy hết sức, nhiều lúc chỉ muốn cho ra trận chết đi cho rồi.

Đàn ông mới hơn hai mươi tuổi mà đã muốn làm anh hùng. Gia đình anh ấy con một, xin hoãn dịch cũng còn được chứ ai lại đi Biệt động quân. Quanh năm hành quân, đôi khi ở đơn vị còn có lệnh phải cạo trọc đầu cho thêm dữ dội. Nhưng nói gì thì nói, anh Đông Thành dù để tóc dài hay tóc ngắn thì trông vẫn đẹp như tài tử Pháp Alain Delon. Cháu rất hãnh diện đi với anh ở đường Nguyễn Huệ. Nhưng hai đứa

đâu có được dịp đi chơi với nhau nhiều lần. Qua tháng ba năm 1975, có tin địch uy hiếp Chợ Thành, gia đình hai bên và riêng cháu lo lắng ngày đêm. Rồi tin từ bộ chỉ huy là đơn vị biệt động quân ở Chợ Thành có lệnh rút. Quân đội cho lệnh bỏ Chợ Thành. Chưa bao giờ cháu lại vui mừng khi được tin quân ta rút như vậy. Là một học sinh chưa được 20 tuổi, cháu chỉ mong người yêu sớm trở về bình yên. Quân đội muốn bỏ đâu thì bỏ, muốn rút đâu thì rút. Nhưng đau khổ chưa, đúng như cháu đã lo ngày lo đêm. Đơn vị cho người đưa tin về nhà để đi nhận xác Đông Thành vào ngày 25 tháng 4-1975. Người lính ở đơn vị nói rằng anh ấy đã chiến đấu anh dũng ra sao, hy sinh như thế nào, chẳng còn lòng dạ nào mà nghe chuyện. Sao bao nhiêu người còn sống ở Sài Gòn không ra mà anh dũng hy sinh.

Trời đất công bình ở chỗ nào. Đi lính có ba năm mà bị thương đến bốn lần, rồi mới chết. Đông Thành của cháu hiền lành như thế, có làm hại ai đâu mà phải chết oan uổng như vậy. Sau khi được tin cháu cứ như điên dại rồi đi theo gia đình lên Nghĩa Trang Quân đội nhận xác người yêu. Dù chưa cưới nhưng cháu đã khai là chồng. Mấy ông đòi hôn thú vì tưởng cháu muốn xin tiền chồng chết. Xin tiền tử tuất với 12 tháng lương. Cháu quyết liệt nhận xác chồng dù chẳng có hôn thú.



Đất nước có còn đâu mà lãnh tiền. Anh Đông Thành nằm như ngủ. Đạn vào ngực, vào tim, vào bụng nhưng mặt anh vẫn nguyên lành. Anh nằm đó vẫn đẹp như thiên thần. Anh về bằng trực thăng trên băng ca đúng như trong bài ca, đúng như trong tiểu thuyết. Bên cạnh xác anh có nhiều đồng bạn cũng chết nhưng vì để lâu nên bốc mùi hôi thối. Nhiều gia đình cũng đến nhận xác. Đàn bà trẻ con khóc la âm ỹ. Cháu cũng hòa theo tiếng khóc nức nở. Gia đình chôn xác anh ngày 27 tháng 4, 1975, buổi chiều thì ra về nhưng cháu ở lại. Cháu trốn vào khu Nghĩa Dũng Đài nhưng người nhà lại tưởng bạn cháu chở về Sài Gòn. Suốt những ngày cuối tháng 4 đau khổ cháu tha hồ khóc. Trên Nghĩa Trang Biên Hòa toàn là gia đình tử sĩ nên cũng không ai chú ý. Có gia đình đem theo Radio nên mở ra nghe tin tức chiến sự. Rồi dân di tản ở bốn phương trời kéo nhau về tạm trú. Họ dựng lều ngay bên cạnh các phần mộ. Khu lính chết đã lâu thì có mộ bia và tấm xi-măng bên trên. Khu mới chết thì chỉ đắp đất. Có cả trăm cả ngàn ngôi mộ. Những ngày đầu thì có nhiều xác chở về bằng trực thăng. Về sau xác chở về toàn bằng xe nhà binh. Sau cùng thì đủ các thứ xe chở xác về đơn vị chung sự. Nơi để xác có máy lạnh nhưng không có điện nên trở mùi hôi

thối. Nhiều xác chở đến để ngay dưới đất, trời nắng bốc mùi làm cho các gia đình ở gần phải giở lều di chuyển đi nơi khác. Ông sĩ quan trách nhiệm chôn cất nóng nảy gắt gỏng và anh em chôn cất làm việc rất vất vả. Ai cũng có mùi rượu và dầu Nhị Thiên Đường bôi đầy người. Đến ngày 30 tháng 4, khi có lệnh đầu hàng thì không còn ai trách nhiệm. Lúc đó đã xuất hiện người cộng sản ra gom dân gom lính chạy loạn bắt phải đào hố chôn tập thể. Một anh công binh của ta lấy xe đào các hố thật lớn, rồi đưa tất cả các xác lính Việt Nam Cộng Hòa chôn tập thể. Có gia đình cố giành lại xác người thân tự đào lỗ chôn riêng. Cháu thấy một gia đình chỉ có người vợ trẻ với mấy đứa con tám chín tuổi ạch đụi bới đất chôn chồng. Cháu tìm cuốc đến giúp một tay và thấy mình đã bới điên. Thấy cảnh hai đứa nhỏ cùng mẹ móc đất chôn bố, cháu thấy cuộc chiến tranh vô nghĩa biết chừng nào. Và sự đau khổ của mình cũng chẳng phải là duy nhất. Đứa con gái chừng 10 tuổi và đứa em trai 6 tuổi vừa khóc vừa móc đất giúp mẹ. Cháu sẽ không bao giờ quên được hình ảnh này.

Sau đó qua ngày 2 tháng 5 năm 1975, cháu quá giang xe của người ta về lại Sài Gòn. Năm 1980, cháu lập gia đình với một anh Thủ Đức còn trẻ có hai năm cải tạo. Chúng cháu vượt biên rồi vào Mỹ. Chồng cháu rất hiểu biết nên tôn trọng mối tình đầu của cháu với Đông Thành.

Từ mùa Xuân 1993, chúng cháu cứ vài năm lại về Sài Gòn và lần nào cũng lên Nghĩa Trang Biên Hòa. Cháu có theo dõi chương trình tảo mộ chui của bác. Lần nào cũng khẩn vái cho anh Đông Thành phù hộ công việc của hội. Cháu có thuê người làm cho anh Thành tẩm xi-măng đúng kích thước như các ngôi mộ khác chứ không muốn xây cho thật lớn. Anh Thành đã muốn được chết như các chiến hữu thì phải để anh nằm giống như các bạn của anh. Cháu vừa thương mà vừa giận anh biết chừng nào. Người yêu của cháu là mối tình đầu, anh chính là hình ảnh của chiến tranh Việt Nam. Cháu vừa ghét lại vừa thương. Đã 30 năm qua rồi mà tình cảm vẫn không thay đổi. Bác đã hỏi rằng, ngày Ba Mươi Tháng Tư cháu ở đâu? Vâng, 30 tháng 4, 1975, cháu đi chôn chồng ở Nghĩa Trang Quân Đội Biên Hòa. Vậy thì phần bác, Ba Mươi Tháng Tư bác ở đâu? Tiểu Quyên (Nhắn tin: Bác viết lại câu chuyện cháu kể năm 90, bây giờ cháu dọn đi đâu?)



“HÃY THẮP CHO ANH MỘT NGỌN ĐÈN”

(thơ Nguyễn Đình Toàn)

GIAO CHỈ, SAN JOSE

Sau cùng, suốt 30 năm tạp ghi, viết về cựu chiến binh, viết về thuyền nhân, viết về nước Mỹ, viết về Việt Nam Cộng Hòa, lần này tôi được yêu cầu viết về một mối tình. Nói cho chính xác, viết về chuyện tình của cô nữ quân nhân thuộc hàng thấp nhất của hạ sĩ quan. Cô hạ sĩ nhất của Quân lực Việt Nam Cộng Hòa tên Lý thị Thương Uyên hiện cư ngụ tại Oklahoma City với Area code 405.

Giữa cơn giông bão mùa Xuân năm 2010 đã kể lại chuyện đời lính của phụ nữ Việt Nam. Cuộc đời của chính cô. Cô phàn nàn rằng sao không thấy bác viết về chuyện hạ sĩ quan binh sĩ. Không viết về người lính nữ quân nhân thực sự sống chết tại các đơn vị. Sao bác không viết về chuyện của...em.

Cô Uyên gửi thư cho Dân sinh Radio sau khi nghe loạt bài về Thủy quân Lục chiến và trận Quảng Trị. Phải chăng cô biết gì về Quảng Trị. Không. Cô gái suốt đời là học sinh và suốt đời đi lính chỉ quanh quẩn ở Hậu Giang và miền Đông Nam Phần, chẳng biết gì về cao nguyên, duyên hải hay miền Trung Việt Nam.

Nhưng cô có liên hệ rất nhiều với người yêu Thủy quân Lục chiến, cô nghĩ rằng trận Quảng Trị là trận của người lính mũ xanh. Cô muốn gửi di vật của Trung úy Thủy quân Lục chiến Bùi Năng Vũ về cho viện Bảo Tàng tại San Jose. Lá thư viết như sau:

"Kính gửi bác Giao Chỉ."

"Em tên thật là Lý thị Thương Uyên hiện ở Oklahoma, xin gửi một kỷ niệm nhỏ đến bác. Mong nó được lưu giữ. Đã 40 năm qua em giữ nó như báu vật. Qua bao nhiêu cuộc bể dâu nó vẫn ở bên mình. Không biết bao lần em đã tự hỏi nếu một mai chết đi thì nó sẽ ra sao? Có thể bảo con trai liệm chung trong quan tài cho mẹ. Khi sang thế giới bên kia em sẽ gặp Vũ để trả lại cho anh. Nhưng cuộc đời này làm sao biết được ngày mai. Vậy xin bác giữ lại và đặt vào chỗ nào đó cho em yên lòng."

Kỷ vật nhỏ bé gửi kèm theo chỉ là bài thơ do trung úy Thủy quân Lục chiến Bùi Năng Vũ tặng em cuối mùa thu 1970, lúc đó đơn vị gốc của anh Vũ ở căn cứ Sóng Thần, khu Rừng Cấm, thuộc Tiểu đoàn Ó Biển. Vũ đã chết ở trại tập trung Đà Lạt năm 1978. Đây là số điện thoại của Uyên (405)..... .."

Đính kèm là bài thơ của anh sĩ quan Thủy quân Lục chiến viết chữ rất đẹp, trên những tờ giấy màu xám mỏng bỏ trong một bao thơ đơn sơ cũ kỹ. Góc bao

thư đề: "Vũ, thủy quân lục chiến. Gửi cho Thương Uyên." Phía dưới là hàng chữ: "Nhờ Chính chuyển dùm tao. Cám ơn."

Bài thơ mở đầu như sau:

Lời hứa buổi hoang sơ tương ngộ. Chỉ một lần xin nhớ đến trăm năm...

Những bài thơ này của Trung úy Thủy quân lục chiến
Bùi Năng Vũ, đã tặng tôi cuối thu năm 1970, lúc vị gốc
của anh ở Căn cứ Sóng Thần, Rừng Cấm, anh ở Tiểu đoàn
Ó Biển.
Anh đã chết ở trại tập trung Đà Lạt năm 1978.

2.
EM HI
Tôi là người lính
Đã sống thời ta đánh
Cho một cuộc sống
rời
Quên như là tuế nhưc
Hiện tại là đang đây
và tương lai chỉ là năm mà không tên nơi
chiến địa mà thôi

Đọc xong lá thư của cô Uyên, đọc xong bài thơ của anh Vũ, tôi nghĩ đến người lính trẻ đã chết trong ngục tù. Nghĩ đến người nữ quân nhân còn sống ở miền giông bão Hoa Kỳ. Bèn quay số 405..... hỏi thăm.....

Câu chuyện tình được bắt đầu kể lại. Uyên quê ở Tân Châu, Hồng Ngự, thuộc miền Châu Đốc, chưa học hết trung học nhưng có tên thật đẹp như bút hiệu nên cuộc đời cũng gặp nhiều phiền phức. 16 tuổi lên Sài Gòn ở nhà cậu mợ. 18 tuổi ghi tên vào học lớp hạ sĩ quan nữ quân nhân. Năm 70 ra trường nhưng vì thường cây có chút nhan sắc lại ba gai nên không được mang cấp bậc trung sĩ. Cô chỉ tốt nghiệp hạ sĩ rồi được gửi đi Vũng Tàu học đánh máy ở trường Truyền Tin.

Tại đây cô gặp Thiếu úy Vũ, dân Bắc kỳ. Anh được Thủy quân Lục chiến đưa về học lớp sĩ quan truyền tin. Mối tình kéo dài suốt thời gian cả 2 người theo học tại Vũng Tàu. Cô Uyên hỏi bác Giao chỉ có biết Đại tá Tào chỉ huy trưởng trường truyền tin không. Có, bác Tào trước đây ở San Jose, nhưng bác đã chết rồi. Cô khóa sinh khoe rằng em được bác Tào cho chụp hình nữ quân nhân truyền tin đang học đánh máy để treo trên tường. Như vậy chắc cô lính trẻ có nhan sắc ăn ảnh đáng được chụp hình quảng cáo cho binh chủng.



Cô kể tiếp rằng mối tình với Vũ là mối tình đầu đẹp đẽ nhất. Khi trung úy đi hành quân Cẩm bốt, cô Uyên đến thăm hậu cứ trại Cẩm, Sóng Thần đã được các bạn đồng nghiệp cho vào phòng truyền tin nói chuyện với người yêu qua siêu tần số hành quân. Nhưng rồi những ngày vui qua mau. Tình đầu không phải là tình cuối. Một hôm Uyên khám phá ra rằng Vũ thực ra đã có người yêu. Đó là cô Sương quê Mỹ Tho, nữ điều dưỡng ở Quân y viện Vũng Tàu. Sương quen Vũ từ khi anh nằm tại bệnh viện này. Uyên là người đến sau nên cô quyết định chia tay mối tình đầu đầy nước mắt. Vũ ra vùng hỏa tuyến, Uyên đổi về quân đoàn III. Rồi sau cùng cô đổi về tiểu khu Kiến Hòa thuộc quân đoàn IV. Cô xin đi thật xa miền Đông, nhưng vẫn nhớ Vũ và giữ mãi bài thơ tỏ tình năm 70. Từ Hạ Lào trở về, Vũ lấy Sương, mối tình đầu của anh. Năm 1973 Uyên lấy Thiếu úy Nhiều, một sĩ quan hải quân, phục vụ trên chiến hạm Trần Khánh Dư. Từ đó Uyên yên phận làm vợ của người

lính biển. Khi mang bầu đứa con đầu tiên, anh chồng sĩ quan Hải quân lênh đênh trên biển Đông đã dặn vợ để con gái đặt tên Cam Tuyền, con trai đặt tên Hoàng Sa. Cam Tuyền cũng là tên một hòn đảo của Hoàng Sa. Và đứa con trai Hoàng Sa đã ra đời tại Mỹ Tho. Hai vợ chồng cùng khoác chiến y nhưng chiến tranh đã chia cắt gia đình thành nhiều mảnh. Chồng hải quân sống trên đại dương. Vợ trực gác tổng đài tại mặt trận xình lầy Bến Tre. Con trai Hoàng Sa gửi về cho bà nội nuôi ở Châu Đốc.

Cô Uyên tiếp tục hăng hái kể chuyện nhà binh. Sau mối tình đầu dang dở, cô và chị Sương nay vợ của Vũ đã gặp nhau nối thành tình bạn gái. Cuộc đời nữ quân nhân, với cấp bậc hạ sĩ rồi vinh thăng hạ sĩ nhất đã dành cho cô Uyên những kỷ niệm không bao giờ quên được. Cô đã từng là hoa hậu của các chiến binh độc thân trong đơn vị từ binh sĩ đến hạ sĩ quan. Vì mang cấp hạ sĩ, cô cai Uyên gần gũi với đa số lính tráng hơn là các sĩ quan nữ quân nhân. Những đêm hỏa châu làm việc dưới hầm truyền tin tiểu khu. Những anh lính ca vọng cổ tán tỉnh. Những lời hò tình tứ qua máy truyền tin lẫn trong tiếng pháo kích. Hỏa châu sáng rực chân trời. Chưa bao giờ cô lại thấy nhớ đời lính như vậy. Nhưng rồi tháng 4-75 oan nghiệt chợt đến. Anh Vũ, Bắc Kỳ bỏ Sóng Thần từ biệt cô Sương đi trình diện vào tù trên Đà Lạt. Anh Nhiều, Nam kỳ bỏ vợ con ở Châu Đốc đi tù trong Đồng Tháp.

Bộ binh cũng vào tù, Hải quân cũng vào tù. Cô lính trẻ có tên như tài tử nhưng chỉ mang cấp bậc hạ sĩ nhất nên không phải đi tù. Dù vậy cô vẫn nhớ thương quân đội Cộng Hòa. Một lần chị Sương ghé Mỹ Tho gặp Uyên báo tin anh Vũ đau nặng trong trại tù. Chị em cùng đi tìm mua thuốc tiếp tế. Mấy tháng sau, Sương ghé lại với ngón tay đeo 2 chiếc nhẫn cưới. Cô vừa đi chôn chồng sau khi nhận xác từ trại tập trung. Anh lính trẻ Bắc kỳ chết đi để lại cho những cô gái miền Tây di vật cuối cùng. Cô Sương còn cặp nhẫn. Cô Uyên có lá thư tình. Anh Vũ chết rồi. Cô Sương trợ tá quân y không bao giờ lên Đà Lạt nữa. Cô Uyên truyền tin còn đi thăm nuôi chồng hải quân ba lần ở Đồng Tháp. Rồi anh Nhiều trở về. Thêm một đứa con trai ra đời, anh cựu sĩ quan Hải quân tuy ra tù "cải tạo" nhưng vẫn còn nhớ mãi biển Đông nên đặt tên con trai thứ hai là Trường Sa. Năm 1992 gia đình anh Nhiều và cô Uyên đem cả Hoàng Sa và Trường Sa qua Hoa Kỳ theo diện HO 9. Hai vợ chồng cùng đi làm và nuôi con ăn học. Nhưng sao cuộc sống hòa bình ở Hoa Kỳ không giống như thời kỳ chiến tranh ở Việt Nam. Vợ chồng không còn hòa thuận nên chỉ ở được với nhau thêm bốn năm tại Mỹ rồi chia tay. Lần lượt những đứa con trai trưởng thành đi theo bố về Texas làm ăn. Anh Nhiều có vợ mới. Cô Uyên còn lại ở Oklahoma một mình. Cháu Hoàng Sa lập gia đình, có hai đứa con nhưng rồi vợ chồng nó cũng chia tay. Lúc còn ở với nhau, vợ chồng con trai đưa cháu về thăm bà nội. Đó là những

giây phút hạnh phúc nhất của cô Hạ sĩ nhất Thương Uyên.



Nhưng bây giờ chúng nó bỏ nhau. Vợ Hoàng Sa đưa con về bà ngoại. Cha con nó còn ít gặp nhau. Chẳng ai còn ngó ngang gì đến bà nội trẻ cô đơn nhớ đám cháu quay quắt đêm ngày. Năm nay cô mới 60 tuổi. Còn lâu mới lãnh tiền già. Cô cựu chiến binh Việt Nam Cộng Hòa vẫn đi làm tự nuôi thân. Cuối năm 2009 cô bị té trong hăng nên phải nằm nhà, lãnh tiền thương tật vì tai nạn lao động. Suốt ngày chỉ quanh quẩn trong nhà. Mùa đông 2009 mưa bão triền miên chẳng ra khỏi nhà. Trải qua cái Tết cô đơn, cô Uyên nghe đài Radio nói về Thủy quân Lục chiến đánh trận Quảng Trị 38 năm về trước. Cô bèn đi tìm lá thư tình của Trung úy Vũ, cô nghĩ đến ngày mai rồi mình cũng qua đời trong quạnh hiu giữa mùa tuyết phủ nơi xứ lạ quê người.

Những đứa con Hoàng Sa và Trường Sa thân yêu của cô cũng đang bận rộn bươn trải với cuộc đời mới.

Chỉ còn lại một mình, chợt nhớ về mối tình ở trường truyền tin, những vần thơ rất lãng mạn và ngây thơ của người lính trẻ Bắc kỳ. Cô hỏi bác Giao Chỉ rằng nếu bây giờ, đã gần 40 năm rồi, cô vẫn còn thấy nhớ thương mối tình đầu thì có phải tội lỗi không? Không, cô cựu chiến binh Việt Nam Cộng Hòa của tôi, cô hạ sĩ quan truyền tin của tiểu khu Kiến Hòa, nòng cai sếp của tiểu đoàn truyền tin diện địa quân đoàn IV, cô không làm điều gì sai quấy khi ngồi than khóc cho chuyện tình gần 40 năm về trước. Anh chàng Trung úy Bùi Năng Vũ rất xứng đáng để cô gái Tân Châu ngồi khóc ở Oklahoma, nhớ về những ngày hai đứa ngồi bên hàng dừa ở bãi sau Vũng Tàu. Anh thấy hình em treo trên tường ở phòng học đánh máy trong trường truyền tin. Trung úy Thủy quân Lục chiến Bắc Kỳ tạm quên cô Sương y tá bên quân y viện để gửi thư tán tỉnh cô khóa sinh truyền tin xinh đẹp. Chàng ký tên bút hiệu Châu Nguyên năm 1970 gửi bài thơ cho Lý thị Thương Uyên *Lời hứa buổi hoang sơ tương ngộ*.

Chỉ một lần xin nhớ đến trăm năm. Đó là đoạn mở đầu. Và đây là những trích đoạn tiếp theo:

*Bụi đường và tháng ngày còn đó.
Gởi cho Uyên làm kỷ niệm chia ly.
Mai anh đi, nghe thời gian rũ cánh.
Kiếp phong trần cháy đỏ trên tay.
Đắng cay cho trọn tháng ngày.
Cung thương một gánh, tình sâu chưa nguôi*

Đá trong ly, đá tan thành rượu
Rượu lên men, rượu ngọt lịm môi.
Có một ngàn vì sao Nằm trong đáy mắt.
Như một ngàn hỏa châu thấp sáng.
Như một ngàn đóm thuốc trong đêm...

Em ơi! Thương Uyên! Anh là người lính Mà số trời đã
định, cho một cuộc sống Với quá khứ là tử nhục,
Hiện tại là đắng cay Và tương lai chỉ là nắm mờ
không tên nơi chiến địa...Châu Nguyên, cuối thu 70.
Với lá thư tình nào nuốt như vậy, anh trung úy Thủy
quân Lục chiến đã chiếm được trái tim cô gái Tân
Châu. Và như chúng ta đã nghe cô hạ sĩ truyền tin kể
lại, khi khám phá ra anh trung úy Bắc kỳ bắt cá hai
tay, cô đã bỏ đi để buộc anh phải trở lại với mối tình
đầu. Để anh lấy chị Sương, người con gái Mỹ Tho.



Cô Uyên nói rằng, thưa với bác, em nhường Vũ cho
chị Sương, nhưng em hỏi bác vì bác cũng là Bắc kỳ,
thơ này có phải thực lòng của anh Vũ không. Có phải
thơ của Vũ làm không? Bác trả lời rằng, thơ này
nhiều phần chính Vũ đã làm. Bác chưa từng đọc
được lời thơ này ở đâu cả. Rất chân thành tuy cũng
có phần cường điệu. Người lính trên khắp thế giới
đều vẫn thường đưa cái chết ra để dọa dẫm người
tình và dọa dẫm cả chính mình. Ngày xưa, ở tuổi 20,
mới vào quân đội, Vũ cũng là hình ảnh của những
anh Bắc kỳ như bác. Anh nào cũng thơ thần bước
vào đời. Thơ không làm được thì chép thơ thiên hạ
tán đào. Bây giờ nhớ lại, ngượng chín cả người.

Quý vị đã nghe tôi kể chuyện của cô Uyên với nội
dung không phải là một bi kịch ai oán nào nùng.
Không hề có những tình tiết éo le rắc rối. Nhưng mối
tình đầu đã làm cô tưởng nhớ về những năm còn
trong quân đội. Tuy bom đạn triền miên nhưng sao
lại quyến rũ như vậy. Dù cô chỉ là một người lính đàn
bà. 18 tuổi nhập ngũ, 25 tuổi tan hàng, với 7 năm
quân vụ. Bây giờ đã 35 năm sau cô vẫn còn nhớ mãi
về đời lính

Bác có nhận giữ hộ lá thư của anh Vũ không. Cô gái
Tân Châu hỏi tôi như vậy. Trả lời rằng, bác sẽ lưu giữ
trong Viện Bảo tàng câu chuyện tình của anh chị. Xin
gửi kèm cho bác vài tấm hình kỷ niệm. Báu vật quý
giá của cô sẽ là di vật của Việt Nam Cộng Hòa. Ở đây
không phải chỉ toàn là những trận đánh oai hùng.
Phải có cả những câu chuyện tình hết sức đơn giản

như mối tình của cô Uyên với anh Vũ, chuyện vợ chồng của anh Vũ với chị Sương. Chuyện chia tay của cô Uyên với anh Nhiều. Những đứa con mang tên Hoàng Sa và Trường Sa. Và sau cùng là chuyện cô gái cựu chiến binh, cô cai sếp Việt Nam Cộng Hòa giữa trời mưa bão mùa đông Oklahoma ngồi khóc cho mối tình 40 năm về trước.

Thưa bác, bây giờ em phải làm gì, cô Uyên hỏi tôi lần nữa.

Tôi trả lời rằng: Trung úy Vũ là người yêu đầu tiên của cô năm 1970 và bây giờ sẽ là người yêu cuối cùng vào năm 2010. Trong đoạn cuối của bài thơ, Vũ đã viết rằng tương lai của anh chỉ là nắm mồ không tên nơi chiến địa.

Vậy cô Uyên hãy thả cho anh Vũ một ngọn đèn.

Ngọn đèn tưởng niệm...

Hãy thả cho anh một ngọn đèn...

Hãy thả cho em một ngọn đèn...

Hãy thả cho nhau một ngọn đèn...*

*(thơ Nguyễn Đình Toàn)

Giao Chỉ, San Jose.

XE TANG VỀ QUÊ CHỒNG

Trung úy Dù Quách Văn Sở,
Khóa 24 Trường VBQGVN.



Chuyện kể tại San Jose ngày 29 tháng 04 năm 2009.
Em là Trần Thị Lệ Hà, quê Cần Thơ, hiện cư ngụ tại San Jose, xin kể lại cho bác Lộc và các bác niên trưởng trong quân đội câu chuyện hơn 30 năm về trước. Nếu miền Nam và Sài Gòn gọi ngày 30 tháng Tư 75 là ngày tang của đất nước thì ngày tang của Trần Thị Lệ Hà đến sớm hơn một ngày. Đó là ngày 29 tháng 4 năm 1975. Đêm 28 tháng 4, Trung úy Quách Văn Sở, Võ bị Đà Lạt khóa 24, từ giã vợ con vào trại Hoàng Hoa Thám sinh hoạt với tân binh Nhảy dù. Trung úy mũ đỏ Quách Văn Sở rất có tinh thần trách nhiệm, đã có giấy lên đại úy nhưng còn chờ lễ đeo lon. Quá nửa đêm 28 qua sáng 29 thì Việt

Cộng pháo kích vào Tân Sơn Nhất và trại Hoàng Hoa Thám. Sáng sớm 29 tháng 4 lính dù chạy về báo tin anh Sở, chồng của Lệ Hà đã chết. Cùng một lúc khu trại gia binh Nhảy dù phải di tản. Em lúc đó 25 tuổi, con trai đầu lòng được 7 tháng. Chẳng có ai thân thuộc. Mẹ con ôm nhau chạy qua nhà ông cậu bên thành Lê Văn Duyệt. Chồng chết ra sao cũng không biết. Đường xá kẹt hết. Chuyện chiến tranh, trận mạc nhà binh từ khi lấy nhau tất cả đều do anh Sở quyết định. Nay bỗng nhiên trời sập, ôm đứa con dại, em ngồi khóc một mình. Không biết xác chồng nằm ở nơi đâu. Chung quanh Sài Gòn náo loạn, ai mà lưu tâm đến người vợ trẻ mất chồng vào cuối tháng 4. Phải mà anh Sở chết sớm hơn một tháng thì truyền thống lính Dù đã đưa xác về tận nhà. Tang lễ uy nghi, có đơn vị trưởng chứng kiến lễ gấp cờ, như em đã thấy tại sân Hoàng Hoa Thám. Nhưng sao anh Sở lại chết vào cuối tháng tư, giờ thứ 25 của cuộc chiến.

Trải qua một đêm dài thảm kịch. Thằng bé Quách Vĩnh Hưng ôm mẹ nằm trên đất lạ. Cả mẹ con đều không thấy tương lai. Hôm sau, nhờ cậu em họ dẫn đường vào trại Hoàng Hoa Thám để tìm xác anh Quách Văn Sở. Doanh trại đã di tản. Ở một vài nơi quân ta còn kháng cự và quân địch chưa tiến vào. Khu bị pháo kích chỉ còn di tích đổ nát, thương binh tử sĩ nhảy dù chẳng còn thấy nữa. Nghe nói các chiến binh mũ đỏ đã tản thương anh em vào đêm 29 và đưa xác tử sĩ lên nghĩa trang Biên Hòa. Doanh

trại đã di tản. Ở một vài nơi quân ta còn kháng cự và quân địch chưa tiến vào.

XÁC ANH GIỜ Ở PHƯƠNG NÀO?

Trên trời máy bay trực thăng ồn ào chở người di tản suốt ngày 30 tháng 4 năm 1975.

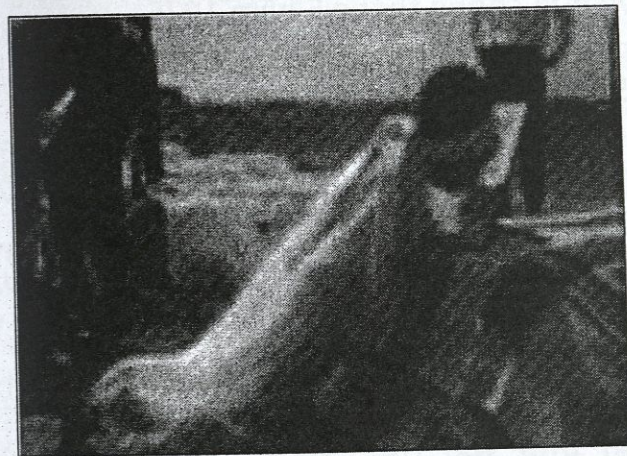
Sáng 1 tháng 5 năm 1975, Saigon đổi chủ, em chẳng hề quan tâm. Nhờ người gọi con một nơi, lấy xe máy lên tìm chồng tại nghĩa trang Biên Hòa. Đây là lần đầu tiên em tìm về nơi chôn cất tử sĩ miền Nam. Khu đơn vị chung sự Việt Nam Cộng Hòa vẫn còn đầy xác chết và quan tài đủ loại. Có người phe ta còn làm việc nhưng mặc đồ dân sự. Lính cộng sản xuất hiện nhưng xem chừng còn ngại ngùng không kiểm soát. Phe ta mạnh ai nấy tìm xác người thân và than khóc. Tử sĩ miền Nam vẫn còn đầy đủ quân phục, danh tính cấp bậc Trên quan tài vẫn còn đèn nến và vàng hương. Thân nhân ngồi khóc bên các tử sĩ từ các nơi chở về. Sau cùng em tìm được xác anh Quách Văn Sở, đã được tắm liệm và cho vào quan tài..

Một bác mặc đồ dân sự nói rằng chị yên tâm, tôi sẽ ghi dấu quan tài của ông trung úy Nhảy dù. Tôi cũng là lính Việt Nam Cộng Hòa. Đã hơn 30 năm rồi, em vẫn còn nhớ hình dáng của người lính bên ta lo việc mai táng vào lúc mà toàn quân cùng với quốc gia không còn nữa. Sau khi thấy rõ tên tuổi di tích của anh Sở năm đó, em trở về Sài Gòn bắt đầu tìm xe thuê chở xác chồng về quê. Năm xưa, vợ chồng từ

Hậu Giang lên Sài Gòn, bây giờ anh đã vĩnh viễn nằm xuống, em nhất định phải chở anh về với gia đình, về nơi anh đã ra đời.



Quê em ở Cần Thơ, quê chồng ở Rạch Giá. Giờ này mẹ và các anh em họ hàng bên anh Sở vẫn chưa biết là anh đã hy sinh. Suốt mấy ngày đầu tháng 5, em tìm mọi cách để thuê xe chở quan tài. Trong những ngày giờ đó, chẳng quen biết ai, làm sao mà thuyết phục được chủ xe chở xác sĩ quan Dù về tận Rạch Giá. Sau cùng khi tìm được lại phải cùng với chủ xe đi mua xăng. Tiền bạc không đủ, phải trả cả bằng nữ trang và nhẫn cưới đầy kỷ niệm.



CHUYẾN XE TANG VỀ QUÊ CHỒNG.

Đưa xe tải về nhà, dọn những gì có thể đem đi được, từ giã cư xá gia binh, chấm dứt đời vợ lính. Mẹ ôm con lên xe trở lại nghĩa trang. Đó là ngày 3 tháng 5 năm 1975. Nghĩa trang đã thay đổi. Tất cả các xác chết đã bị Việt Cộng bắt chôn tập thể. Nhưng may thay những quan tài có người nhận từ hôm trước vẫn còn. Vàng hương và tên tuổi cấp bậc thì vút đống dưới đất. Người lính chung sự Việt Nam Cộng Hòa mặc đồ dân sự vẫn còn đó. Ông nói rằng quan tài này của trung úy Dù tôi vẫn ghi dấu là đã có thân nhân đến nhận. Xin thưa với bác là em cũng chẳng biết tên ông lính đó là ai, nhưng ơn nghĩa tử sinh thì em ghi nhớ suốt đời. Nếu không có ông này, chắc xác anh Sở cũng phải nằm chung trong mồ tập thể. Rồi nhờ mỗi người một tay, quan tài anh Quách Văn Sở được khiêng lên xe hàng. Mẹ con ôm nhau ngồi

bên xác anh suốt quãng đường dài. Đó là chuyến xe tang về quê chôn táng 5 năm 1975.

Bác hỏi em quang cảnh bên đường ra sao. Bác ơi, vợ lính 25 tuổi, ôm thằng bé chưa được một tuổi. Lòng dạ nào mà nhìn thấy hai bên đường. Mắt em mở nhưng chỉ thấy toàn kỷ niệm quá khứ. Em là nữ sinh Đoàn Thị Điểm, Cần Thơ.

Anh Sở là sinh viên đại học Cần Thơ. Gặp nhau, hẹn hò, yêu đương. Từ đại học Cần Thơ anh vào võ bị khóa 24 học suốt 4 năm. Em ra trường làm công chức, đổi từ Cần Thơ lên Sài Gòn. Bốn năm Đà Lạt, Sài Gòn tình yêu thơ mộng biết chừng nào. Ra trường anh đi lính nhảy dù đóng tại trại mũ đỏ Hoàng Hoa Thám, em làm công chức tại văn phòng phủ thủ tướng. Đâu có quen biết ông lớn nào đâu. Sở công vụ cho đi đâu thì làm đó. Chiến tranh ở đâu thì không biết nhưng Sài Gòn, Cần Thơ và Rạch Giá là những miền đất đầy hạnh phúc của một gia đình trẻ với đứa con trai.

Từ đầu tháng tư mẹ em ở Cần Thơ rất lo sợ cho con rể, con gái và cháu ngoại. Mẹ anh Sở ở Rạch Giá cũng đang cầu nguyện cho con trai, con dâu và cháu nội.

Chuyến xe đau thương của em ghé Cần Thơ. Mẹ thấy con gái về bèn ôm cháu ngoại hỏi rằng còn thằng Sở đâu. Con gái mẹ kêu khóc mà nói rằng: anh Sở chết rồi. Con đưa xác về đây. Mẹ đi với con qua Rạch Giá. Mẹ già tất tả vừa khóc vừa gói quần áo theo con gái lên xe. Cả xóm tuôn ra nhìn theo, chiếc

xe tang về quê chôn lại lên đường. Xe tải chở theo bà sui Cần Thơ đi theo con gái. Nước mắt góa phụ trẻ bây giờ thêm nước mắt mẹ già. Thằng rể quý của bà đi lính Nhảy dù mấy năm không chết mà đến ngày cuối cùng lại tử trận.

NGƯỜI LÍNH MŨ ĐỎ ĐẤT KIÊN GIANG.

Năm 1971 có anh sĩ quan Nhảy dù xuất thân Võ bị làm đám cưới ở bến Ninh Kiều, Cần Thơ, tiệc bên nhà gái xong là rước dâu về Rạch Giá. Đoàn xe hoa cũng đi theo con đường này. Qua đến năm 1975, xe hàng chở quan tài người lính chiến về lại quê xưa, cũng có bà sui đại diện cho nhà gái trong chuyến đi cuối cùng. Xe về đến Rạch Giá, cả nhà họ Quách ra đón mừng, thấy quan tài con trai út bà mẹ té dài ngay trên bậc cửa.

Mẹ của anh lính Dù có hai người con trai. Mấy năm trước người anh tên là Quách Hải đã tử trận. Còn cậu út nhất định đi võ bị rồi theo Nhảy dù, bà tưởng rằng gỡ gắm được ông Tướng Dư Quốc Đống vốn là thân quyến thì cũng đỡ nạn binh đao. Ai ngờ anh sĩ quan Nhảy dù chết ngay tại trại Hoàng Hoa Thám vào giờ phút sau cùng của cuộc chiến.

Mặc dù lúc đó cộng sản 30 tháng 4 tại Kiên Giang đã làm khó dễ nhưng người góa phụ trẻ hoàn toàn không có kinh nghiệm trong cuộc sống đã một mình đơn độc đem xác chồng về chôn tại quê nhà. Câu chuyện làm xúc động bà con lối xóm nên đám tang

rất đông người dự để tiễn đưa người lính Dù cuối cùng của đất Kiên Giang trở về quê mẹ.

NƯỚC NON NGÀN DẶM RA ĐI.

Sau đó em trốn tránh quanh quẩn tại Hậu Giang vì muốn dấu lý lịch vợ lính Dù, lại làm công chức phủ thủ tướng. Qua năm 1979 trở về Cần Thơ vượt biên với má và thằng con trai. Nhờ anh Sở phù hộ, tàu qua Mã Lai bị kéo ra biển nhưng rồi cố lết qua được Indo. Ở bên Nam Dương một năm thì vào Mỹ, đến ngay San Jose. Mấy năm sau, em gặp ông xã sau này, hai bên lập gia đình và có thêm hai cháu.

Thưa với bác Lộc rồi, em có duyên số với Võ bị và Rạch Giá. Ông xã hiện nay của em cũng là người quê Rạch Giá, cùng vượt biên năm 1979 trong một chuyến khác. Qua đây mới gặp nhau. Ông ấy ngày xưa cũng dạy trường Võ bị Đà Lạt. Con cái của gia đình em, nói để các bác mừng cho, tất cả đều thành đạt và hạnh phúc. Các cháu cũng đã lập gia đình và có thêm các cháu nội ngoại.

Ông xã em bây giờ hết sức tế nhị và thông cảm. Chính ông đã làm một bàn thờ tại gia để ghi nhớ hình ảnh của Trung úy Nhảy dù Quách Văn Sở, ba của cháu Quách Vĩnh Hưng. Năm nay cháu 35 tuổi.

CHÚT DI SẢN MUỘN MÀNG, GỬI TƯƠNG LAI VĨNH CỬU.

Đã 34 năm qua, em còn lưu giữ hồ sơ của anh Sở. Một tờ khai gia đình của khu gia binh sư đoàn Nhảy dù, căn cứ Hoàng Hòa Thám. Có chữ ký của Thượng sĩ Trần Văn Linh, trưởng trại gia binh. Kiến thị bởi Trung tá Nguyễn Văn Tư chỉ huy trưởng căn cứ và chữ ký của gia trưởng Trung úy Quách Văn Sở. Ngoài ra còn giấy chứng nhận bằng nhảy dù, thẻ căn cước dân sự, thẻ căn cước quân nhân, chứng chỉ tại ngũ. Trên các thẻ căn cước, chỗ nào cũng có tên mẹ của anh Sở là Dư Thị Kim Thoa, bà là vai cô của tướng Dư Quốc Đống. Trung úy Sở còn tờ giấy nghỉ phép 5 ngày từ 26 tháng 4 đến 30 tháng 4 năm 1975. Cầm giấy phép, nhưng anh Sở không đi phép. Vì lo tân binh Nhảy dù mất tinh thần nên tối 28 tháng 4 năm 1975 anh vào trại. Trận pháo kích sau cùng đã làm thay đổi vận mệnh của cả gia đình. Người thanh niên Kiên Giang, trải qua 4 năm sinh viên võ bị Đà Lạt, 5 năm sĩ quan Nhảy dù, từ già cuộc đời năm 30 tuổi. Anh để lại tấm thẻ bài hai mảnh. Gia đình còn giữ suốt 34 năm qua. Nay đã đến lúc chia tay đôi ngả. Một tấm đi theo quân bạ vào viện bảo tàng. Còn một mảnh xin giữ làm kỷ niệm cho con cháu họ Quách đời sau. Với đầy đủ tên họ, số quân và loại máu.

TÂM NGUYỆN CHO TƯƠNG LAI.

Thưa bác, kể xong chuyện ma chay cho người chồng chiến binh 34 năm về trước, trao được các di vật cho viện bảo tàng Việt Nam tại San Jose, em rất yên tâm. Xin cảm ơn nhà em ngày nay, nguyên là giáo sư Võ bị ngày xưa đã thông cảm, sẽ thông cảm thêm. Con trai của anh Sở nay đã 35 tuổi, sẽ hiểu biết thêm chuyện gia đình và chiến tranh. Những đứa con sau này ra đời tại San Jose bây giờ mới biết ngày xưa mẹ sống trong trại lính Dù có tên là Hoàng Hoa Thám. Anh em Đà Lạt khóa 24 biết thêm về người con gái miền Tây làm dâu Võ bị hai lần. Người Rạch Giá cũng biết thêm về cô gái Cần Thơ hai lần lấy chồng xứ Kiên Giang.

Và em tạ ơn trời đất còn có ngày nay. Trước sau em cũng chỉ là người vợ lính đã từng sống trong trại gia binh.

Em cảm ơn các bác đã nghe hết câu chuyện 29 tháng 4 của em 34 năm về trước.



